

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**



ĐẠU ĐÌNH ĐÀI

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

Thừa Thiên Huế, năm 2023

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

ĐẠU ĐÌNH ĐÀI

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM
CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC
HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC
THEO ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU**

Mã số: 8140114

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS.TS. ĐÌNH THỊ HỒNG VÂN**

Thừa Thiên Huế, năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản luận văn này là kết quả nghiên cứu của cá nhân tôi. Các số liệu và tài liệu được trích dẫn trong luận văn là trung thực. Kết quả nghiên cứu này không trùng với bất cứ công trình nào đã được công bố trước đó.

Tôi chịu trách nhiệm với lời cam đoan của mình.

Huế, tháng 12 năm 2023

Tác giả luận văn

Đậu Đình Đài

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế đã nhiệt tình giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Đinh Thị Hồng Vân, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình giúp đỡ tôi nghiên cứu, thực hiện thành công đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, quý thầy/cô là cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên và các em học sinh ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện ở Đắc Song, tỉnh Đắc Nông đã tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tôi trong quá trình khảo sát thực trạng của luận văn.

Thời gian nghiên cứu còn hạn chế, chắc chắn luận văn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Tôi rất mong sự đóng góp chân thành của quý thầy/cô, các cấp lãnh đạo, đồng nghiệp và bạn đọc để luận văn hoàn thiện hơn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Huế, tháng 12 năm 20223

Tác giả

Đậu Đình Đài

MỤC LỤC

Trang phụ bìa	i
Lời cam đoan.....	ii
Lời cảm ơn	iii
MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT	5
DANH MỤC CÁC BẢNG	6
MỞ ĐẦU	8
1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI	8
2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU	10
3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU	10
4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU	10
5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU	10
6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	10
7. GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU	11
8. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN	11
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC	12
1.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu vấn đề	12
1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài	12
1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước	15
1.2. Các khái niệm cơ bản	18
1.2.1. Hoạt động trải nghiệm	18
1.2.2. Quản lý, quản lý giáo dục	19
1.2.3. Quản lý hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	20
1.3. Lý luận về hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	21
1.3.1. Vai trò của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	21
1.3.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	22
1.3.3. Nội dung của hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	25
1.3.4. Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	26
1.3.5. Loại hình hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	29
1.3.6. Các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	30
1.3.7. Các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh của giáo viên	31

1.3.8. Các điều kiện hỗ trợ hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	32
1.4. Lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	33
1.4.1. Quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	33
1.4.2. Quản lý việc thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	34
1.4.3. Quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	35
1.4.4. Quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	36
1.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	37
1.4.6. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	37
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở nhà trường tiểu học	38
Tiểu kết chương 1	41
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG	42
2.1. Khái quát về tình hình kinh tế, xã hội và giáo dục ở huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	42
2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội	42
2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục	43
2.2. Khái quát về quá trình khảo sát	44
2.2.1. Mục đích khảo sát	44
2.2.2. Nội dung khảo sát	44
2.2.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát	44
2.2.4. Phương pháp khảo sát	45
2.2.5. Xử lý số liệu	45
2.3. Thực trạng thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	45
2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học	45
2.3.2. Thực trạng thực hiện yêu cầu về phẩm chất và năng lực của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	47

2.3.3. Thực trạng thực hiện nội dung của hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	49
2.3.4. Thực trạng thực hiện phương thức và loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	53
2.3.5. Thực trạng các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	57
2.3.6. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học của các giáo viên	58
2.3.7. Thực trạng thực hiện các điều kiện hỗ trợ hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	59
2.4. Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	60
2.4.1. Quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	60
2.4.2. Quản lý việc thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	61
2.4.3. Quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	63
2.4.4. Quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	64
2.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	66
2.4.6. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học	67
2.5. Thực trạng các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	68
2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	70
2.6.1. Ưu điểm	70
2.6.2. Hạn chế	70
2.6.3. Nguyên nhân của hạn chế	71
Tiểu kết chương 2	72
CHƯƠNG 3. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG	73
3.1. Những định hướng đề xuất biện pháp	73

3.2. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp	74
3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu	74
3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả	74
3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện	75
3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi	75
3.2.5. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn	76
3.3. Các biện pháp đề xuất	76
3.3.1. Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh học sinh về hoạt động trải nghiệm	76
3.3.2. Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương	80
3.3.3. Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên	82
3.3.4. Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho học sinh.....	83
3.3.5. Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh	86
3.3.6. Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh	88
3.3.7. Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh	90
3.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp	92
3.5. Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp	93
3.5.1. Mục đích khảo nghiệm	93
3.5.2. Đối tượng khách thể khảo nghiệm	94
3.5.3. Nội dung khảo nghiệm	94
3.5.4. Kết quả khảo nghiệm	94
Tiêu kết chương 3	97
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	99
1. Kết luận	99
2. Khuyến nghị	101
TÀI LIỆU THAM KHẢO	103
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC KÍ HIỆU VÀ CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
CBQL	Cán bộ quản lý
HĐTN	Hoạt động trải nghiệm
HS	Học sinh
GV	Giáo viên
TH	Tiểu học

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Mẫu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên	44
Bảng 2.2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về ý nghĩa của HĐTN đối với học sinh tiểu học	45
Bảng 2.3. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ thực hiện về phẩm chất và năng lực trong HĐTN	47
Bảng 2.4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ thực hiện các nội dung giáo dục trong HĐTN cho học sinh tiểu học	49
Bảng 2.5. Đánh giá của học sinh lớp 1 về mức độ yêu thích các chủ đề hoạt động trải nghiệm	50
Bảng 2.6. Đánh giá của học sinh lớp 2 về mức độ yêu thích các chủ đề về hoạt động trải nghiệm	51
Bảng 2.7. Đánh giá của học sinh lớp 3 về mức độ yêu thích các chủ đề hoạt động trải nghiệm	52
Bảng 2.8. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về phương thức thực hiện về các nội dung giáo dục trong HĐTN cho học sinh tiểu học	53
Bảng 2.9. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về loại hình giáo dục HĐTN cho học sinh tiểu học	54
Bảng 2.10. Đánh giá của học sinh lớp 1 về mức độ hứng thú của các loại hình hoạt động .	55
Bảng 2.11. Đánh giá của học sinh lớp 2 về mức độ hứng thú của các loại hình hoạt động .	55
Bảng 2.12. Đánh giá của học sinh lớp 3 về mức độ hứng thú của các loại hình hoạt động .	56
Bảng 2.14. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về năng lực tổ chức HĐTN cho học sinh của giáo viên	58
Bảng 2.15. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các điều kiện tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học	59
Bảng 2.16. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý thực hiện mục tiêu HĐTN cho học sinh	60
Bảng 2.17. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý thực hiện nội dung HĐTN cho học sinh	62
Bảng 2.18. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	63
Bảng 2.19. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý các lực lượng tham gia HĐTN cho học sinh	64
Bảng 2.20. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý các điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN cho học sinh	66

Bảng 2.21. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý kiểm tra, đánh giá HĐTN cho học sinh	67
Bảng 2.22. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN cho học sinh tiểu học	69
Bảng 3.1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về tính cấp thiết của các biện pháp đề xuất	94
Bảng 3.2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về tính khả thi của các biện pháp đề xuất	96

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

Từ năm học 2019 - 2020, “Hoạt động trải nghiệm” là một công việc rất gần gũi và không thể thiếu được đối với Tiểu học khi muốn nâng cao chất lượng cũng như thương hiệu hay văn hóa trường học. Cùng với trang bị kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm và sao đó người học phân tích, suy ngẫm về sự trải nghiệm và kết quả của sự đó là quy trình này giúp học sinh củng cố kiến thức, hình thành và phát triển các năng lực, kỹ năng, hành xử mới và thậm chí là cách tư duy mới. Cách tiếp cận trên được xem là có nhiều điểm ưu việt so với phương pháp giáo dục truyền thống. Học thông qua thực hành là quá trình học sinh học từ kinh nghiệm từ chính mình thông qua việc tiếp xúc trực tiếp với học liệu vật chất đối tượng khác với việc học thông qua đọc một cuốn sách tức là thông qua kinh nghiệm của người khác được đúc kết lại bằng các văn bản...

Thông tư số 3636/BGDĐT-GDT ngày 19 tháng 8 năm 2019, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020 – 2021.

Hoạt động trải nghiệm là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, định hướng thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể hiện các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng các môn học đã thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình và xã hội phù hợp với lứa tuổi...

Hoạt động trải nghiệm là phương pháp gắn với thực tiễn, gần gũi với học sinh Tiểu học từ đó gây sự hứng thú cho học sinh học tập các môn học khác. Ở mỗi thời điểm hay ở mỗi địa điểm khác nhau, chúng ta luôn mong muốn hướng tới học sinh phát triển toàn diện về kiến thức và kỹ năng với những nội hàm khác nhau. Chúng tôi cho rằng quản lý hoạt động trải nghiệm là hoạt động có trạng thái vui vẻ vì cảm thấy hoàn toàn đạt được các kỹ năng. Đó là mục tiêu sống, mục tiêu hành động của mỗi con người muốn chiếm lĩnh được trong cuộc sống. Vì thế, giáo dục có vai trò quan trọng cho sự hình thành, phát triển trí tuệ kỹ năng của mỗi con người. Do đó, việc hoạt động trải nghiệm cho người học là nhân tố quan trọng trong quá trình giáo dục. Chính vậy, nhà trường trở thành văn hóa trường học là xu hướng tất yếu, ở đó mọi người đều có được cảm giác vui vẻ vì đạt được ý nguyện. Quá trình giáo dục trong nhà trường, quan trọng nhất là làm thế nào để mỗi thầy giáo, cô giáo thấy được niềm vui, để chính họ là người truyền cảm hứng, mang đến niềm vui, cho học sinh. Trong nhà trường, hiệu trưởng là người khởi nguồn và tổ chức, kiến tạo,

tạo điều kiện tài chính, cơ sở vật chất; Sự thành công của học sinh, giáo viên lại là thành công và niềm vui của Hiệu trưởng.

Với nhận thức ấy, muốn có nhiều học sinh trải qua thực tiễn qua hoạt động trải nghiệm, phải có những con người (những chủ thể) có nhân sinh quan tích cực, giỏi về mọi mặt khác đối diện với cuộc sống hiện tại: Các chủ thể trong một nhà trường bao gồm cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh. Những yếu tố tâm lý nào để cho các chủ thể đó được hoạt động trải nghiệm nhiều, làm sao để thỏa mãn được những mong muốn, nguyện vọng của họ ở trong trường học? Nhận thức như thế nào cho chính xác và đầy đủ nhất về các hoạt động trải nghiệm ở trường Tiểu học? Để từ đó làm cho bản thân học sinh phát triển kiến thức, kỹ năng, xây dựng trường thân thiện, an toàn. Một trường muốn đào tạo học sinh giỏi về toàn diện phải chăng nên xuất phát đầu tiên là có những người dạy có một tâm lý nhẹ nhàng trước một tiết học. Giáo viên cảm thấy có hiệu quả cao sau mỗi tiết dạy, buổi dạy. Đó là những vấn đề trở ngại cần được suy xét và có lẽ đây cũng là một trong những vấn đề đang cần được mong muốn nghiên cứu. Từ việc nhận thức chính xác về trường học quản lý tốt hoạt động trải nghiệm sẽ giúp tìm ra cách xây dựng trường học Thân thiện an toàn. Đây là kênh thông tin để các nhà quản lý điều chỉnh, thay đổi phương pháp chỉ đạo, tạo môi trường phù hợp với sự mong đợi của giáo viên, học sinh, phụ huynh học sinh và xã hội. Các giáo viên sẽ biết cách làm cho mình được có nhiều phương pháp truyền tải kiến thức kỹ năng trong công việc, biết cách gần gũi, quan tâm, yêu thương, giúp cho học sinh hoàn thành các kỹ năng để tiến tới bước đầu hình thành kỹ xảo cho học sinh tiểu học.

Thực tiễn hiện nay, các trường học đang có xu hướng cho học sinh các hoạt động trải nghiệm, đẩy mạnh phong trào thay đổi để có một trường học có nhiều hoạt động trải nghiệm thực tế cho học sinh Tiểu học, trở thành nhiệm vụ để thi đua, phấn đấu xây dựng văn hóa, thương hiệu của nhà trường. Đối với các chủ thể là giáo viên trong nhà trường nắm bắt với tư duy đó và ngay từ đầu họ đã và đang rất nỗ lực nhận thức đúng đắn và đầy đủ nhất, tích cực để thay đổi trong phương pháp giảng dạy để kiến tạo lên cho học sinh có nhiều trải nghiệm thực tiễn. Từ trong phương pháp giảng dạy, tập trung ngay vào định hướng năng lực người học; trong mối quan hệ giữa các đồng nghiệp luôn có thái độ, hành vi hoà nhã chia sẻ, đồng viên cùng phát triển; với phụ huynh; cùng xã hội với học sinh theo hướng thân thiện, gần gũi, yêu thương nhưng vẫn trong khuôn khổ kỷ cương trường lớp.

Xuất phát từ những lý do trên, tôi đã chọn vấn đề **“Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông”** làm đề tài luận văn thạc sỹ.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH trên địa bàn huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, tác giả đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động này nhằm nâng cao chất lượng hoạt động trải nghiệm ở trường TH, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

3. KHÁCH THỂ VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

3.1. Khách thể nghiên cứu

Hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường TH.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

Hiện nay công tác quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông đã đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn còn hạn chế ở một số khía cạnh. Nếu xây dựng được cơ sở lý luận và đánh giá đúng đắn thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông thì sẽ đề xuất được các biện pháp quản lý khả thi nhằm nâng cao hiệu quả công tác này, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

5.1. Nghiên cứu cơ sở lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường TH.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

5.3. Đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

6.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý luận

Thu thập, lựa chọn các tài liệu trong và ngoài nước liên quan đến công tác quản lý hoạt động trải nghiệm ở trường TH.

Phân tích, tổng hợp, khái quát hóa các vấn đề lý luận trong các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến đề tài, các văn bản chỉ đạo của ngành Giáo dục, sách, báo tạp chí... liên quan đến quản lý hoạt động trải nghiệm ở trường TH để làm cơ sở lý luận cho đề tài.

6.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*: nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đăk Song,

tỉnh Đắk Nông.

- *Phương pháp phỏng vấn*: nhằm thu thập các thông tin bổ sung cho thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- *Phương pháp chuyên gia*: Thu thập ý kiến của các chuyên gia về nội dung, tính cần thiết và khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm*: Tổng kết các kinh nghiệm từ việc quản lý hoạt động trải nghiệm của HS ở các trường TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trong thời gian qua.

6.3. Phương pháp thống kê toán học

Sử dụng các phép toán thống kê và phần mềm SPSS để xử lý các số liệu định lượng thu thập được từ phiếu khảo sát trong quá trình nghiên cứu của đề tài.

7. GIỚI HẠN PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Để đánh giá thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, đề tài tập trung khảo sát 124 CBQL và GV, 549 học sinh.

Chương trình hoạt động trải nghiệm theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

8. CẤU TRÚC CỦA LUẬN VĂN

Ngoài Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận văn được cấu trúc gồm 3 phần:

+ Phần thứ nhất: Mở đầu

+ Phần thứ hai: Nội dung nghiên cứu, gồm 3 chương

- Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường TH.

- Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

- Chương 3: Biện pháp quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

+ Phần thứ ba: Kết luận và khuyến nghị

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

1.1. Khái quát lịch sử nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài

Lí thuyết học tập theo kinh nghiệm (hay lí thuyết học trải nghiệm) có một cái nhìn khác biệt cơ bản về quá trình học, đặt trong sự so sánh đến lí thuyết học hành vi [35]. Lí thuyết này coi kinh nghiệm sống là một phần trung tâm và cần thiết của quá trình học tập, nơi kiến thức của người học nói riêng, mỗi người nói chung được tạo ra thông qua việc chuyển đổi kinh nghiệm. Và như vậy, quá trình học tập trong nhà trường cần nên được tổ chức như là một quá trình xã hội trong đó diễn ra sự chia sẻ kinh nghiệm, sự trải nghiệm của học sinh (HS). Lí thuyết học trải nghiệm hoàn toàn phù hợp và tích cực, có thể vận dụng trong dạy học ở nhà trường phổ thông hiện nay, nhằm phát triển năng lực người học, hướng tới thực hiện đổi mới Chương trình và sách giáo khoa.

Như vậy, “trải nghiệm” có nghĩa là chủ thể trực tiếp tham gia vào các hoạt động, gắn với thực tiễn, và thông qua thực tiễn, thử nghiệm tự đúc rút cho mình những kinh nghiệm nhất định [31]. Nhiều nhà tư tưởng, tâm lí, giáo dục trên thế giới quan niệm trải nghiệm như một lí thuyết trong học tập như William James, John Dewey, Kurt Lewin, Jean Piaget, Carl Rogers, Lev Vygotsky, Carl Jung, Paulo Freire, David Kolb, Colin Beard, John P. Wilson, Michael Reynolds, Russ Vince và nhiều học giả khác (Kolb, 2015). Theo Katrin và Urve (2012), “môi trường học tập diễn ra bên ngoài lớp học khơi gợi hứng thú học tập cho HS” [30].

Học trải nghiệm (học qua trải nghiệm, hay học tập trải nghiệm - experiential learning) là một khái niệm được đưa ra với những hàm ý đã được nhiều nhà khoa học khẳng định trước đây, rằng việc tiếp thu các kĩ năng và xây dựng kiến thức của người học là kết quả trực tiếp của kinh nghiệm. Người học được cho là có khả năng lựa chọn và trải nghiệm để tiếp tục phát triển nhận thức (Atherton, 2009) [29]. Theo David A. Kolb (2015), học tập là một chu kì (quá trình có tính chu kì) bắt đầu bằng trải nghiệm tiếp tục với sự phản ánh và sau đó dẫn đến hành động chính nó trở thành một kinh nghiệm cụ thể cho sự phản ánh. David A. Kolb (2015) đã phát triển một mô hình về cách HS có thể học, mô hình học trải nghiệm của ông trở nên nổi tiếng và được nghiên cứu, sử dụng nhiều nơi trên thế giới. Trong mô hình học tập kinh nghiệm của David A. Kolb (2015), quá trình học tập được chia thành 4 giai đoạn mà người học đều phải trải qua để học tập có hiệu quả nhất [31].

Tác giả Viera Boumová (2008) đã chỉ ra những ưu điểm vượt trội của DHTN khi làm nổi bật vai trò trung tâm của HS, kết nối tương tác với người học trong suốt quá trình học. Tác giả đặc biệt nhấn mạnh vai trò của người dạy trong việc lựa chọn, tổ chức các hoạt động phù hợp để người học ứng dụng kiến thức vào thực tiễn [36].

Passarelli và Kolb (2012) trong một nghiên cứu cũng đã trình bày các lý thuyết học tập trải nghiệm và đã đưa những hướng vận dụng lý thuyết này trong việc thúc đẩy người học học tập và phát triển chương trình giáo dục cho du HS [33].

Theo Joplin (1995), quá trình DHTN diễn ra theo mô hình hành động – phản ánh, đòi hỏi 2 yếu tố cơ bản: (1) cung cấp điều kiện, môi trường trải nghiệm và (2) cung cấp phương tiện phản hồi kinh nghiệm sau trải nghiệm đó. Chu trình dạy học của tác giả có 5 bước (tập trung (focus) – thử thách (challenging) – thực hiện (action) – hỗ trợ (support) và phản hồi (feedback) – tham vấn (debrief)). Tuy nhiên, có thể phân tích quá trình DHTN qua 3 bước tiến hành với quá trình hỗ trợ và phản hồi diễn ra thường xuyên [32].

Bước 1: Tập trung người học, dẫn nhập và giao nhiệm vụ

Bước này người dạy cần (1) giúp người học nhận thức được tầm quan trọng, mục đích của hoạt động trải nghiệm), (2) giao nhiệm vụ và (3) cung cấp những phương tiện cần thiết.

Bước 2: Tổ chức cho người học học qua trải nghiệm

Giáo viên đặt người học vào tình huống mới mà người học chưa có kinh nghiệm để giải quyết, thúc đẩy các hoạt động mà người học phát huy những kinh nghiệm và trách nhiệm cá nhân theo chu trình: (1) Kinh nghiệm cụ thể ; (2) Quan sát phản ánh; (3) Khái quát hóa kinh nghiệm; (4) Trải nghiệm chủ động (Kolb, 1984).

Trong quá trình tổ chức, GV phải phát huy tính trách nhiệm của người học thông qua việc chọn lọc, thiết kế hành động trải nghiệm phù hợp và khơi dậy niềm tin đối với người học rằng họ có khả năng giải quyết vấn đề.

Bước 3: Điều hành hoạt động kết nối, đánh giá và chiêm nghiệm (tham vấn)

Người dạy xem xét những hành động trước đó chưa được đề cập, chưa được nhận ra, chưa được hỏi, tích hợp hoặc tổ chức để định hướng cho người học tiếp tục nghiên cứu.

John Dewey (1859-1952) cũng đã đưa ra mô hình học tập qua kinh nghiệm của mình. Cụ thể:

J. Dewey là người đưa ra quan điểm “học qua làm, học bắt đầu từ làm”. Theo ông, quá trình sống và quá trình giáo dục không phải là hai quá trình mà là một. Giáo dục tốt nhất phải là sự học tập trong cuộc sống. Trong quá trình sống, con người không ngừng thu lượm kinh nghiệm và cải tổ kinh nghiệm nên trẻ em phải

học tập trong chính cuộc sống xã hội. Theo tư tưởng này, dạy học phải giao việc cho HS làm, chứ không phải giao vấn đề cho HS học. Những tri thức đạt được thông qua làm mới là tri thức thật. Vì vậy, ông chủ trương đưa các loại bài tập hoạt động như: nghề làm vườn, dệt, nghề mộc... vào nhà trường. Đây là loại bài tập này có khả năng phát triển hứng thú và năng lực của HS, vừa phản ánh được thực tiễn xã hội [34].

Ông đề cao luận điểm về phương pháp DHTN. Dewey nhấn mạnh: sự phát triển thể chất của trẻ sẽ đi trước về giác quan, theo đó trẻ hành động trước khi có nhận thức đầy đủ về hành động đó, nghĩa là trẻ thường hành động khi chưa có kinh nghiệm về hành động. Do đó, trong thực tế, ý thức thực tế của trẻ có thể là chưa đầy đủ hoặc hành động hấp tấp, nhưng điều đó đã cho trẻ có thêm trải nghiệm về cuộc sống. Quá trình phát triển trí tuệ của người học là kết quả của sự trải nghiệm. Sự phát triển trí tuệ trước hết phải có quá trình hình thành biểu tượng. Trải nghiệm sẽ cho trẻ biểu tượng trong đầu về sự vật hiện tượng đó. Theo ông, chương trình dạy học và việc dạy học phải là quá trình xâu chuỗi các thành tố trong kinh nghiệm cũ và mới của đứa trẻ. Quá trình học của trẻ phải là quá trình hình thành cái nhìn mới, hứng thú và kinh nghiệm mới. Cũng theo Dewey, nhà trường và GV phải tạo ra một môi trường học tập trong đó những hoạt động của trẻ chứa đựng cả những tình huống khó khăn, để từ đó người học tự tìm tòi và xây dựng kiến thức thông qua “kinh nghiệm” và “tư duy”, thông qua “trải nghiệm” của chính bản thân [10, 21].

Ngoài ra, còn phải kể đến rất nhiều các nhà giáo dục học hiện đại như Willingham, Conrad và Hedin, Druism, Owens và Owens, Karen Warren.... Đối với các nước có nền giáo dục phát triển, đặc biệt là các nước tiếp cận chương trình giáo dục phổ thông theo hướng phát triển năng lực, hoạt động trải nghiệm được quan tâm và triển khai dưới nhiều góc độ. Trong khu vực Châu Á, từ năm 1973, học tập trải nghiệm đã được Hồng Kông áp dụng thông qua việc dạy học qua hoạt động tham quan, dã ngoại. Tư tưởng này tiếp tục phát triển ở các nước châu á khác như Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc... DHTN sáng tạo có một bước tiến quan trọng hơn khi vào năm 2002, chương trình “Dạy học vì một tương lai bền vững” đã được UNESCO thông qua. Trong chương trình này có phần quan trọng về học qua trải nghiệm sáng tạo. Năm 1977, “Hiệp hội Giáo dục trải nghiệm” (Association for Experiential Education - AEE) được thành lập. Từ đây, dạy học trải nghiệm đã chính thức được thừa nhận bằng văn bản và được tuyên bố rộng rãi. Năm 2002, chương trình “Dạy học vì một tương lai bền vững” đã được UNESCO thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về phát triển bền vững, trong đó “giáo dục trải nghiệm” được giới thiệu, phổ biến và phát triển rất sâu rộng sau đó. Hiện nay, tư tưởng

“Học thông qua làm, học qua trải nghiệm” vẫn là một trong những triết lí giáo dục điển hình của nước Mĩ [26].

1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước

Ngày 28/09/2019 Bộ GD-ĐT đã ban hành Công văn số 3892/BGDĐT-GDTrH hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2019-2020, trong đó nêu rõ: “Việc tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá chuyển mạnh sang hướng HĐTN [4]. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, HĐTN là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12; ở tiểu học được gọi là HĐTN, ở THCS và THPT được gọi là HĐTN, hướng nghiệp (gọi chung là HĐTN). Đây là “hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kĩ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai” [2].

Hay trong công văn Hướng dẫn số 3535/BGDĐT-GDTH V/v hướng dẫn thực hiện nội dung HĐTN cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021 đã chỉ ra nội dung: Chương trình Hoạt động trải nghiệm quy định ba mạch nội dung đối với lớp 1: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và bốn mạch nội dung đối với lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp [3].

Cũng đã có nhiều nghiên cứu liên quan đề cập đến HĐTN nói chung HĐTN của nhà trường nói riêng như: *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo- kinh nghiệm quốc tế và vấn đề của Việt Nam* của tác giả Đỗ Ngọc Thống, *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo – Góc nhìn của lý thuyết “học từ lý thuyết”* của tác giả Đinh Thị Kim Thoa. Một số vấn đề về hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong chương trình giáo dục phổ thông mới – tác giả Lê Huy Hoàng. Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo phát huy năng lượng của người học – Tác giả Nguyễn Thị Thu Hoài. Trong bài nghiên cứu nhan đề “Mục tiêu năng lực, nội dung chương trình, cách đánh giá trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo của tác giả Đinh Thị Kim Thoa đã chỉ ra để phát triển chương trình HĐGDTNST cần phải xác định khu năng lực, từ đó thiết kế nội dung để đạt mục tiêu đặt ra.

Tác giả Bùi Ngọc Diệp đã gợi ý các hình thức tổ chức HĐGDTNST có thể tổ chức được nhiều nhất, hiệu quả nhất đáp ứng được nhu cầu và mục tiêu giáo dục

trong bài *Hình thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. Ngoài ra còn nhiều nghiên cứu khác như: *Thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo gắn với dạy học gắn với năng lực của học sinh* tác giả Đặng Văn Nghĩa, *chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực: vấn đề dạy học và tổ chức dạy học* tác giả Trần Ngọc Giao, Đặng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Thị Mai Phương.

Hoàng Hòa Bình (2015) cho rằng, “qua hoạt động, bằng hoạt động, HS hình thành, phát triển năng lực, bộc lộ được tiềm năng của bản thân; tự tin, có niềm hạnh phúc bởi thành công và tiếp tục phát triển”, vậy nên “việc tổ chức học tập và trực tiếp trải nghiệm sáng tạo cho HS để quá trình học thực sự diễn ra là vô cùng cần thiết” [5].

Theo Nguyễn Thị Liên (2016), đánh giá HS qua hoạt động trải nghiệm là khẳng định khả năng tham gia, thể hiện ở kỹ năng hoạt động, giao tiếp của các em trong những tình huống phong phú, đa dạng. Đánh giá cá nhân học sinh qua hoạt động trải nghiệm xét đến cùng là sự xem xét mức độ hoàn thành các mục tiêu đã đề ra ban đầu, tập trung ở những điểm chính yếu gồm: mức độ hiểu biết của học sinh về nội dung các hoạt động trải nghiệm; trình độ đạt được các kỹ năng khi tham gia hoạt động trải nghiệm; thái độ, tình cảm của học sinh đối với hoạt động trải nghiệm. Để làm được điều này, theo tác giả, có thể sử dụng một số hình thức đánh giá tiêu biểu như quan sát, phiếu hỏi, bài viết, điểm số, tọa đàm, bài tập và trình diễn...[12].

Hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn thể hiện nhiều nét đặc thù, trước hết là về mục tiêu: giúp học sinh tham gia vào giao tiếp văn học và giao tiếp đời sống hiệu quả hơn; tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân, định hướng mỗi cá nhân trở thành một chủ thể giao tiếp độc lập, sáng tạo; nâng cao khả năng cảm thụ và đánh giá cái đẹp của nghệ thuật ngôn từ, làm giàu vốn sống, hiểu biết xã hội [8]. Nói cách khác, hoạt động trải nghiệm môn Ngữ văn đặt ra những tình huống có vấn đề gắn liền với trải nghiệm xúc cảm của mỗi học sinh, tạo điều kiện giúp các em trau dồi vốn sống; bồi dưỡng đời sống tâm hồn, tình cảm ngày càng phong phú; hình thành những phẩm chất tốt đẹp và giá trị sống nhân văn [17].

Dựa trên nghiên cứu của các nhà giáo dục thuộc Hiệp hội Giáo dục trải nghiệm (Karen et al., 1995; Kolb, 1984 và 2014), tác giả Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018) tổng hợp các đặc điểm cơ bản của quá trình DHTN: (1) Người học phải tham gia trực tiếp vào quá trình trải nghiệm; (2) Phải có quá trình chiêm nghiệm có định hướng; (3) Người dạy giữ vai trò định hướng quá trình và sản phẩm, hỗ trợ và phản hồi tích cực quá trình trải nghiệm; (4) DHTN xem kinh nghiệm của người học là nền tảng; (5) Phương pháp tổ chức trải nghiệm theo hướng phân hóa phù hợp với đặc điểm học tập của cá nhân người học; (6) Không gian DHTN được mở rộng, nội dung các vấn đề, nhiệm vụ trải nghiệm gắn liền với thực tế, tạo điều kiện để người

học phát triển toàn diện cá nhân, hướng đến thích nghi với thế giới; (7) Kết hợp các hình thức và phương pháp đánh giá theo hướng mở; (8) Quá trình thúc đẩy nhận thức và phân tích nhân tố; (9) DHTN thúc đẩy sự sáng tạo cá nhân. Rõ ràng, các đặc điểm của DHTN rất phù hợp với yêu cầu đào tạo SVSP hiện nay [16].

Với bài báo “Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Tự nhiên và Xã hội ở các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương” của tác giả Nguyễn Thị Kim Phương (2021), Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. Bài báo trình bày kết quả khảo sát bằng bảng hỏi trên 265 cán bộ quản lý, giáo viên các trường tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Kết quả cho thấy hầu hết các trường đã triển khai dạy học trải nghiệm Tự nhiên và Xã hội ở các mạch nội dung, tuy nhiên với mức độ chưa đồng đều. Việc sử dụng các phương pháp, hình thức đặc trưng cho trải nghiệm đang được vận dụng nhưng vẫn chưa được thường xuyên. Hầu hết CBQL, GV đều nhận thức đúng đắn về vai trò của hoạt động DHTN Tự nhiên và Xã hội. Nguồn kinh phí để tổ chức hoạt động trải nghiệm vẫn còn hạn chế [18].

Trong bài báo “Học tập trải nghiệm - lí thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông” của tác giả Đào Thị Ngọc Minh và Nguyễn Thị Hằng (2018); tác giả đã trình bày các lý thuyết học tập trải nghiệm và đưa ra hướng vận dụng lý thuyết học tập trải nghiệm vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở nhà trường phổ thông [13].

Phạm Quang Tiệp (2017) với bài báo: “Dạy học khoa học cho HS tiểu học theo hướng trải nghiệm”, Tạp chí Giáo dục. Bài viết này làm rõ bản chất và đặc trưng của học tập trải nghiệm, phân tích mối quan hệ tương thích giữa dạy môn khoa học ở tiểu học và dạy học theo hướng trải nghiệm. Trên cơ sở đó đề xuất thiết kế bài học trải nghiệm trong môn Khoa học ở tiểu học [23].

Tác giả Đoàn Thị Mỹ Linh với bài báo: “Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm và phong cách học tập của David A. Kolb trong giáo dục kỹ năng sống cho HS tiểu học.”; Tạp chí Giáo dục, Số 475 (Kì 1 - 4/2020), tr 17-21. Tác giả đã chia sẻ: Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục là một trong những khâu quan trọng để đảm bảo chất lượng trong giáo dục. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cần đảm bảo tất cả HS đều hứng thú và đạt được những KNS cần thiết theo mục tiêu, đặc biệt là phải sử dụng những kỹ năng này vào những tình huống thực tế [11]. Do đó, vận dụng mô hình dạy học trải nghiệm và phong cách học tập của David A. Kolb vào việc thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống có thể giúp cho HS chuyển hóa nhận thức thành hành vi - một vấn đề quan trọng trong việc giáo dục kỹ năng sống cho HS Tiểu học.

Luận văn Thạc sỹ Quản lý Giáo dục, Học viện quản lý giáo dục, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội của Phạm Minh Thảo (2021) về “Quản lý hoạt động trải nghiệm cho HS các trường tiểu học Quận Ba Đình, Hà Nội theo hướng phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường” [22]. Luận văn Thạc sỹ Quản lý Giáo dục, Học viện quản lý giáo dục của tác giả Trần Thị Mai Phương (2015) về “Quản lý hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho HS trong các trường Tiểu học huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng” [19].

1.2. Các khái niệm cơ bản

1.2.1. Hoạt động trải nghiệm

Có rất nhiều quan điểm khác nhau về trải nghiệm và HĐTN. Cụ thể Theo Từ điển tiếng Việt: “trải nghiệm là trải qua, kinh qua” [15].

Theo Từ điển Bách khoa Việt Nam, “trải nghiệm theo nghĩa chung nhất là bất kì một trạng thái có màu sắc xúc cảm nào được chủ thể cảm nhận, trải qua, đọng lại thành bộ phận (cùng với tri thức, ý thức...) trong đời sống tâm lí của từng người. Còn theo nghĩa hẹp, “trải nghiệm là những tín hiệu bên trong, nhờ đó các sự kiện đang diễn ra đối với cá nhân được ý thức chuyển thành ý kiến cá nhân, góp phần lựa chọn tự giác các động cơ cần thiết, điều chỉnh hành vi của cá nhân”.

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới, mục tiêu của hoạt động giáo dục sẽ được thực hiện trong một hoạt động gọi là HĐTN. Theo quan điểm này, HĐTN được định nghĩa như sau: HĐTN là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể hiện các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kĩ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết vấn đề thực tiễn. Qua đó, chuyển hóa kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kĩ năng mới, góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai [2]. Bản chất của HĐTN là hoạt động giáo dục và hoạt động dạy học được tổ chức trong môi trường học tập trải nghiệm nhằm hình thành và phát triển phẩm chất, NL cho HS. Đây là quá trình học mà người học được tiếp cận và tác động trực tiếp đến thực tiễn.

Nguyễn Thị Hồng Nam, Trịnh Nguyên Hương và Trần Minh Hùng (2019) [14] cho rằng: “Học thông qua trải nghiệm là cách học mà người học tham gia trải nghiệm thực tế có mục đích và suy ngẫm, chiêm nghiệm về những gì đã trải nghiệm để từ đó tăng kiến thức, phát triển các kĩ năng; là tiến trình mà người học xây dựng kiến thức và ý nghĩa của kiến thức từ trải nghiệm” và “trải nghiệm là hoạt động gắn với thực tiễn, thông qua thực tiễn để hình thành nên những khối kiến thức mới, những cảm xúc mới và những kĩ năng mới” [28]. Các tác giả Dương Giáng Thiên

Hương và Nguyễn Thị Quỳnh Trang nhìn nhận HĐTN dưới các góc độ khác nhau: hoạt động trải nghiệm (HĐTN) là một hình thức tổ chức hoạt động dạy học; HĐTN là một nội dung giáo dục; HĐTN là một hoạt động; HĐTN tương đương một môn học xuyên suốt trong chương trình.

Theo Phạm Quang Tiệp (2015), “HĐTN là hoạt động giáo dục, trong đó HS dựa trên sự tổng hợp kiến thức của nhiều lĩnh vực giáo dục và nhóm kỹ năng khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó hình thành những phẩm chất chủ yếu về năng lực thành phần đặc thù của hoạt động này: năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực thích ứng với sự biến động của nghề nghiệp và cuộc sống” [24].

HĐTN là dưới sự hướng dẫn tổ chức của nhà giáo dục, HS chủ động, tích cực thực hiện các hoạt động ở nhà trường, gia đình, xã hội nhằm phát triển năng lực, phẩm chất nhân cách [27]. Theo Nguyễn Thị Liên: "HĐTN là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại. Qua hoạt động, HS phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cải mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng" [12].

Như vậy trong đề tài này tác giả tiếp cận khái niệm, HĐTN trong nhà trường là những hoạt động giáo dục được tổ chức gắn liền với kinh nghiệm cuộc sống để HS trải nghiệm và sáng tạo. Dưới sự hướng dẫn của người dạy, từng cá nhân người học được tham gia trực tiếp vào các hoạt động khác nhau trong thực tế của nhà trường và xã hội; qua đó, phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách và phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân.

1.2.2. Quản lý, quản lý giáo dục

Tác giả Bùi Minh Hiền, Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006) cho rằng quản lý là một trong những loại hình lao động quan trọng nhất trong các hoạt động của con người. Quản lý đúng tức là con người đã nhận thức được quy luật, vận động theo quy luật và sẽ đạt được những thành công to lớn. Nghiên cứu về quản lý sẽ giúp con người có được những kiến thức cơ bản nhất, chung nhất đối với các hoạt động quản lý [7].

Trần Kiểm (1997) [9] nhấn mạnh đến hai khía cạnh của quản lý giáo dục:

- Ở cấp độ vĩ mô, đó là tác động tự giác, có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật của chủ thể quản lý đến tất cả mắt xích của hệ thống

nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ mà xã hội giao cho ngành giáo dục.

Theo Nguyễn Ngọc Quang: “Quản lý giáo dục là hệ thống những tác động có mục đích, có kế hoạch, hợp quy luật của chủ thể quản lý nhằm làm cho hệ thống vận hành theo đường lối và nguyên lý giáo dục của Đảng, thực hiện được các tính chất của nhà trường” [20].

Tác giả Đặng Quốc Bảo (2002) khái quát “Quản lý giáo dục theo nghĩa tổng quát là hoạt động điều hành phối hợp của các lực lượng xã hội nhằm thúc đẩy mạnh công tác đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu xã hội” [6].

Tác giả Đỗ Hoàng Toàn cho biết: “Quản lý giáo dục là tập hợp những biện pháp tổ chức, phương pháp giáo dục, kế hoạch hoá tài chính, cung tiêu..., nhằm đảm bảo sự vận hành bình thường của các cơ quan trong hệ thống giáo dục, đảm bảo sự tiếp tục phát triển và mở rộng hệ thống cả về mặt số lượng, cũng như về chất lượng” [25].

Đối với đề tài này, tác giả hiểu quản lý giáo dục là quản lý hệ thống giáo dục, là sự tác động có mục đích, có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý, theo những quy luật khách quan, nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt tới kết quả mong muốn. Quản lý giáo dục là một dạng hoạt động quản lý chuyên biệt, thông qua đó chủ thể quản lý tác động vào khách thể quản lý nhằm thực hiện một mục tiêu quản lý giáo dục nhất định.

1.2.3. Quản lý hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

Quản lý dạy học theo hướng trải nghiệm có thể được xác định là quá trình tác động của người quản lý tới GV, HS và các bên liên quan. Triển khai tổ chức các hoạt động dạy học trong môi trường thực tế hoặc môi trường giả định để HS vận dụng linh hoạt các kiến thức và kinh nghiệm đã có vào giải quyết các nhiệm vụ bằng các thao tác trí tuệ và hành động cơ thể nhằm lĩnh hội tri thức mới, rèn luyện kỹ năng, hình thành thái độ tích cực, phát triển năng lực bản thân, qua đó đạt được mục tiêu giáo dục của nhà trường. Nói cách khác, quản lý dạy học theo hướng trải nghiệm là quá trình nhà quản lý thực hiện các chức năng lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra hoạt động dạy học để đảm bảo hoạt động dạy học được tổ chức theo hướng trải nghiệm.

Quản lý HĐTN trong nhà trường là một bộ phận không thể thiếu của nhiệm vụ quản lý giáo dục mà mọi cán bộ quản lý giáo dục đều thực hiện. Quản lý HĐTN trong nhà trường phổ thông là hệ thống những tác động có định hướng, có chủ đích,

có kế hoạch và hợp quy luật của CBQL giáo dục, thông qua HĐTN nhằm hỗ trợ mọi cá nhân chọn lựa và phát triển chuyên môn nghề nghiệp phù hợp nhất với khả năng của HS.

Quản lý HĐTN cho HS là quá trình tác động có mục đích, có kế hoạch của hiệu trưởng tới giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm tạo tối đa các cơ hội để HS được trải nghiệm thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó hình thành những phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và một số năng lực thành phần đặc thù.

1.3. Lý luận về hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

1.3.1. Vai trò của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

HĐTN có ý nghĩa rất quan trọng đối với HS tiểu học. Ở cấp tiểu học, nội dung Hoạt động trải nghiệm tập trung vào các hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện bản thân, hoạt động phát triển quan hệ với bạn bè, thầy cô và người thân trong gia đình. Các hoạt động xã hội và tìm hiểu một số nghề nghiệp gần gũi với HS cũng được tổ chức thực hiện với nội dung, hình thức phù hợp với lứa tuổi.

Theo chương trình giáo dục phổ thông được Bộ GD&ĐT công bố ngày 27/7/2018: HĐTN là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12. Ở cấp tiểu học, hoạt động này được gọi là HĐTN; ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông, được gọi là HĐTN, hướng nghiệp. HĐTN nhằm giúp HS huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học và lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn đời sống gia đình, nhà trường và xã hội; tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động, từ thiết kế hoạt động đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động; trải nghiệm, bày tỏ quan điểm, ý tưởng sáng tạo, lựa chọn ý tưởng hoạt động; dưới sự hướng dẫn của nhà giáo dục, HS tiếp tục củng cố và phát triển các kỹ năng sống cơ bản, thói quen tích cực, nề nếp học tập, hành vi ứng xử văn hoá ở phổ thông; khẳng định được giá trị riêng, phù hợp với chuẩn mực đạo đức chung; giúp học sinh thể hiện tình yêu đất nước, con người, trách nhiệm công dân,... bằng việc làm, hành động cụ thể, thiết thực và bằng các hoạt động cống hiến xã hội, phục vụ cộng đồng.

Bên cạnh đó HĐTN còn có ý nghĩa và sân chơi bổ ích cho HS qua đây hình thành phẩm chất, nhân cách, hình thành tâm lý xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày. HĐTN tạo cho HS sự đam mê, hào hứng với tiết học. Giúp cho HS luôn kích thích sáng tạo, sở thích khám phá thế giới xung quanh. Ngoài ra Chương trình học sẽ được giúp các em trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa. Thông qua trải nghiệm thực tế các em còn

được học các giá trị của bản thân, biết tôn trọng lắng nghe, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm và cầu thị.

1.3.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất chủ yếu theo các mức độ phù hợp với mỗi cấp học đã được quy định trong Chương trình tổng thể. Những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong HĐTN của HS ở trường tiểu học được thể hiện cụ thể như sau:

- ***Phẩm chất chủ yếu:***

- Yêu nước: Rung cảm và thể hiện thái độ yêu thương, niềm tự hào đối với cảnh quan thiên nhiên, di tích, truyền thống của địa phương, đất nước, truyền thống yêu hoà bình...; Thể hiện thái độ kính trọng, biết ơn người lao động, người có công với nước; Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phát huy giá trị các di sản văn hoá của quê hương, đất nước và chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia các hoạt động xã hội góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

- Nhân ái: Thể hiện sự quan tâm chăm sóc sức khoẻ thể chất và tinh thần không chỉ cho bản thân, người thân mà còn cho cộng đồng; Thiết lập được mối quan hệ hài hòa với người xung quanh, mang lại cảm xúc tích cực cho họ và thể hiện tôn trọng sự khác biệt của mọi người; Tích cực, chủ động vận động người khác tham gia phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi bạo lực, hành vi phi đạo đức, hành vi thiếu ý thức xã hội và tham gia các hoạt động từ thiện và hoạt động phục vụ cộng đồng; Thể hiện lòng trắc ẩn đối với nhân loại, con người nói chung và cảm thông, khoan dung với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác.

- Chăm chỉ: Ý thức hoàn thành mọi loại nhiệm vụ được giao, cố gắng vượt khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ; Luôn tìm kiếm sách, báo, tư liệu từ các nguồn khác nhau để đọc mở rộng hiểu biết và thực hiện các nhiệm vụ được giao; Tham gia công việc trong gia đình, lao động sản xuất theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân; Tích cực tham gia các công việc phục vụ cộng đồng và tích cực học tập, rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai.

- Trung thực: Tự tin trình bày, chia sẻ quan điểm cá nhân trước mọi người trong quá trình hoạt động và cuộc sống; Thành thật với bản thân, nhận thức và hành động theo lẽ phải; Sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt., không bao che hành động xấu; Thể hiện sự công tâm, minh bạch trong các quan hệ

và không dùng những gì không thuộc về mình.

- Trách nhiệm: Xây dựng được hình ảnh cá nhân khoẻ mạnh về thể chất và tinh thần; Thể hiện được trách nhiệm trong tổ chức cuộc sống gia đình, góp phần xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc; Có ý thức trách nhiệm trong học tập và rèn luyện để chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; Chủ động, tích cực tham gia và vận động người khác tham gia lao động công ích, tham gia các hoạt động tuyên truyền, chăm sóc, bảo vệ thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, tham gia các hoạt động giáo dục các vấn đề xã hội... và đánh giá được hành vi chấp hành kỷ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỷ luật, vi phạm pháp.

• **Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ: Tự thực hiện những công việc hằng ngày của bản thân trong học tập và trong cuộc sống gia đình, chủ động, tích cực tham gia các hoạt động ở lớp, ở trường, cộng đồng. Phân tích được điểm mạnh và điểm hạn chế của bản thân và biết tự điều chỉnh bản thân, vận dụng được hiểu biết về quyền và nhu cầu chính đáng của cá nhân để tự bảo vệ mình. Đặt được các câu hỏi khác nhau về cùng một sự vật, hiện tượng trong quá trình hoạt động. Nhận diện được các tầng bậc cảm xúc khác nhau của bản thân và người khác để biết tự điều chỉnh cảm xúc của mình và có thái độ và hành vi cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: xác định được mục đích giao tiếp và hợp tác, nội dung giao tiếp phù hợp với mục đích giao tiếp và nội dung hợp tác. Sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ phù hợp với mục đích, nội dung và ngữ cảnh giao tiếp, biết điều chỉnh giọng nói (cường độ, tốc độ, nhịp độ) phù hợp với mục đích, ngữ cảnh giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ cơ thể (ánh mắt, điệu bộ, cử chỉ...) phù hợp với mục đích và nội dung giao tiếp. Chủ động thiết lập được mối quan hệ với bạn bè, thầy cô và những người xung quanh, biết nuôi dưỡng, giữ gìn và mở rộng các quan hệ khác, biết làm chủ các mối quan hệ để không ảnh hưởng tiêu cực đến bản thân và người xung quanh. Thể hiện lắng nghe tích cực và biết cách thoả thuận, thuyết phục bạn trong nhóm để được hỗ trợ, chia sẻ khi cần và biết hỗ trợ bạn cùng thực hiện nhiệm vụ nhóm; bước đầu xác định được vai trò của từng cá nhân trong hoạt động và khả năng đóng góp của bản thân trong nhóm và nhận nhiệm vụ phù hợp và thể hiện trách nhiệm hoàn thành công việc được giao. Biết dựa vào mục đích đặt ra để đánh giá sự hợp tác trong hoạt động nhóm; nêu mặt được, mặt thiếu sót của cá nhân và của cả nhóm và rút ra được những bài học kinh nghiệm từ sự hợp tác.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống nảy sinh vấn đề, hình thành được những câu hỏi có tính khám phá cái mới trong vấn đề.

Bước đầu dự đoán được về sự phát triển của vấn đề trong một số điều kiện khác và đề xuất được các giải pháp khác nhau cho các vấn đề, sàng lọc và lựa chọn được giải pháp hiệu quả cho những vấn đề đặt ra. Thực hiện được giải pháp giải quyết vấn đề và nhận ra sự phù hợp hay không phù hợp của giải pháp thực hiện. Đánh giá được hiệu quả của các giải pháp đã thực hiện và rút ra được một số bài học kinh nghiệm trong giải quyết vấn đề. Chỉ ra được những ý tưởng khác lạ trong cuộc sống xung quanh và thể hiện được sự hứng thú bền vững đối với các hoạt động khám phá trong lĩnh vực nhất định, đưa ra được một số ý tưởng mới, độc đáo đối với bản thân và người xung quanh.

- **Năng lực đặc thù**

- *Năng lực thích ứng với cuộc sống*: Nhận biết được sự thay đổi của cơ thể, cảm xúc, suy nghĩ của bản thân; Hình thành được một số thói quen, nếp sống sinh hoạt và kỹ năng tự phục vụ; Nhận ra được nhu cầu phù hợp và nhu cầu không phù hợp; Phát hiện được vấn đề và tự tin trao đổi những suy nghĩ của mình; Chỉ ra được sự khác biệt giữa các cá nhân về thái độ, năng lực, sở thích và hành động; Nhận diện được một số nguy hiểm từ môi trường sống đối với bản thân; Đề xuất được những cách giải quyết khác nhau cho cùng một vấn đề; Làm chủ được cảm xúc, thái độ và hành vi của mình và thể hiện sự tự tin trước đông người; Tự lực trong việc thực hiện một số việc phù hợp với lứa tuổi; Biết cách thoả mãn nhu cầu phù hợp và kiềm chế nhu cầu không phù hợp; Thực hiện được các nhiệm vụ với những yêu cầu khác nhau; Biết cách xử lý trong một số tình huống nguy hiểm.

- *Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động*: Xác định được mục tiêu cho các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm; Tham gia xác định được nội dung và cách thức thực hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm; Dự kiến được thời gian thực hiện nhiệm vụ; Thực hiện được kế hoạch hoạt động của cá nhân; Biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết; Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm; Thể hiện được sự chia sẻ và hỗ trợ bạn trong hoạt động; Biết cách giải quyết mâu thuẫn nảy sinh trong hoạt động; Nêu được ý nghĩa của hoạt động đối với bản thân và tập thể; Chỉ ra được sự tiến bộ của bản thân sau hoạt động; Chỉ ra được những điểm cần rút kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động và sự tích cực hoạt động của cá nhân, nhóm.

- *Năng lực định hướng nghề nghiệp*: Nêu được nét đặc trưng và ý nghĩa của một số công việc, nghề nghiệp của người thân và nghề ở địa phương; Chỉ ra được một số phẩm chất và năng lực cần có để làm một số nghề quen thuộc; Mô tả được một số công cụ của nghề và cách sử dụng an toàn; Thể hiện được sự quan tâm và sở thích đối với một số nghề quen thuộc với bản thân; Hình thành được trách nhiệm trong công việc và sự tuân thủ các quy định; Thực hiện và hoàn thành được các

nhệm vụ; Biết sử dụng một số công cụ lao động trong gia đình một cách an toàn.

1.3.3. Nội dung của hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Chương trình hoạt động trải nghiệm quy định ba mạch nội dung đối với lớp 1: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và bốn mạch nội dung đối với lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp.

Nội dung Hoạt động trải nghiệm được phân chia theo hai giai đoạn. a) Giai đoạn giáo dục cơ bản: hình thành các phẩm chất, thói quen, kỹ năng sống,... thông qua sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, tham gia các dự án học tập, các hoạt động xã hội, thiện nguyện, hoạt động lao động,... Ở tiểu học, nội dung hoạt động tập trung nhiều hơn vào các hoạt động phát triển bản thân, các kỹ năng sống, kỹ năng quan hệ với bạn bè, thầy cô và những người thân trong gia đình. Bên cạnh đó, các hoạt động lao động, hoạt động xã hội và làm quen với một số nghề gần gũi với học sinh cũng được tổ chức thực hiện". b) Giai đoạn tiếp theo là giáo dục định hướng nghề nghiệp: Ở giai đoạn này, mỗi học sinh cũng bắt đầu xác định được năng lực, sở trường và chuẩn bị một số năng lực cơ bản của người lao động tương lai và người công dân có trách nhiệm.

Nội dung giáo dục trong chương trình được trình bày theo 4 mạch nội dung hoạt động chính, trong mỗi mạch này gồm các nhánh hoạt động khác nhau và trong mỗi nhánh hoạt động là các nội dung hoạt động cụ thể. Các nội dung hoạt động đều bắt đầu là các động. Điều này để khẳng định tính hành động, tính trải nghiệm của các nội dung cần thực hiện. Trong đề tài này tác giả định hướng nội dung giáo dục của chương trình hoạt động như sau:

- Hoạt động hướng vào bản thân
 - + Hoạt động khám phá bản thân: Tìm hiểu hình ảnh và tính cách của bản thân; Tìm hiểu khả năng của bản thân.
 - + Hoạt động rèn luyện bản thân: Rèn luyện nền nếp, thói quen tự phục vụ và ý thức trách nhiệm trong cuộc sống; Rèn luyện các kỹ năng thích ứng với cuộc sống.
- Hoạt động hướng đến xã hội
 - + Hoạt động chăm sóc gia đình: Quan tâm, chăm sóc người thân và các quan hệ trong gia đình; Tham gia các công việc của gia đình.
 - + Hoạt động xây dựng nhà trường: Xây dựng và phát triển quan hệ với bạn bè và thầy cô; Tham gia xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trường và của tổ chức Đoàn, Đội.
 - + Hoạt động xây dựng cộng đồng: Xây dựng và phát triển quan hệ với mọi

người; Tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục truyền thống, giáo dục chính trị, đạo đức, pháp luật.

- Hoạt động hướng đến tự nhiên

+ Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên: Khám phá vẻ đẹp, ý nghĩa của cảnh quan thiên nhiên; Tham gia bảo tồn cảnh quan thiên nhiên.

+ Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường: Tìm hiểu thực trạng môi trường; Tham gia bảo vệ môi trường.

1.3.4. Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Phương thức là hình thức và phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học. Theo tác giả Trần Văn Anh (2011) [1], có nhiều loại hình hoạt động khác: sưu tầm, thâm nhập thực tế, trình diễn sản phẩm, tham gia các cuộc thi, kể chuyện, diễn thuyết, sắm vai, hóa trang và nhiều hình thức khác. Bên cạnh đó, phương pháp giáo dục trong tổ chức HĐTN được thực hiện theo các định hướng chung: Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; làm cho mỗi HS đều sẵn sàng tham gia trải nghiệm tích cực; Tạo điều kiện cho HS trải nghiệm, sáng tạo thông qua các hoạt động tìm tòi, vận dụng kiến thức và kinh nghiệm đã có vào đời sống; hình thành, phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định dựa trên những tri thức và ý tưởng mới thu được từ trải nghiệm; Giúp HS suy nghĩ, phân tích, khái quát hóa những gì trải nghiệm để kiến tạo kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng mới; Vận dụng các phương pháp giáo dục và hình thức tổ chức giáo dục một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục, đối tượng HS và điều kiện cụ thể. Các phương pháp thường được phối hợp vận dụng trong hoạt động trải nghiệm là phương pháp nêu gương, phương pháp giáo dục bằng tập thể, phương pháp thuyết phục, phương pháp tranh luận, phương pháp luyện tập, phương pháp khích lệ động viên, phương pháp tạo sản phẩm,...

Chương trình Hoạt động trải nghiệm/ Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (2018) quy định 4 phương thức tổ chức: khám phá; thể nghiệm tương tác; cống hiến; nghiên cứu.

Trên cơ sở định hướng phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm của Bộ GD&ĐT, có thể cụ thể hoá phương thức thành các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN như sau:

- Trò chơi: Trò chơi là tổ chức cho HS tìm hiểu một vấn đề hay thực hiện những hành động, việc làm hoặc hình thành thái độ thông qua một trò chơi nào đó.

Trò chơi là một hoạt động mang tính sáng tạo cao, thể hiện ở việc lựa chọn chủ đề chơi, phân vai tạo ra tình huống, hoàn cảnh chơi, sử dụng phương tiện thay thế trong các trò chơi sáng tạo, lựa chọn các phương thức hành động và phân chia

tình huống chơi để giải quyết nhiệm vụ chơi trong những trò chơi có luật.

Trò chơi là phương tiện giáo dục và phát triển toàn diện HS, giúp các em nâng cao hiểu biết về thế giới hiện thực xung quanh, kích thích trí thông minh, lòng ham hiểu biết, học cách giải quyết nhiệm vụ.

Ngoài ra, trò chơi là phương tiện giáo dục phẩm chất nhân cách cho HS. Các phẩm chất nhân cách được hình thành thông qua chơi như tính hợp tác, tính đồng đội, tính tập thể, tính kỷ luật, tự chủ, tích cực, độc lập, sáng tạo, sự quan tâm lo lắng đến người khác, thật thà, dũng cảm, kiên nhẫn,... Trò chơi còn là phương tiện giáo dục thể lực cho HS, giáo dục thẩm mỹ, hình thành các KN giao tiếp, KN xã hội,...

Về mặt tâm lý học, trong quá trình diễn ra trò chơi tất cả các thành viên của nhóm đều tham gia hết mình và từ đó các em sẽ được *trải nghiệm*, bởi vì mỗi cá nhân cũng như cả nhóm đang sống trong một tình huống khác với những gì các em đã sống trong cuộc sống thực.

- Hoạt động tình nguyện, nhân đạo: Đây là phương thức thức có tính cống hiến là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS mang lại những giá trị xã hội bằng những đóng góp và cống hiến thực tế của mình thông qua các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội...

- Hoạt động theo nhóm: Làm việc theo nhóm là phương pháp tổ chức dạy học - giáo dục, trong đó, GV sắp xếp HS thành những nhóm nhỏ theo hướng tạo ra sự tương tác trực tiếp giữa các thành viên, từ đó HS trong nhóm trao đổi, giúp đỡ và cùng nhau phối hợp làm việc để hoàn thành nhiệm vụ chung của nhóm.

Làm việc nhóm có ý nghĩa rất lớn trong việc *phát huy cao độ vai trò chủ thể*, tính tự giác, tích cực, sáng tạo, năng động, tinh thần trách nhiệm của HS, tạo cơ hội cho các em tự thể hiện, tự khẳng định khả năng, thực hiện tốt hơn nhiệm vụ được giao. *Giúp HS hình thành các kĩ năng xã hội và phẩm chất nhân cách cần thiết* như: Kĩ năng tổ chức, quản lí, giải quyết vấn đề, hợp tác, có trách nhiệm cao, tinh thần đồng đội, sự quan tâm và mối quan hệ khăng khít, sự ủng hộ cá nhân và khuyến khích tinh thần học hỏi lẫn nhau, xác định giá trị của sự đa dạng và tính gắn kết. *Thể hiện mối quan hệ bình đẳng, dân chủ và nhân văn*: tạo cơ hội bình đẳng cho mỗi cá nhân người học được khẳng định và phát triển. Nhóm làm việc sẽ khuyến khích HS giao tiếp với nhau và như vậy sẽ giúp cho những em nhút nhát, thiếu tự tin có nhiều cơ hội hòa nhập với lớp học,....

- Phương pháp giải quyết vấn đề: là một phương pháp giáo dục nhằm phát triển năng lực tư duy, sáng tạo, giải quyết vấn đề của HS. Các em được đặt trong tình huống có vấn đề, thông qua việc GQVĐ giúp HS lĩnh hội tri thức, KN và phương pháp. Trong tổ chức HĐTN, phương pháp giải quyết vấn đề thường được

vận dụng khi HS phân tích, xem xét và đề xuất những giải pháp trước một hiện tượng, sự việc nảy sinh trong quá trình hoạt động. Phương pháp giải quyết vấn đề có *ý nghĩa* quan trọng, phát huy tính tích cực, sáng tạo của HS, giúp các em có cách nhìn toàn diện hơn trước các hiện tượng, sự việc nảy sinh trong hoạt động, cuộc sống hàng ngày. Để phương pháp này thành công thì vấn đề đưa ra phải sát với mục tiêu hoạt động, kích thích HS tích cực tìm tòi cách giải quyết. Đối với tập thể lớp, khi giải quyết vấn đề GV phải coi trọng nguyên tắc tôn trọng, bình đẳng, tránh gây ra căng thẳng không có lợi khi giáo dục HS.

- Phương pháp đóng vai: là phương pháp giáo dục giúp HS thực hành cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em. Đây là phương pháp giúp HS suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào cách ứng xử cụ thể mà các em quan sát được. Việc "diễn" không phải là phần quan trọng nhất của phương pháp này mà là xử lý tình huống khi diễn và thảo luận sau phần diễn đó. Mục đích của phương pháp trên không phải chỉ ra cái cần làm mà bắt đầu cho một cuộc thảo luận. Đóng vai có *ý nghĩa* rất lớn trong việc hình thành và phát triển các KN giao tiếp cho HS. Thông qua sắm vai, HS được rèn luyện, thực hành những KN ứng xử và bày tỏ thái độ trong môi trường an toàn trước khi thực hành trong thực tiễn, tạo điều kiện phát triển óc sáng tạo của các em, kích lệ thay đổi thái độ và hành vi theo hướng tích cực trước một vấn đề hay đối tượng nào đó.

- Tham gia dã ngoại, ngoại khoá, đi thăm hỏi các đơn vị quân đội, các gia đình có công: Đây là phương pháp được áp dụng ở nhiều trường tiểu học, được triển khai mạnh mẽ thông qua các hoạt động như trại hè, dã ngoại,...

Về vai trò của người dạy GV cần xây dựng kế hoạch, đưa ra nội dung cho các hoạt động. Những nội dung này cần đảm bảo gây hứng thú cho HS. Ngoài ra, trong thời gian diễn ra hoạt động, thầy cô cần đồng hành, theo sát đề định hướng và đảm bảo an toàn cho trẻ, nhất là với những chương trình ngoài trời. Bên cạnh đó HS cần chủ động chuẩn bị mọi kiến thức, kỹ năng cần thiết cho buổi học. Với các hoạt động thực tế, các con cần tự tìm hiểu trước các thông tin, trao đổi với bạn bè trong nhóm để buổi học thú vị, biết được nhiều kiến thức mới.

- Đi tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa địa phương: có tính khám phá là những hình thức tổ chức hoạt động tạo cơ hội cho HS trải nghiệm với thế giới tự nhiên, trải nghiệm thực tế cuộc sống và các di tích lịch sử, văn hóa địa phương, giúp HS khám phá những điều mới lạ, tìm hiểu, phát hiện vấn đề từ môi trường xung quanh... và mang lại những cảm xúc tích cực, tình yêu quê hương đất nước...

Ngoài ra các phương thức tổ chức HĐTN khác như: Ngoại khóa; Diễn đàn

thảo luận; Sân khấu hóa; Hát múa, kể chuyện, hoạt cảnh truyền thống, tiểu phẩm, hóa trang,...; Thực hành lao động cũng được các nhà trường tổ chức rất nhiều.

1.3.5. Loại hình hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

HĐTN được tổ chức trong và ngoài lớp học, trong và ngoài trường học; theo quy mô nhóm, lớp học, khối lớp hoặc quy mô trường. Hoạt động này bao gồm bốn loại hình hoạt động chủ yếu:

- + Sinh hoạt dưới cờ
- + Sinh hoạt lớp
- + Hoạt động giáo dục theo chủ đề (thường xuyên và định kì)
- + Hoạt động câu lạc bộ;

Trong 4 loại hình trên, Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp là hai loại hình được kế thừa và tiếp tục trong chương trình mới, là giờ sinh hoạt bắt buộc, được tổ chức hàng tuần.

Hoạt động giáo dục theo chủ đề cũng là hoạt động bắt buộc và được chia thành hai loại tổ chức hoạt động: định kì và thường xuyên. Hoạt động giáo dục theo chủ đề thường xuyên là hoạt động được tổ chức hàng tuần theo qui mô lớp với các nhiệm vụ diễn ra trong suốt thời gian của chủ đề (thường từ 3 đến 4 tuần). Đây chính là hoạt động đảm bảo cung cấp cho học sinh cơ hội thường xuyên được rèn luyện, nhờ đó các kỹ năng, thái độ, hay năng lực, thói quen... mới được hình thành ở học sinh dưới sự định hướng của nhà giáo dục.

Hoạt động giáo dục theo chủ đề định kì là hoạt động thường được tổ chức ngoài giờ chính khoá, vào giữa hay cuối học kì, thường theo qui mô khối lớp hoặc qui mô trường. Hoạt động này mở rộng phạm vi, không gian hoạt động cho học sinh. Trên cơ sở đã được chuẩn bị các kiến thức và kỹ năng từ những hoạt động thường xuyên, HS có cơ hội trình diễn, thể hiện và tiếp tục củng cố rèn luyện những gì học được trong môi trường sống động hơn, gần với cuộc sống thực hơn.

Hoạt động câu lạc bộ là hoạt động tự chọn, không bắt buộc và được tổ chức ngoài giờ chính khoá. Câu lạc bộ trong nhà trường là nơi tập hợp các học sinh có cùng sở thích, năng khiếu ở một lĩnh vực nào đó tự nguyện tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí phù hợp với bản thân. Tổ chức câu lạc bộ trong trường tiểu học tạo cơ hội cho HS tận dụng và phát huy những khả năng của mình, có điều kiện thực hành những điều đã học để ngày càng hoàn thiện bản thân cũng như phát triển tối đa khả năng tiềm ẩn. Thông qua cuộc sống và sự trải nghiệm của chính bản thân, câu lạc bộ sẽ cung cấp cho các em một môi trường rộng lớn để rèn luyện bản thân, bồi dưỡng năng lực tổng hợp, năng lực thực tiễn, khả năng sáng tạo và phẩm chất cá tính, thể hiện mình và phục vụ cho xã hội. Mỗi câu lạc bộ thường

sinh hoạt định kì theo các chủ đề nhất định. Các trường tiểu học có thể tổ chức câu lạc bộ tuyên truyền văn hoá truyền thống, trong đó, hướng dẫn làm đồ chơi dân gian là một nội dung rất bổ ích và thú vị. Trong các buổi sinh hoạt câu lạc bộ, các em có thể được giới thiệu một số loại đồ chơi dân gian của các địa phương hoặc học cách sáng tạo làm các loại đồ chơi dân gian mới...

Có thể thấy, mỗi hình thức giáo dục lại có một chức năng riêng, tuy nhiên Hoạt động giáo dục theo chủ đề thường xuyên là loại hình tích cực nhất trong việc đạt được hầu hết các mục tiêu của chương trình đến từng cá nhân HS. Các loại hình còn lại có ý nghĩa, củng cố, hỗ trợ, mở rộng không gian hoạt động để hoàn thiện các phẩm chất và năng lực đang hình thành. Tất cả các loại hình được thực hiện sẽ tạo ra điều kiện đầy đủ cho sự rèn luyện của HS. Chính vì vậy các nhà trường nên tổ chức đủ các loại hình, đặc biệt Hoạt động giáo dục theo chủ đề định kì và các câu lạc bộ để HS có “sân chơi” phong phú và đa dạng.

1.3.6. Các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

HĐTN luôn cần có sự tham gia, phối hợp, liên kết của nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: GV chủ nhiệm lớp, GV môn học, cán bộ tư vấn tâm lí học đường, cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cán bộ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, cán bộ phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban Giám hiệu nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, các tổ chức, cá nhân trong xã hội. Mỗi lực lượng đều có một vị trí vai trò nhất định. Đối với đề tài này, tác giả chú trọng đến các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS ở trường tiểu học bao gồm:

Ban giám hiệu: là những người xây dựng kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra đánh giá quản lý các HĐTN. Là đại diện chỉ đạo công tác phối hợp giữa các lực lượng giáo dục trong tổ chức HĐTN. Cũng như chỉ đạo việc thực hiện, kiểm tra, đánh giá hiệu quả của HĐTN, tiến hành rút kinh nghiệm để hoạt động này đi vào nền nếp và thành sinh hoạt định kỳ.

Tổng phụ trách: Tổng phụ trách Đội đóng vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện thiếu niên nhi đồng. Với kiến thức và kỹ năng tổ chức hoạt động Đội vững chắc, người Tổng phụ trách Đội sẽ góp công lớn trong phong trào xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực cũng như giúp Ban giám hiệu trong quá trình tổ chức các HĐTN cho HS.

GV chủ nhiệm, GV bộ môn: là những người trực tiếp tổ chức các HĐTN cho HS. Là những người theo sát HS trong mỗi HĐTN. Biết lựa chọn các hoạt động bổ ích phù hợp với kế hoạch mục tiêu và sở thích của HS. Chứng kiến sự thay đổi bản

thân của các em theo từng giai đoạn. Điều chỉnh cách tổ chức sao cho hiệu quả.

Các lực lượng xã hội khác (hội phụ huynh, hội phụ nữ...). HĐTN là một cách học thông qua thực hành, với quan niệm việc học là quá trình tạo ra tri thức mới trên cơ sở trải nghiệm thực tế, dựa trên những đánh giá, phân tích trên những kinh nghiệm, kiến thức sẵn có. Do đó hoạt động này không thể thành công nếu không có sự hỗ trợ từ phía nhà các lực lượng xã hội khác (hội phụ huynh, hội phụ nữ...). Do đó đây là một trong những lực lượng ngoài nhà trường góp phần vào sự thành công của việc tổ chức HĐT cho HS.

Gia đình và cha mẹ HS cũng có vai trò vô cùng quan trọng đối với HS trong HĐTN. Đây là nơi đầu tiên HS được thực hành những điều đã học ở trường và là nơi rèn luyện các hành vi đạo đức. Do vậy, Cha mẹ HS ngoài việc hỗ trợ về kinh phí tổ chức các HĐTN, hỗ trợ nhân lực quản lí HS khi tham gia HĐTN còn là những người hỗ trợ HS thực hành các HĐTN khi được GV chủ nhiệm giao về nhà.

Ngoài ra thì lực lượng Cán bộ tư vấn học đường cũng được đánh giá là có vai trò trong việc hỗ trợ nhà trường trong việc tổ chức HĐTN cho HS.

1.3.7. Các năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh của giáo viên

Mục tiêu của HĐTN nhằm giúp HS hình thành và phát triển năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp thông qua các chủ đề hoạt động gắn với những nội dung cụ thể về bản thân, quê hương, đất nước, con người. Cũng như hình thành ở HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động, thực hiện trách nhiệm của người học sinh ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hóa; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề. Qua đó, trong quá trình tổ chức HĐTN cho HS người GV cần đảm bảo các năng lực sau:

* Năng lực thích ứng với cuộc sống:

- Tự quyết định được một số vấn đề có liên quan đến bản thân trong cuộc sống; chủ động, tích cực tham gia các hoạt động ở lớp, trường, cộng đồng;

- Vận dụng linh hoạt những hiểu biết về quyền và nhu cầu chính đáng của cá nhân để tự bảo vệ mình, thực hiện được một số hành vi tự bảo vệ trong các tình huống; Nhận ra được một số nguy hiểm từ môi trường sống xung quanh; Hình thành được một số thói quen nếp sống sinh hoạt và kỹ năng tự phục vụ.

- Điều chỉnh được cảm xúc, hành vi của bản thân để thích ứng được với sự đa dạng và biến đổi của cuộc sống; giao tiếp hiệu quả trong những tình huống giao tiếp đa dạng; Nhận biết sự thay đổi của cơ thể, cảm xúc suy nghĩ của bản thân; Nhận ra được nhu cầu phù hợp và nhu cầu không phù hợp.

- Chủ động và tự tin thiết lập các mối quan hệ xã hội, giữ gìn và mở rộng các mối quan hệ; biết làm chủ các mối quan hệ trong cuộc sống thực cũng như trong môi trường giao tiếp ảo, đặc biệt là qua Internet phân tích và lựa chọn được con đường phát triển của bản thân; Hiểu biết về bản thân và môi trường sống.

- Tìm được động lực cho bản thân trong hoạt động và biết lôi cuốn mọi người cùng tham gia hoạt động hướng tới mục tiêu chung; *Điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi.*

* Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động:

- Đề xuất được các mục tiêu hoạt động đáp ứng nhu cầu của cá nhân và tập thể và chủ động xây dựng kế hoạch để thực hiện các mục tiêu đặt ra;

- Tuân thủ quy định, kỷ luật của nhóm, tập thể, cộng đồng khi tham gia hoạt động, làm tròn trách nhiệm được giao và hỗ trợ, giúp đỡ những người cùng tham gia hoạt động;

- Đánh giá được hiệu quả, giá trị của hoạt động; tự đánh giá kết quả rèn luyện và sự trưởng thành của bản thân, điều chỉnh bản thân phù hợp với yêu cầu hoạt động;

- Đánh giá được một cách khách quan, công bằng sự đóng góp và tiến bộ của bạn trong hoạt động và chân thành góp ý về những điều bạn cần hoàn thiện;

- Giải quyết hợp lý những vấn đề nảy sinh, quản lý được các yếu tố bất thường trong hoạt động và trong các mối quan hệ; Đề xuất được cách giải quyết cho cùng một vấn đề.

- Tổ chức, điều hành hoạt động nhóm hiệu quả và tạo được động lực cho mọi người;

- Đề xuất được các giải pháp khác nhau cho những vấn đề đặt ra, thực hiện được giải pháp giải quyết vấn đề một cách phù hợp, có căn cứ khoa học, đánh giá được hiệu quả của các giải pháp, suy ngẫm về cách thức và tiến trình giải quyết vấn đề để điều chỉnh và vận dụng trong bối cảnh mới.

Ngoài ra người GV cũng cần có các năng lực như: Tham gia xác định nội dung và cách thức thực hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm; Thực hiện được kế hoạch hoạt động cá nhân, biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết; Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm; Chỉ ra được sự tiến bộ của bản thân sau hoạt động. Hay nêu được ý nghĩa của hoạt động của bản thân và tập thể.

1.3.8. Các điều kiện hỗ trợ hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Kinh phí hỗ trợ HĐTN cho HS: Hầu hết mọi hoạt động diễn ra trong nhà trường đều phải có nguồn lực hỗ trợ là tài chính. Nguồn lực tài chính là nguồn “năng lượng” nuôi dưỡng và duy trì các hoạt động giáo dục nói chung và HĐTN nói riêng.

Như vậy, nếu các nhà trường đảm bảo đầy đủ về nguồn kinh phí hỗ trợ cho việc tổ chức HĐTN, thì HĐTN cho HS sẽ được thực hiện phong phú, đa dạng. Ngược lại, nếu kinh phí tổ chức hạn chế thì các HĐTN cho HS cũng sẽ bị thu hẹp lại.

Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ HĐTN cho HS: Để thực hiện chương trình HĐTN các nhà trường cần đảm bảo những trang thiết bị, cơ sở vật chất, cụ thể cần có những thiết bị cơ bản như Đồ dùng để trình diễn, hướng dẫn: video clip về các nội dung giáo dục; dụng cụ lao động phù hợp với hoạt động lao động; Đồ dùng để phục vụ hoạt động tập thể: loa đài, ampli; bộ lều trại; Đồ dùng để thực hành: bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc Việt Nam; bộ tranh ảnh về trang phục các dân tộc trên thế giới; bộ tranh về các nghề, làng nghề truyền thống; bộ tranh về các lễ hội; hay Đồ dùng khác phù hợp với chủ đề hoạt động cụ thể. Bên cạnh đó, trong quá trình tổ chức HĐTN cần có phòng học đủ rộng để tổ chức các hoạt động nhóm, các nhà trường cũng cần có không gian về vườn trường với các loại thực vật cơ bản để HS có thể học tập trải nghiệm ở đó.

Sự phối kết hợp với chính quyền và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN cho HS: sự phối hợp với các lực lượng xã hội trong việc tổ chức HĐTN là một thành tố đóng vai trò quan trọng. Sự hợp tác phối hợp của các thành viên và tổ chức trong tập thể nhà trường cũng như sự gắn kết gia đình - nhà trường - xã hội đây là yếu tố tạo nên sức mạnh đoàn kết, bầu không khí tích cực, giúp nhà trường thống nhất trong chỉ đạo, tập hợp các nguồn tài lực, nhân lực, vật lực...giúp nhà trường đạt được mục tiêu tổ chức HĐTN nhanh và tốt hơn.

Các tài liệu về HĐTN trong thư viện: Để việc tổ chức HĐTN cho HS được diễn ra một cách thuận lợi thì yếu tố hỗ trợ không thể thiếu đó là nguồn tài liệu tham khảo về HĐTN. Bên cạnh đó, các chế độ, chính sách cho những cán bộ, GV tổ phụ trách HĐTN cũng là một trong những điều kiện không thể thiếu nhằm khích lệ cũng như là nguồn động lực hỗ trợ CBQL, GV và các lực lượng khác tích cực tham gia vào tổ chức HĐTN cho HS.

1.4. Lý luận về quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

1.4.1. Quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Ở bậc tiểu học, mục tiêu chính của Hoạt động trải nghiệm là giúp hình thành cho học sinh thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người học sinh ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề. Các mục tiêu này được dựa trên sự chỉ đạo của các

Bộ, Ban ngành Giáo dục và đào tạo. Quản lý mục tiêu của HĐTN là quá trình hiệu trưởng triển khai đến toàn thể GV và cán bộ phục vụ, để GV trong tiến trình thực hiện đạt được mục tiêu đề ra. Quản lý mục tiêu của tổ chức HĐTN của HS tiểu học là quản lý về quá trình thực hiện các HĐTN. Quá trình quản lý này nhằm đảm bảo các trường tiểu học thực hiện đúng theo mục tiêu của giáo dục tiểu học mà Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Dựa vào các kết quả đạt được, nếu như các mục tiêu được đề ra trong HĐTN không hoặc chưa đạt được, người quản lý (hiệu trưởng) cần có sự đổi mới về phương pháp quản lý nhằm phù hợp với điều kiện thực tế. Do đó trong quá trình quản lý việc thực hiện mục tiêu HĐTN cho HS ở trường tiểu học, các nhà quản lý cần chú ý đến những vấn đề sau:

Xác định mục tiêu tổ chức HĐTN cho HS trong chương trình giáo dục cấp tiểu học là giúp HS tiếp tục củng cố và phát triển các kỹ năng sống cơ bản, thói quen tích cực, nề nếp học tập, hành vi ứng xử văn hóa ở tiểu học. Cũng như giúp hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người HS ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề.

Bên cạnh đó cần phổ biến mục tiêu tổ chức HĐTN cho HS đến đội ngũ thực hiện. Cũng như hướng dẫn đội ngũ thực hiện cách thực hiện mục tiêu tổ chức HĐTN cho HS theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

1.4.2. Quản lý việc thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Nội dung HĐTN nhằm hình thành các phẩm chất, thói quen, kỹ năng sống,... thông qua sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, tham gia các dự án học tập, các hoạt động xã hội, thiện nguyện, hoạt động lao động,... Ở tiểu học, nội dung hoạt động tập trung nhiều hơn vào các hoạt động phát triển bản thân, các kỹ năng sống, kỹ năng quan hệ với bạn bè, thầy cô và những người thân trong gia đình. Bên cạnh đó, các hoạt động lao động, hoạt động xã hội và làm quen với một số nghề gần gũi với HS cũng được tổ chức thực hiện”. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, HĐTN là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12; ở tiểu học được gọi là HĐTN, ở THCS và THPT được gọi là HĐTN, hướng nghiệp (gọi chung là HĐTN). Đây là “hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với

lứa tuổi; thông qua đó, chuyên hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Các nội dung này đều có văn bản định sẵn do đó trong quá trình quản lý việc thực hiện nội dung HĐTN cho HS ở trường tiểu học các nhà quản lý cần chú ý đến những vấn đề sau:

Tổ chức cho GV tìm hiểu về các mạch nội dung của HĐTN cho HS theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Hướng dẫn GV thực hiện các mạch nội dung HĐTN để đạt được yêu cầu cần đạt của HĐTN theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Hướng dẫn GV lựa chọn, sử dụng các chủ đề HĐTN trong các bộ sách giáo khoa/tài liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt và các mạch nội dung.

Ban giám hiệu kết hợp với tổ trưởng chuyên môn rà soát, phê duyệt các nội dung HĐTN cho HS.

Trong quá trình thực hiện, CBQL về nội dung HĐTN phải bám sát thực tiễn để có những điều chỉnh, cải tiến quy trình thực hiện nhằm hoàn thiện quá trình thực hiện quản lý nội dung HĐTN. Bên cạnh đó, người quản lý cũng căn cứ trên điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất của nhà trường để quản lý nội dung HĐTN, kế hoạch hóa HĐTN một cách linh động theo từng thời gian cụ thể, không ngừng đổi mới về hình thức và nội dung quản lý nhằm đạt được mục tiêu về quản lý nội dung HĐTN đã đề ra trước đó.

1.4.3. Quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Có rất nhiều các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN được các nhà trường ứng dụng hiện nay. Mỗi phương thức và loại hình tổ chức đều có một chức năng vai trò cũng như cách thức thực hiện riêng. Vì vậy để việc thực hiện các phương thức và loại hình tổ chức này được diễn ra một cách thuận lợi thì trong công tác quản lý các nhà quản lý cần:

Tổ chức cho GV tìm hiểu, thảo luận về việc thực hiện các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS.

Tạo điều kiện cho các GV tham gia các lớp bồi dưỡng về phương thức và loại hình tổ chức HĐTN.

Chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ, GV phối hợp các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS.

Chỉ đạo đội ngũ thực hiện tăng cường phương thức tổ chức HĐTN cho HS khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Tổ chức các buổi chuyên đề về việc triển khai các phương thức và loại hình

tổ chức HĐTN cho HS.

Thường xuyên lấy ý kiến GV, phụ huynh về hiệu quả của các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS.

Như vậy công tác quản lý đóng vai trò rất quan trọng và muốn đạt được kết quả cao như vậy thì người quản lý cần phải nắm rõ chương trình giáo dục trải nghiệm của HS tiểu học đang được vận hành tại địa phương, để có những cải tiến kịp thời cần chỉ đạo sát việc lập kế hoạch theo từng tháng hay quý hoặc tuần của GV trong tổ chức HĐTN. Trong quá trình GV thực hiện tổ chức HĐTN, người quản lý cần quản lý được các phương pháp mà GV đang áp dụng có phù hợp với phương pháp giáo dục tiểu học không. Trên những cơ sở như vậy, người quản lý cần có cái nhìn toàn diện, bao quát về GV, đánh giá được những hạn chế và ưu điểm của từng GV qua đó có những biện pháp hướng dẫn, bồi dưỡng nhằm giúp GV ngày càng hoàn thiện và đổi mới trong công tác tổ chức HĐTN cho HS tiểu học.

1.4.4. Quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Đội ngũ tham gia HĐTN là chủ thể của quá trình hoạt động, bao gồm nhiều lực lượng tham gia trong và ngoài nhà trường như CBQL, GV, Cha mẹ HS, các cơ sở GDĐT, các doanh nghiệp, các tổ chức hội đoàn thể...trong đó giữ vai trò nòng cốt là GV chủ nhiệm, GV bộ môn, đặc biệt là GV chuyên trách công tác HĐTN. Để thực hiện tốt HĐTN trong nhà trường hiện nay, Hiệu trưởng nhà trường cần tạo được sự đồng thuận trong nhận thức cả về mục tiêu, nội dung, phương pháp tổ chức trong các lực lượng tham gia và phối hợp tham gia.

Qua đó, các nhà quản lý ở những trường tiểu học cần chú ý đến các nội dung sau khi thực hiện công tác quản lý các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS ở trường tiểu học:

Xác định các lực lượng thực hiện các HĐTN cho HS TH tương ứng với các hình thức tổ chức HĐTN.

Xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS TH.

Phân công CBQL trong Ban giám hiệu phụ trách trực tiếp các HĐTN; Phát huy vai trò của GV chủ nhiệm trong tổ chức HĐTN cho HS.

Chỉ đạo gv phối hợp với các lực lượng xã hội và các đơn vị, cơ sở sản xuất trong tổ chức HĐTN cho HS TH.

Huy động các nguồn lực (vật lực, tài lực, nhân lực...) từ gia đình và các lực lượng xã hội trong HĐTN cho HS TH.

1.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Để công tác quản lý các điều kiện hỗ trợ tổ chức HĐTN cho HS tiểu học đạt hiệu quả cao thì cần chú ý đến các nội dung sau:

Đảm bảo kinh phí tổ chức HĐTN cho HS TH: Đây là nhân tố có tác dụng hỗ trợ các HĐTN tiến hành một cách hiệu quả. Các nguồn kinh phí phục vụ cho các HĐTN được huy động từ ngân sách nhà nước, cha mẹ phụ huynh HS, các cá nhân, tổ chức tài trợ,... Tùy vào từng địa bàn mà nguồn kinh phí dành cho các HĐTN huy động nhiều hay ít, nhất là các trường tiểu học ở vùng nông thôn, miền núi, dân tộc là rất hạn chế nguồn lực này. Do đó trong quá trình thực hiện HĐTN rất cần khả năng huy động nguồn lực tài chính từ các tổ chức kinh tế, xã hội, các nhà hảo tâm, phụ huynh HS,... của các nhà quản lý nhằm góp phần đem lại kết quả cho HĐTN ở các trường.

Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất cho HĐTN cho HS TH. Bố trí cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục giá trị sống: HĐTN cho HS rất cần có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật để hoạt động đạt được hiệu quả giáo dục mong muốn. Điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện tốt sẽ làm tăng tính hấp dẫn của hoạt động. Về phía nhà trường ngoài việc quản lý tận dụng những cơ sở vật chất hiện có để phát huy hiệu quả giáo dục của hoạt động, cần có các kế hoạch mua sắm thêm cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ cho hoạt động diễn ra được thuận lợi và hiệu quả hơn.

Nâng cao ý thức trách nhiệm của GV, nhân viên trong việc sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ HĐTN cho HS TH.

Bố trí thời gian hợp lý cho HĐTN cho HS TH.

Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn HĐTN cho HS TH: Tài liệu giáo dục là nguồn tư liệu không thể thiếu trong quá trình giáo dục nói chung và HĐTN cho HS nói riêng. Do vậy, công tác quản lý đối với nguồn tư liệu này cần cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn HĐTN cho HS TH để hoạt động diễn ra mang lại hiệu quả cao hơn.

1.4.6. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Kiểm tra, đánh giá hoạt động trải nghiệm là khâu cuối cùng trong chu trình quản lý của Hiệu trưởng trong việc thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN của GV, HS trong nhà trường, đồng thời mở ra một chu trình quản lý mới. Công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện HĐTN giúp Hiệu trưởng phát hiện và điều chỉnh những lệch lạc, sai sót trong quá trình thực hiện kế hoạch từ đó đưa ra những biện pháp kịp thời

để uốn nắn, sửa chữa cần thiết.

Kiểm tra đánh giá là một khâu rất quan trọng đối với công tác quản lý, giúp chủ thể quản lý có thông tin phản hồi chính xác từ đối tượng quản lý, tạo nên sự gắn kết giữa hoạt động dạy của giáo viên và hoạt động học của học sinh với cán bộ quản lý cũng như tạo ra mối liên kết giữa nhà trường với các cấp quản lý giáo dục và cộng đồng.

Việc kiểm tra đánh giá phải dựa trên chương trình kế hoạch đối với trường có tính chất chuyên biệt, có tiêu chí, chuẩn mực cụ thể cho từng loại hoạt động và phải được thực hiện hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. Trong kiểm tra, đánh giá hoạt động chủ yếu là động viên, khuyến khích học sinh và kết quả là đã đạt được năng lực chưa chứ không chấm điểm, kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò.

Quản lý kiểm tra đánh giá HĐTN trong trường tiểu học các nhà quản lý cần chú ý đến những vấn đề sau:

Kiểm tra hoạt động dạy học, giáo dục của GV đối với việc thực hiện các mục tiêu, nội dung giáo dục của tổ chức HĐTN. Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra, xem xét việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên (thông qua việc kiểm tra bài soạn của GV, dự giờ giảng của GV ở những bài học có nội dung liên quan đến HĐTN, cuộc thi giữa các đơn vị...) để đảm bảo hiệu quả công việc đã đề ra, từng bước nâng cao chất lượng HĐTN trong nhà trường.

Xây dựng được các tiêu chí đánh giá kết quả HĐTN sát với mục đích yêu cầu của từng hoạt động, trong từng thời điểm, gắn với mục tiêu chương trình biên soạn của HĐTN phù hợp với lứa tuổi tiểu học. Kiểm tra việc thực hiện các phương pháp, hình thức trải nghiệm cho HS TH.

Kiểm tra sự phối kết hợp các lực lượng trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH. Đánh giá, rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau kiểm tra. Kết thúc quá trình kiểm tra đánh giá Hiệu trưởng phải tổ chức rút kinh nghiệm, chỉ ra được những mặt đạt được và chưa được của hoạt động, qua đó công nhận những giá trị và những đóng góp của các tập thể và cá nhân đối với HĐTN. Do vậy việc kiểm tra, đánh giá HĐTN phải khách quan, chính xác, toàn diện, hệ thống, công khai, kịp thời, vừa sức và bám sát vào yêu cầu của chương trình, mục tiêu giáo dục cấp tiểu học. Từ đó làm sáng tỏ thực trạng để điều chỉnh quá trình giáo dục, dạy học sao cho hợp lý và đưa thông tin kết quả này đến địa chỉ có nhu cầu sử dụng.

Nhà trường khen thưởng, biểu dương các cán bộ, GV tích cực trong tổ chức HĐTN cho HS TH. Nhà trường có hình thức nhắc nhở, đôn đốc các cán bộ, GV chưa tích cực trong tổ chức HĐTN cho HS TH.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở

nhà trường tiểu học

Chương trình HĐTN cấp tiểu học: Ngày 28/09/2019 Bộ GD-ĐT đã ban hành Công văn số 3892/BGDĐT-GDTrH hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2019-2020, trong đó nêu rõ: “Việc tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá chuyển mạnh sang hướng HĐTN [4]. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, HĐTN là hoạt động giáo dục được thực hiện bắt buộc từ lớp 1 đến lớp 12; ở tiểu học được gọi là HĐTN, ở THCS và THPT được gọi là HĐTN, hướng nghiệp (gọi chung là HĐTN). Đây là “hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai” [2]. Hay trong công văn Hướng dẫn số 3535/BGDĐT-GDTH V/v hướng dẫn thực hiện nội dung HĐTN cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021 đã chỉ ra nội dung: Chương trình Hoạt động trải nghiệm quy định ba mạch nội dung đối với lớp 1: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và bốn mạch nội dung đối với lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên và hoạt động hướng nghiệp. Do đó có thể thấy có rất nhiều công văn, quyết định liên quan đến tổ chức HĐTN cho HS ở các nhà trường và đây là một trong những yếu tố có tác động đến việc quản lý HĐTN cho HS ở các nhà trường tiểu học hiện nay [3].

Năng lực của đội ngũ CBQL: CBQL có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu quả quản lý và sự phát triển của toàn trường nói chung, trong HĐTN của HS tiểu học nói riêng. CBQL cũng là người tập hợp, thuyết phục mọi lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tích cực triển khai thực hiện nội dung chương trình HĐTN. Bên cạnh đó, CBQL cũng là người quản lý các nội dung HĐTN của HS tiểu học, cũng như tổ chức, kiểm tra, giám sát các nội dung quản lý HĐTN của HS tiểu học. Nhà trường có thực hiện được mục tiêu, nhiệm vụ trong tổ chức các hoạt động trải nghiệm của mình hay không một phần quyết định quan trọng là tùy thuộc vào những phẩm chất và năng lực của người CBQL. Sự quyết đoán, tinh thần cầu tiến giúp cho CBQL có khả năng tiếp cận và phát triển các HĐTN cho HS.

Năng lực của đội ngũ GV: Để tổ chức tốt HĐTN cho HS tiểu học thì năng

lực của đội ngũ GV trực tiếp phụ trách sẽ là yếu tố quyết định. HĐTN đa dạng, phong phú với nhiều chủ đề khác nhau và luôn ở trạng thái động từ kiến thức đến hình thức do đó đòi hỏi người tổ chức phải có những năng lực đặc trưng như: Kỹ năng tổ chức, hướng dẫn, điều khiển hoạt động, năng lực thu thập, tổng hợp thông tin, khả năng diễn đạt tốt, năng động, sáng tạo và luôn có ý thức tìm tòi cái mới, biết huy động và tập hợp HS tham gia hoạt động. Nếu năng lực của GV hạn chế thì sẽ khó có thể thu hút HS hứng thú tham gia hoạt động được và hoạt động cũng không thể đạt kết quả tốt được.

Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính: Đây là nhân tố có tác dụng hỗ trợ các hoạt động trải nghiệm tiến hành có môi trường một cách hiệu quả. Để tổ chức các HĐTN đạt kết quả mong muốn, tăng tính hấp dẫn thì nhà trường cần đảm bảo tốt các điều kiện về cơ sở vật chất. HĐTN không chỉ lồng ghép trong lớp học mà còn được triển khai ở không gian ngoài lớp học như ở sân trường, vườn trường, bên ngoài nhà trường. Nếu đầy đủ về cơ sở vật chất thì sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động đó diễn ra một cách hợp lý, an toàn, hiệu quả. Nếu cơ sở vật chất không đáp ứng, thiếu thốn, hạn hẹp thì hoạt động trải nghiệm diễn ra không hiệu quả.

Khả năng khai thác các điều kiện hiện có ở địa phương: HĐTN là các hoạt động được tổ chức trong nhà trường, ngoài xã hội. Vì vậy, nhà trường cần phối hợp với các lực lượng giáo dục khác ngoài nhà trường như: Các đoàn thể chính trị - xã hội ở địa phương; tổ chức chính quyền địa phương; các đơn vị kinh tế - xã hội; hội cha mẹ HS... Cũng như rất cần sự ủng hộ của địa phương trong việc giúp nhà trường khai thác các điều kiện hiện có của địa phương để giúp cho HĐTN được diễn ra một cách thuận lợi và đạt kết quả cao.

Ngoài các yếu tố trên thì Nhận thức của cha mẹ HS cũng là một yếu tố có tác động lớn đến việc tổ chức HĐTN cho các em HS. Bởi lẽ, cha mẹ HS là những người quyết định có cho con em mình tham gia vào các HĐTN của nhà trường không cũng như là nguồn lực chính trong việc hỗ trợ về mọi mặt cho HĐTN ở các trường tiểu học được diễn ra một cách thuận lợi.

Tiểu kết chương 1

HĐTN là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại. Qua hoạt động, HS phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng.

Ở chương 1, luận văn cũng đã làm rõ các khái niệm chung về HĐTN, quản lý, quản lý giáo dục, quản lý HĐTN ở trường tiểu học. Qua đó chương 1 cũng đã phân tích một số vấn đề liên quan đến HĐTN và quản lý HĐTN. Cụ thể là các lý luận về HĐTN ở các trường tiểu học như ý nghĩa của việc tổ chức HĐTN trong nhà trường hiện nay; các nội dung HĐTN; phương thức, hình thức điều kiện hỗ trợ HĐTN; lực lượng tham gia tổ chức HĐTN; các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong HĐTN của HS ở trường tiểu học hay năng lực tổ chức HĐTN của GV.

Bên cạnh đó, luận văn của tác giả cũng phân tích về cơ sở lý luận của việc quản lý HĐTN ở các nhà trường tiểu học trong đó có thể kể đến công tác quản lý như quản lý mục tiêu, nội dung, lực lượng tham gia, điều kiện hỗ trợ hay quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cũng như kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS. Cùng với đó, việc quản lý HĐTN cho HS cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác nhau như Chương trình HĐTN cấp tiểu học; Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý; Năng lực của đội ngũ GV; Nhận thức của cha mẹ HS; Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính; Khả năng khai thác các điều kiện hiện có ở địa phương.

Trên đây là những cơ sở khoa học để giúp tác giả đánh giá thực trạng quản lý ở chương 2 và lựa chọn các biện pháp quản lý HĐTN ở trường tiểu học trong Chương 3.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

2.1. Khái quát về tình hình kinh tế, xã hội và giáo dục ở huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông

2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội

Huyện Đăk Song được thành lập vào ngày 21 tháng 6 năm 2001 trên cơ sở tách 2 xã Trường Xuân, Đăk Rung thuộc huyện Đăk Nông và 3 xã Thuận Hạnh, Đăk Mól, Đăk Song thuộc huyện Đăk Mil, tổng diện tích tự nhiên là 80.646,24 ha. Khi mới thành lập, huyện thuộc tỉnh Đăk Lăk, bao gồm 5 xã: Đăk Mól, Đăk Rung, Đăk Song (huyện lỵ), Thuận Hạnh và Trường Xuân.

Ngày 18 tháng 10 năm 2007, Chính phủ ban hành Nghị định 155/2007/NĐ-CP. Theo đó thành lập thị trấn Đức An (thị trấn huyện Đăk Song), xã Thuận Hà. Đổi tên xã Đăk Song thành xã Nam Bình. Như vậy, hiện nay huyện Đăk Song có 1 thị trấn và 8 xã.

Đăk Song có vị trí địa lý nằm trên trục đường QL14 thuận lợi trong việc giao lưu kinh tế- văn hóa- xã hội giữa các tỉnh Tây Nguyên với nhau và nối Tây Nguyên với Bắc Trung bộ và Đông Nam Bộ. Đăk Song là điểm dừng chân của công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông sở hữu hơn 100 hang động lớn nhỏ, với quy mô dài và rộng bậc nhất Đông Nam Á, phân bố chủ yếu ở khu vực Krông Nô, phát hiện từ năm 2007 và được Hiệp hội hang động núi lửa Nhật Bản xác lập kỷ lục Đông Nam Á về cả quy mô, độ dài và tính độc đáo; Đăk Song giáp với điểm di sản du lịch núi lửa Thuận An huyện Đăk Mil, nằm sát quốc lộ 14. Đây là một trong 05 ngọn núi lửa trẻ nhất thuộc công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đăk Nông trên nền đất đỏ phong hóa từ đá bazan hình thành từ hàng triệu năm trước. Đây được xem là những tiềm năng để phát triển du lịch danh lam thắng cảnh.

Toàn huyện có 27 dân tộc anh, em cùng chung sống với dân số 85.843 người, trong đó 03 xã có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là Đăk N'Drung, Trường Xuân, Đăk Mól (chủ yếu là dân tộc M'Nông) và 02 xã biên giới là Thuận Hạnh và Thuận Hà, huyện có 03 tôn giáo được Nhà nước công nhận là: Công giáo, Phật giáo và Tin lành với 42 điểm điểm sinh hoạt, gần khoản 36.000 tín đồ, chiếm khoản 44% dân số trên toàn huyện (Công giáo: 6 giáo xứ, 7 giáo họ, 6 điểm sinh hoạt tập trung; Phật giáo, 7 chùa và 1 thiền viện và 3 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung; Tin lành, 6 Chi Hội và 6 điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung). Đăk Song còn có Các giá trị văn hóa truyền thống, với hơn 27 dân tộc anh em cùng sinh sống, mỗi dân tộc đều có nét

văn hóa và hoạt động lễ hội truyền thống độc đáo mang đậm bản sắc. Nền văn hóa nghệ thuật phong phú, đa dạng và sinh động đang được bảo tồn như: Cồng chiêng, đàn đá và những nhạc cụ thô sơ làm từ chất liệu tre; Hát kể sử thi (Ót N’dong) và dân ca M’Nông được công nhận là di sản phi vật thể của Quốc gia.

Huyện Đắk Song có thu nhập bình quân đầu người gần 54,4 triệu đồng/năm, thu ngân sách 476,4 tỷ đồng/năm, tỷ lệ hộ nghèo hàng năm từ năm 2022 là 4%, trong đó tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số giảm bình quân 4%/năm. Ở huyện Đắk Song, người M’Nông nhóm được coi là những tộc người bản địa có nhiều đặc trưng văn hoá, thể hiện bản sắc của vùng đất này.

2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục

Sự nghiệp giáo dục của huyện đã từng bước phát triển nhanh, toàn diện và khá vững chắc cả về quy mô lẫn cơ sở vật chất và chất lượng dạy và học. Đến nay, toàn huyện có 37 cơ sở giáo dục, trong đó có 19 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 56 %, tăng 13 trường so với năm 2010; 100% số xã, thị trấn có Trung tâm học tập cộng đồng; 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục TH. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn 100%, trong đó có 02 cán bộ quản lý trên chuẩn, giáo viên có trình độ chuẩn. Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, dạy và học, 100% số trường đã kết nối internet. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt từ 98% trở lên; 100% số xã, thị trấn duy trì kết quả đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục THCS; Huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 76%, học sinh tiểu học đạt 100%, THCS đạt 98%; 96,8% học sinh tốt nghiệp THCS đi học THCS và học nghề. Hàng năm xét công nhận 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, 98,9 % học sinh tốt nghiệp THCS, 96,4% tốt nghiệp THPT; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng năm sau cao hơn năm trước, năm 2022 đạt 62% nhưng chất lượng học sinh ở vùng sâu, vùng xa còn thấp, nhất là những trường có con em di dân tự do.

Huyện Đắk Song có 14 trường Tiểu học, 297 lớp, 9152 học sinh và 462 cán bộ, giáo viên và nhân viên. Quy mô và mạng lưới giáo dục Tiểu học mỗi năm đều được nâng cao, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học ... được quan tâm và đầu tư, chất lượng, hiệu quả giáo dục tiểu học luôn được nâng cao. Việc duy trì sĩ số học sinh ngày càng được tốt hơn tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học là 100 %, tốc độ xây dựng trường chuẩn Quốc gia ngày càng được tăng lên mỗi năm phấn đấu đạt khoảng 02 trường đến năm 2025 trên 90% trường đạt chuẩn Quốc gia, 100% số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục đúng độ tuổi - Xóa mù chữ, chất lượng phổ cập giáo dục đúng độ tuổi ổn định bền vững năm sau cao hơn năm trước.

2.2. Khái quát về quá trình khảo sát

2.2.1. Mục đích khảo sát

Khảo sát nhằm mục đích đánh giá đúng thực trạng HĐTN của HS TH và quản lý HĐTN của HS các trường TH huyện Đắk Song. Qua đó chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và đề xuất các giải pháp khắc phục tốt nhất.

2.2.2. Nội dung khảo sát

Tập trung xem xét, đánh giá thực trạng HĐTN và QL HĐTN của HS các trường TH huyện Đắk Song theo các nội dung sau: Thực trạng nhận thức về ý nghĩa của HĐTN, thực trạng thực hiện nội dung tổ chức HĐTN, thực trạng các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN, thực trạng về yêu cầu phẩm chất, năng lực của GV trong tổ chức HĐTN cho HS, thực trạng sử dụng các lực lượng giáo dục bên ngoài nhà trường để tổ chức HĐTN cho HS, các điều kiện hỗ trợ tổ chức HĐTN, thực trạng Quản lý mục tiêu, nội dung, phương thức và loại hình tổ chức HĐTN, Quản lý các lực lượng tham gia, điều kiện hỗ trợ tổ chức HĐTN; thực trạng Quản lý công tác kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS cũng như các yếu tố tác động đến công tác quản lý HĐTN cho HS TH.

2.2.3. Đối tượng và địa bàn khảo sát

Từ đặc điểm mẫu khảo sát cho thấy, khách thể nghiên cứu là 124 CBQL, GV TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, trong đó: CBQL là 11, GV 113. Tỷ lệ nữ là 111/124 (89,5%), độ tuổi 30-40 chiếm 46% (57 người), cơ cấu Ban giám hiệu 11, tổng phụ trách đội 6, giáo viên 1,2,3 107 (86,3%), đa số CBQL, GV có trình độ đại học (96,7%), số CBQL, GV được khảo sát nhiều nhất thuộc đối tượng có thâm niên công tác 11-20 năm (63,7%), tiếp theo là dưới 10 năm (10,5%).

Bảng 2.1. Mẫu khảo sát cán bộ quản lý, giáo viên

Tham số		SL	%
Giới tính	Nam	13	10,5
	Nữ	111	89,5
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	9	7,3
	Từ 30 – 40 tuổi	57	46,0
	Trên 40 tuổi	58	46,8
Cơ cấu	Ban giám hiệu	11	8,9
	Tổng phụ trách	6	4,8
	Giáo viên lớp 1, 2, 3	107	86,3
Trình độ	Trên đại học	0	0
	Đại học	121	97,6

	Cao Đẳng	3	2,4
Thâm niên công tác	< 10 năm	13	10,5
	11 – 20 năm	79	63,7
	> 20 năm	32	25,8
Tổng chung		124	100,0

Ghi chú: SL: số lượng; %: Phần trăm

Ngoài ra, nghiên cứu còn tiến hành khảo sát 179 HS lớp 1, 180 HS lớp 2 và 190 HS lớp 3. Đây là những HS đang học tập theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, có theo học chương trình Hoạt động trải nghiệm.

2.2.4. Phương pháp khảo sát

** Phương pháp khảo sát*

Với 02 mẫu phiếu điều tra như sau:

- Phiếu số 1: Dành cho CBQL, GV làm việc và giảng dạy các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Phiếu này nhằm mục đích thu thập số liệu đánh giá về thực trạng HĐTĐN và quản lý HĐTĐN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Với mỗi câu hỏi sẽ có các mức độ đánh giá khác nhau.

- Phiếu số 2: Dành cho HS đang học tập tại các trường tiểu học trên địa bàn huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Phiếu này nhằm thu thập các số liệu về HĐTĐN của HS. Với mỗi câu hỏi sẽ có các mức độ đánh giá khác nhau.

- Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phiếu khảo sát lấy ý kiến của CBQL về tính cấp thiết và khả thi của các biện pháp.

2.2.5. Xử lý số liệu

Sau khi có số liệu khảo sát, tác giả hình thành và hệ thống các bảng kết quả làm cơ sở cho việc phân tích số liệu. Số liệu thu được sau điều tra chính thức, sẽ được thể hiện qua tỷ lệ phần trăm hoặc số trung bình giúp cho các nhận xét, đánh giá kết quả thu được chính xác hơn thông qua phần mềm SPSS 20.0.

2.3. Thực trạng thực hiện hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông

2.3.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên về vai trò của việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học

Bảng 2.2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về ý nghĩa của HĐTĐN đối với học sinh tiểu học

TT	Ý nghĩa	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		

1	Hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa rất quan trọng đối với học sinh tiểu học	0	0	0	37,1	62,9	4,63	0,485
2	HĐTN có ý nghĩa và sân chơi bổ ích cho học sinh qua đây hình thành phẩm chất, nhân cách	0	0	0	22,6	77,4	4,77	0,420
3	HĐTN hình thành tâm lí xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày	0	0	0	16,9	83,1	4,83	0,377
4	HĐTN luôn đam mê, hào hứng với tiết học	0	0	0	50,8	49,2	4,49	0,502
5	Học sinh luôn kích thích sáng tạo, sở thích khám phá thế giới xung quanh.	0	0	0	33,1	66,9	4,67	0,472
6	Chương trình học sẽ được giúp các em trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa.	0	0	0	42,7	57,3	4,57	0,497
7	Thông qua trải nghiệm thực tế các em còn được học các giá trị của bản thân, biết tôn trọng lắng nghe, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm và cầu thị.	0	0	0	26,6	73,4	4,73	0,444

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq ĐTB \leq 5$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: Hoàn toàn không đồng ý; 2: Phần lớn không đồng ý; 3: Phân vân; 4: Phần lớn đồng ý; 5: Hoàn toàn đồng ý

Kết quả khảo sát bảng trên cho thấy CBQL và GV đều đánh giá cao ý nghĩa của HĐTN mang lại đối với HS tiểu học và cho rằng HĐTN rất hữu ích cho HS tiểu học. Hầu hết các nội dung đều được đánh giá ở giữa mức “hoàn toàn đồng ý” với ĐTB từ 4,49 đến 4,83. Trong đó, nội dung được đánh giá ở mức đồng ý cao nhất là: “HĐTN hình thành tâm lí xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày”, “HĐTN có ý nghĩa và sân chơi bổ ích cho học sinh qua đây hình thành phẩm chất, nhân cách”, “Thông qua trải nghiệm thực tế các em còn được học các giá trị của bản thân, biết tôn trọng lắng nghe, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm và cầu thị” với ĐTB được đánh giá lần lượt là 4,83; 4,77 và 4,73. Như vậy có thể thấy, các CBQL, GV đánh giá rất cao các ý nghĩa, vai trò mà HĐTN mang lại như thông qua HĐTN hình thành tâm lí xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày và hình thành phẩm chất, nhân cách cho HS.

Ở các ý nghĩa còn lại như “*Học sinh luôn kích thích sáng tạo, sở thích khám phá thế giới xung quanh; Hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa rất quan trọng đối với học sinh tiểu học*” cũng được đánh giá là hoàn toàn đồng ý với ĐTB lần lượt là 4,67 và 4,63. Như vậy, CBQL, GV đã hiểu rõ HĐTĐN không chỉ giúp hình thành kiến thức mới mà quan trọng hơn là tạo cho HS có niềm say mê tìm hiểu, thích khám phá và biết cách lĩnh hội những kiến thức mới, cách hình thành kỹ năng mới. Ngoài ra, nó còn giúp HS thấu hiểu ý nghĩa của sự lao động, sáng tạo khi làm ra một sản phẩm nào đó. Các ý nghĩa còn lại cũng được CBQL, GV đánh giá là hoàn toàn đồng ý với ĐTB từ 4,49 đến 4,57.

Từ kết quả khảo sát của đề tài cho thấy phần lớn CBQL và GV TH tại huyện Đắc Song tỉnh Đắc Nông đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tổ chức HĐTN cho HS TH; đây là một tín hiệu tích cực bởi lẽ CBQL, GV là những người trực tiếp tham gia vào công tác tổ chức HĐTN cho các em HS. Nếu CBQL, GV có nhận thức đúng đắn thì sẽ có phương pháp quản lý, phương pháp dạy tối ưu nhất để đưa môn học có hiệu quả cao, dạy cho HS nhiều kỹ năng trong cuộc sống..

2.3.2. Thực trạng thực hiện yêu cầu về phẩm chất và năng lực của hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

Bảng 2.3. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ thực hiện về phẩm chất và năng lực trong HĐTN

TT	Yêu cầu cần đạt	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
I	Phẩm chất chủ yếu							
1	Yêu nước	0	0	2,4	87,9	9,7	4,07	0,342
2	Nhân ái	0	0	4,0	77,4	18,5	4,15	0,454
3	Chăm chỉ	0	0	12,9	79,0	8,1	3,95	0,457
4	Trung thực	0	0	16,1	75,0	8,9	3,93	0,497
5	Trách nhiệm	0	0	25,0	64,5	10,5	3,85	0,580
II	Năng lực chung							
1	Năng lực tự chủ và tự học	0	0	39,5	36,3	24,2	3,85	0,787
2	Năng lực giao tiếp và hợp tác	0	0	33,9	39,5	26,6	3,93	0,777
3	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	0	0	43,5	37,9	18,5	3,75	0,750
III	Năng lực đặc thù							
1	Năng lực thích ứng với cuộc sống	0	0	37,9	33,9	28,2	3,90	0,811
2	Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động	0	0	46,8	38,7	14,5	3,68	0,716
3	Năng lực định hướng nghề nghiệp	0	4,0	51,6	33,1	11,3	3,52	0,749

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq ĐTB \leq 5$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Từ bảng trên cho thấy đánh giá của CBQL, GV về mức độ thực hiện yêu cầu phẩm chất và năng lực trong HĐTN cho HS tiểu học cho thấy. Về kết quả thực hiện phẩm chất được các CBQL, GV đánh giá là có ĐTB từ 3,85 đến 4,15 ở mức khá. Trong đó các phẩm chất như “*Yêu nước*”, “*Nhân ái*” được đánh giá là có ĐTB cao nhất trong số 5 phẩm chất với ĐTB lần lượt là 4,07 và 4,15 điều này cho chúng ta thấy hình thành phẩm chất yêu nước, tinh thần yêu nước nông nản là một phẩm chất không thể thiếu được đối với con người Việt Nam. Phẩm chất nhân ái thương người, tương trợ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn. Đây là những phẩm chất được đánh giá là có mức độ thực hiện tốt hơn các phẩm chất còn lại. Bên cạnh đó, Tính chăm chỉ chịu khó, trong học tập cũng như công việc. Phẩm chất trung thực, thật thà, sống có trách nhiệm với người thân cũng như bạn bè và cộng đồng cũng được đánh giá là có mức độ thực hiện khá tuy nhiên có ĐTB thấp hơn với ĐTB từ 3,85 đến 3,95. Thực tế hiện nay cho thấy, các trường TH trong huyện đã nhận thấy HĐTN là hoạt động giáo dục không thể thiếu ở trường TH trong quá trình giáo dục toàn diện cho HS, giúp HS mở rộng và nâng cao kiến thức, rèn luyện và phát triển thể chất, phát huy tính sáng tạo, hình thành năng lực, tự chủ và tự học rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tổ chức các hoạt động, thích ứng với cuộc góp phần cải tạo và xây dựng xã hội ngày càng sinh động và văn minh.

Về mức độ hình thành năng lực chung được các CBQL, GV đánh giá với ĐTB từ 3,75 đến 3,93 ở mức khá. “*Năng lực giao tiếp và hợp tác*” với ĐTB= 3,93, năng lực này rất cần thiết hình thành cho HS TH để HS có các năng lực khi tiếp xúc với bạn bè người ngoài, muốn giải quyết được các công việc hay một vấn đề thì cần phải có hợp tác. Cùng với đó các “*năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*”; “*Năng lực tự chủ và tự học*” cũng được đánh giá là có ĐTB lần lượt là 3,75 và 3,83 ở mức khá.

Các năng lực đặc thù còn lại cũng được đánh giá có mức độ thực hiện là khá. Trong đó, “*năng lực thích ứng với cuộc sống*” được đánh giá có ĐTB=3,90. Các năng lực còn lại là “*Năng lực định hướng nghề nghiệp*”, “*năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động*” đây là 2 năng lực rất cần thiết cho HS TH tuy nhiên 2 năng lực này lại được đánh giá có kết quả thực hiện với ĐTB khá thấp lần lượt là 3,52 và 3,68. Kết quả này cho thấy, có lẽ đối với các CBQL, GV ở trường tiểu học HS lớp 1,2,3 theo kế hoạch tổ chức HĐTN các em là độ tuổi chưa cần tiếp xúc nhiều với việc phát triển năng lực định hướng nghề nghiệp nên ở năng lực này nhận được ĐTB đánh giá thấp hơn cũng là điều dễ hiểu.

Như vậy thông qua kết quả trên và thực tế hiện nay cho thấy, các trường TH trong huyện đã nhận thấy HĐTN là hoạt động giáo dục không thể thiếu ở trường TH

trong quá trình giáo dục toàn diện cho HS, giúp HS mở rộng và nâng cao kiến thức, rèn luyện và phát triển thể chất, phát huy tính sáng tạo, hình thành năng lực, tự chủ và tự học rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tổ chức các hoạt động, thích ứng với cuộc góp phần cải tạo và xây dựng xã hội ngày càng sinh động và văn minh.

2.3.3. Thực trạng thực hiện nội dung của hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.4. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về mức độ thực hiện các nội dung giáo dục trong HĐTN cho học sinh tiểu học

TT	Yêu cầu cần đạt	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
I	Hoạt động hướng vào bản thân							
1	Hoạt động khám phá bản thân	0	0	12,9	62,1	25,0	4,12	0,606
2	Hoạt động rèn luyện bản thân	0	0	5,6	63,7	30,6	4,25	0,550
II	Hoạt động hướng đến xã hội							
1	Hoạt động chăm sóc gia đình	0	0,8	14,5	71,0	13,7	3,98	0,563
2	Hoạt động xây dựng nhà trường	0	2,4	15,3	73,4	8,9	3,89	0,573
3	Hoạt động xây dựng cộng đồng	0	8,1	17,7	58,1	16,1	3,82	0,797
III	Hoạt động hướng đến tự nhiên							
1	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	0	1,6	29,0	57,3	12,1	3,80	0,662
2	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	0	0	20,2	52,4	27,4	4,07	0,689

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên; 5: Rất thường xuyên

Từ bảng 2.4. về đánh giá của CBQL, GV đối với mức độ thực hiện các nội dung giáo dục trong HĐTN cho HS tiểu học cho thấy. Các nội dung hoạt động hướng vào bản thân được đánh giá là có mức độ thực hiện cao nhất trong số các nội dung ở trên với ĐTB lần lượt là 4,12 và 4,25 tương ứng với các nội dung “Hoạt động khám phá bản thân”; “Hoạt động rèn luyện bản thân” điều này cho thấy việc rèn luyện bản thân là yêu cầu cấp thiết của nội dung giáo dục cho HS TH cho nội dung hoạt động hướng vào bản thân. Cùng với đó đáp ứng được ý nghĩa

mà HĐTN mang lại cho HS đó là thông qua những buổi học trải nghiệm và thực tế các em còn được học hỏi, phát huy giá trị của bản thân, biết tôn trọng, lắng nghe, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm và cầu thị.

Nội dung giáo dục HĐTN các hoạt động hướng đến xã hội được CBQL, GV đánh giá với ĐTB từ 3,82 đến 3,98 ở mức thường xuyên thực hiện. Trong đó nội dung “*Hoạt động xây dựng cộng đồng*” được đánh giá là có ĐTB thấp hơn so với các nội dung còn lại với ĐTB=3,82 và có 8,1% ý kiến của CBQL, GV cho rằng nội dung này hiếm khi được thực hiện.

Các nội dung cuối cùng về hoạt động hướng đến tự nhiên cũng được đánh giá ở mức thường xuyên thực hiện. Cụ thể “*Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên*” với ĐTB = 3,8 và “*Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường*” với ĐTB=4,07 các hoạt động này tìm hiểu về bảo tồn cảnh thiên nhiên, tìm hiểu và bảo vệ môi trường các hoạt động tác động trực tiếp tới các em, qua đó các em biết yêu các cảnh quan thiên nhiên và môi trường từ đó có trách nhiệm bảo vệ, bảo tồn cảnh quan thiên nhiên cũng như môi trường các em đang sinh sống. Do đó, nhà trường cần tích cực hơn trong việc thực hiện các nội dung này nhằm cải thiện được kết quả đạt được tốt hơn.

Bảng 2.5. Đánh giá của học sinh lớp 1 về mức độ yêu thích các chủ đề hoạt động trải nghiệm

TT	Chủ đề	Phần trăm			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
1	Chủ đề 1: Em và những người bạn	0,6	50,3	49,2	2,49	0,512
2	Chủ đề 2: Một ngày của em	1,7	47,5	50,8	2,49	0,534
3	Chủ đề 3: Trường lớp thân yêu	1,1	47,5	51,4	2,50	0,523
4	Chủ đề 4: Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân	3,4	60,3	36,3	2,33	0,538
5	Chủ đề 5: Gia đình yêu thương	2,2	23,5	74,3	2,72	0,497
6	Chủ đề 6: Cảm xúc của em	3,4	70,9	25,7	2,22	0,492
7	Chủ đề 7: Em và những người xung quanh	6,7	51,4	41,9	2,35	0,603
8	Chủ đề 8: Quê hương của em	0,6	21,8	77,7	2,77	0,435

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: không thích; 2: thích; 3: rất thích

Đối với các chủ đề HĐTN lớp 1, có 8 chủ đề khác nhau. Mỗi chủ đề đều được thiết kế những nội dung mang tính thiết thực, gần gũi ngoài ra chú trọng tính phù hợp với học sinh lớp 1. Thông qua bảng điều tra, ta thấy chủ đề được các em yêu thích nhất trong HĐTN là *chủ đề 8: Quê hương của em* với điểm trung bình là 2,77 (trùng ứng ở mức rất thích). Bên cạnh đó, chủ đề cũng được đánh giá cao về

mức độ yêu thích là *chủ đề 5: Gia đình yêu thương*, chủ đề xoay quanh những người thân trong gia đình các em và đem lại những trải nghiệm thú vị nên có mức độ yêu thích rất cao với ĐTB=2,72. Ngoài ra, *chủ đề 3: Trường lớp thân yêu* với ĐTB= 2,50 được các em HS yêu thích. Với ĐTB=2,49 *chủ đề 1: Em và những người bạn* và *chủ đề 2: Một ngày của em*, được các em đánh giá yêu thích ở mức độ rất yêu thích. Các chủ đề không được đánh giá thấp hơn về mức độ yêu thích là *chủ đề 4: Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân*; *Chủ đề 6: Cảm xúc của em* những chủ đề này đối với các em chỉ dừng lại ở mức thích với ĐTB lần lượt là 2,33 và 2,22 bên cạnh đó một số em còn tỏ ra không hứng thú với những chủ đề này.

Bảng 2.6. Đánh giá của học sinh lớp 2 về mức độ yêu thích các chủ đề về hoạt động trải nghiệm

TT	Chủ đề	Phần trăm			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
1	Em và mái trường mến yêu	2,2	43,9	53,9	2,52	0,544
2	Vì một cuộc sống an toàn	7,2	47,8	45,0	2,38	0,618
3	Kính yêu thầy cô thân thiện với bạn bè	1,7	30,6	67,8	2,66	0,509
4	Truyền thống quê em	8,9	37,8	53,3	2,44	0,654
5	Chào năm mới	3,3	41,1	55,6	2,52	0,564
6	Chăm sóc và phục vụ bản thân	5,0	56,7	38,3	2,33	0,569
7	Yêu thương gia đình quý trọng phụ nữ	7,8	21,7	70,6	2,63	0,626
8	Môi trường xanh cuộc sống xanh	6,7	40,6	52,8	2,46	0,620
9	Những người sống quanh em	8,3	46,7	45,0	2,37	0,633

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: không thích; 2: thích; 3: rất thích

Qua bảng 2.6. tổng hợp kết quả đánh giá của HS lớp 2 về mức độ yêu thích các chủ đề HĐTN ta thấy, hầu hết các em đều rất thích *chủ đề Kính yêu thầy cô thân thiện với bạn bè* và *chủ đề Yêu thương gia đình quý trọng phụ nữ* với điểm trung bình lần lượt là 2,66 và 2,63 bởi tính gần gũi đối với các em. Các chủ đề khác như *Chủ đề Em và mái trường mến yêu* và *chủ đề Chào năm mới* cũng được các em đánh giá cao với ĐTB là 2,52 tương ứng với mức rất thích.

Những chủ đề còn lại cũng được đánh giá về mức độ yêu thích với điểm trung bình từ (2,37 – 2,46). Tuy nhiên, cũng còn có *chủ đề Chăm sóc và phục vụ bản thân* là nhận được mức độ yêu thích thấp hơn so với các chủ đề còn lại với ĐTB là 2,33 điều này chứng tỏ chủ đề này chưa đem lại niềm yêu thích trong quá trình HĐTN cho HS TH.

Bảng 2.7. Đánh giá của học sinh lớp 3 về mức độ yêu thích các chủ đề hoạt động trải nghiệm

TT	Chủ đề	Phần trăm			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
1	Em và trường tiểu học thân yêu	1,1	35,3	63,7	2,63	0,506
2	An toàn trong cuộc sống	3,7	18,9	77,4	2,74	0,519
3	Kính yêu thầy cô Thân thiện với bạn bè	0	24,2	75,8	2,76	0,429
4	Tự hào truyền thống quê em	2,6	45,8	51,6	2,49	0,551
5	Năm mới và tiêu dùng thông minh	10,0	46,8	43,2	2,33	0,651
6	Chăm sóc và phát triển bản thân	3,2	28,4	68,4	2,65	0,540
7	Yêu thương gia đình quý trọng phụ nữ	8,4	25,3	66,3	2,58	0,644
8	Cuộc sống xanh	5,8	48,9	45,3	2,39	0,597
9	Những người sống quanh em và nghề em yêu thích.	6,3	20,5	73,2	2,67	0,591

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: không thích; 2: thích; 3: rất thích

Kết quả ở bảng tổng hợp đánh giá của HS lớp 3 về mức độ yêu thích các chủ đề HĐTN cho thấy:

Đa số HS đều đánh giá các chủ đề trên ở mức độ rất thích chiếm tỷ lệ cao. Các chủ đề với nội dung hấp dẫn, sinh động được đem vào HĐTN giúp HS vừa cung cấp được kiến thức, vừa tạo niềm vui cho HS. Hiện nay, HĐTN vốn được đánh giá là việc làm rất cần thiết, điều này phản ánh đúng quan điểm của giáo dục là phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất của HS.

Các chủ đề được đa số các em đánh giá rất thích với điểm trung bình cao nhất là: *Kính yêu thầy cô Thân thiện với bạn bè* (ĐTB=2,76), *An toàn trong cuộc sống* (ĐTB=2,74), *Những người sống quanh em và nghề em yêu thích* (ĐTB=2,67). 2,65 là số ĐTB mà HS đánh giá sự yêu thích đối với chủ đề *Chăm sóc và phát triển bản thân*; chủ đề *Em và trường tiểu học thân yêu* (có ĐTB= 2,63) cũng được đánh giá ở mức độ rất thích.

Những chủ đề còn lại như, *Yêu thương gia đình quý trọng phụ nữ*, *Tự hào truyền thống quê em*, *Cuộc sống xanh*, *Năm mới và tiêu dùng thông minh* được đánh giá với điểm trung bình khá thấp (2,33 - 2,49). Trong đó, Chủ đề *năm mới và tiêu dùng thông minh* và *cuộc sống xanh* được HS đánh giá thấp hơn so với những chủ đề còn lại có ĐTB=2,33 một số HS còn bày tỏ thái độ không thích đối với chủ đề này. Do đó, trong quá trình thực hiện, CBQL, GV nhà trường cần xem xét những

chủ đề nào phù hợp với HS cũng như có các biện pháp nhằm làm tăng sự yêu thích của HS đối với những vấn đề này.

2.3.4. Thực trạng thực hiện phương thức và loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.8. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về phương thức thực hiện về các nội dung giáo dục trong HĐTN cho học sinh tiểu học

TT	Phương thức	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Trò chơi	0	0	12,1	50,8	37,1	4,25	0,658
2	Ngoại khóa	0	9,7	58,9	25,0	6,5	3,28	0,728
3	Diễn đàn thảo luận	0	0,8	19,4	56,5	23,4	4,02	0,680
4	Sân khấu hóa	0	13,7	39,5	42,7	4,0	3,37	0,770
5	Thực hành lao động	0	3,2	21,8	57,3	17,7	3,90	0,719
6	Hoạt động tình nguyện	0	19,4	42,7	29,8	8,1	3,27	0,866
7	Hoạt động nhân đạo	0	6,5	44,4	38,7	10,5	3,53	0,770
8	Hoạt động gtheo nhóm sở thích	0	8,9	43,5	35,5	12,1	3,51	0,821
9	Phương pháp giải quyết vấn đề	0	0	16,1	62,9	21,0	4,05	0,610
10	Phương pháp đóng vai	0	2,4	27,4	51,6	18,5	3,86	0,736
11	Tham gia dã ngoại	0	11,3	61,3	21,8	5,6	3,22	0,716
12	Đi thăm hỏi các đơn vị quân đội, các gia đình có công.	0	8,1	67,7	17,7	6,5	3,23	0,685
13	Đi tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa địa phương.	0	7,3	53,2	26,6	12,9	3,45	0,810

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên; 5: Rất thường xuyên

Bảng 2.8 thể hiện kết quả sau khi lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về phương thức thực hiện các nội dung giáo dục trong HĐTN cho HS TH ở các trường TH huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông. Kết quả cho thấy, các nhà trường đã thực hiện đa dạng các phương thức tổ chức HĐTN cho HS và đa số các phương thức đều có mức độ thực hiện ở mức thỉnh thoảng đến rất thường xuyên thực hiện với ĐTB dao động từ 3,22 đến 4,25.

Trong số các phương thức kể trên thì “Trò chơi” là phương thức được đánh giá có mức độ thực hiện cao nhất, rất thường xuyên thực hiện với ĐTB=4,25. Trò chơi là một phương thức tổ chức mà thông qua việc tham gia trò chơi HS có thể giải quyết được các nhiệm vụ mà GV đưa ra cũng như thu hút được tính tích cực tham

gia của HS. Như vậy qua kết quả trên có thể thấy, các nhà trường tiểu học rất chú trọng đến phương thức trò chơi trong việc tổ chức HĐTN cho HS.

Các phương thức tiếp theo như “*Phương pháp đóng vai; Thực hành lao động; Diễn đàn thảo luận; Phương pháp giải quyết vấn đề*” là những phương thức được đánh giá có mức độ thực hiện thường xuyên với ĐTB lần lượt là 3,86; 3,90; 4,02 và 4,05. Các phương thức còn lại cũng được đánh giá ở mức thường xuyên thực hiện. Tuy nhiên ở các phương thức như “*Tham gia dã ngoại; Đi thăm hỏi các đơn vị quân đội, các gia đình có công; Hoạt động tình nguyện; Ngoại khóa và Sân khấu hóa*” lại là những phương thức nhận được sự đánh giá chỉ có mức độ thực hiện ở mức thỉnh thoảng với ĐTB dao động từ 3,22 đến 3,37. Như vậy, thông qua kết quả này các nhà trường cần có sự điều chỉnh nhằm làm cân bằng mức độ thực hiện của các phương thức bởi lẽ mỗi phương thức sẽ mang lại một hiệu quả riêng. Do đó cần có sự kết hợp hài hoà các phương thức này lại với nhau để giúp nâng cao hiệu quả việc tổ chức HĐTN cho HS TH hiện nay.

Bảng 2.9. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về loại hình HĐTN cho học sinh tiểu học

TT	Loại hình	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Sinh hoạt dưới cờ	0	0	29,8	43,5	26,6	3,97	0,754
2	Sinh hoạt lớp	0	0	28,2	50,0	21,8	3,94	0,707
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề	0	0	4,8	46,0	49,2	4,44	0,589
4	Câu lạc bộ	2,4	10,5	37,1	40,3	9,7	3,44	0,895

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Thỉnh thoảng; 4: Thường xuyên; 5: Rất thường xuyên

Bên cạnh các phương thức thực hiện về các nội dung giáo dục trong HĐTN thì tác giả cũng thực hiện lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về loại hình giáo dục HĐTN cho HS TH ở các trường TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Kết quả cho thấy, đa phần các loại hình hoạt động này đều được CBQL, GV đánh giá có mức độ thực hiện ở mức thường xuyên và rất thường xuyên thực hiện. Trong đó loại hình hoạt động “*Hoạt động giáo dục theo chủ đề*” được đánh giá là có mức độ thực hiện rất thường xuyên, có ĐTB thực hiện cao nhất so với các nội dung còn lại với ĐTB= 4,44.

Các loại hình còn lại như “*Sinh hoạt lớp và Sinh hoạt dưới cờ*” cũng được đánh giá là có mức độ thực hiện thường xuyên với ĐTB lần lượt là 3,94 và 3,97. Tuy nhiên trong số các loại hình kể trên thì “*Câu lạc bộ*” lại là loại hình tổ chức nhận được mức ĐTB đánh giá thấp hơn so với các loại hình còn lại với ĐTB chỉ

bằng 3,44 và có đến hơn 12% ý kiến cho rằng loại hình thức không bao giờ hoặc hiếm khi mới được thực hiện. Như vậy có thể thấy, câu lạc bộ là loại hình hoạt động chưa thực sự phổ biến ở các nhà trường tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Tuy nhiên câu lạc bộ lại là một tổ chức giúp các em HS cùng nhau tham gia, trao đổi, chia sẻ các thông tin với nhau cũng như giúp các em hình thành các năng lực thông qua việc tham gia câu lạc bộ. Vì vậy, các trường tiểu học cần quan tâm hơn trong việc chỉ đạo, đẩy mạnh và phát huy vai trò của câu lạc bộ trong việc tổ chức HĐTN cho HS TH.

Bảng 2.10. Đánh giá của học sinh lớp 1 về mức độ hứng thú của các loại hình hoạt động

TT	Loại hình	Phần trăm			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
1	Sinh hoạt dưới cờ	2,8	31,8	65,4	2,63	0,540
2	Sinh hoạt lớp	0,6	43,6	55,9	2,55	0,510
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm	5,0	64,8	30,2	2,25	0,539
4	Câu lạc bộ	8,9	59,8	31,3	2,22	0,595

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: không hứng thú; 2: hứng thú; 3: rất hứng thú

Qua bảng đánh giá của HS lớp 1 về mức độ hứng thú với các loại hình HĐTN ta thấy: HS đánh giá cao nhất là *sinh hoạt dưới cờ* với ĐTB= 2,63 tương ứng với mức rất hứng thú. Bên cạnh đó, *hoạt động sinh hoạt lớp* với ĐTB= 2,55 cũng tạo được sự hứng thú cho HS khi tham gia hoạt động này.

Tuy nhiên bên cạnh đó 2 loại hình hoạt động là *Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm* và *hoạt động câu lạc bộ* lại không được đánh giá cao bởi mức độ hứng thú đem lại thấp hơn so với các loại hình khác với điểm trung bình lần lượt là 2,25 và 2,22. Như vậy qua kết quả này, các nhà trường cần đổi mới việc tổ chức các loại hình nhằm thu hút mức độ hứng thú của HS hơn khi tham gia các loại hình tổ chức HĐTN này.

Bảng 2.11. Đánh giá của học sinh lớp 2 về mức độ hứng thú của các loại hình hoạt động

TT	Loại hình	Phần trăm			ĐTB	ĐLC
		1	2	3		
1	Sinh hoạt dưới cờ	8,3	53,9	37,8	2,29	0,614

2	Sinh hoạt lớp	7,2	51,7	41,1	2,34	0,609
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm	11,7	45,6	42,8	2,31	0,671
4	Câu lạc bộ	13,3	37,8	48,9	2,36	0,706

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: không hứng thú; 2: hứng thú; 3: rất hứng thú

Qua bảng đánh giá của HS lớp 2 về mức độ hứng thú với các loại hình hoạt động ta thấy: Trong số các loại hình kể trên thì đa phần đều được HS đánh giá là có mức độ hứng thú và rất hứng thú với ĐTB từ 2,29 đến 2,36. Trong đó, *Hoạt động câu lạc bộ* là loại hình hoạt động nhận được mức độ đánh giá cao hơn so với các loại hình còn lại bởi sự hứng thú cũng như kết quả hoạt động này mang lại cho HS với điểm trung bình là 2,36. Câu lạc bộ là nơi tập hợp các HS có cùng sở thích, năng khiếu ở một lĩnh vực nào đó tự nguyện tham gia vào các hoạt động học tập, vui chơi, giải trí phù hợp với bản thân các em. Thông qua cuộc sống và sự trải nghiệm của chính bản thân, câu lạc bộ sẽ cung cấp cho các em một môi trường rộng lớn để rèn luyện bản thân, bồi dưỡng năng lực tổng hợp, năng lực thực tiễn, khả năng sáng tạo và phẩm chất cá tính, thể hiện mình và phục vụ cho xã hội. Do đó câu lạc bộ là loại hình mang lại cho HS nhiều hứng thú nhất khi tham gia cũng là điều dễ hiểu.

Bên cạnh đó được đánh giá với mức độ hứng thú chiếm ĐTB từ 2,29 đến 2,34 còn có các hoạt động: *Sinh hoạt lớp* (ĐTB= 2,34); *Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm* (ĐTB= 2,31) và cuối cùng là *Sinh hoạt dưới cờ* (ĐTB= 2,29). Các loại hình này đều được HS đánh giá là có mức độ hứng thú đối với các em khi tham gia HĐTN.

Bảng 2.12. Đánh giá của học sinh lớp 3 về mức độ hứng thú của các loại hình hoạt động

TT	Loại hình	Phần trăm			ĐTB	DLC
		1	2	3		
1	Sinh hoạt dưới cờ	6,8	31,6	61,6	2,55	0,622
2	Sinh hoạt lớp	7,4	31,6	61,1	2,54	0,631
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm	7,4	47,4	45,3	2,38	0,620
4	Câu lạc bộ	5,3	46,8	47,9	2,43	0,593

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 3$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: không hứng thú; 2: hứng thú; 3: rất hứng thú

Qua bảng đánh giá của HS lớp 3 về mức độ hứng thú với các loại hình hoạt

động ta thấy tất cả các loại hình ở trên đều được HS đánh giá ở mức độ rất hứng thú với ĐTB từ 2,38 đến 2,55. Trong đó, *Loại hình Sinh hoạt dưới cờ và Sinh hoạt lớp* là 2 loại hình được đánh giá cao nhất với điểm trung bình lần lượt là 2,54 và 2,54. Mức độ hứng thú của 2 hoạt động này đem lại cho HS rất cao. Bên cạnh đó, *Hoạt động câu lạc bộ* (có ĐTB= 2,43) và *Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm* (được đánh giá có ĐTB= 2,38) cũng được đánh giá là tạo được sự rất hứng thú cho HS khi tham gia HĐTN.

Như vậy có thể thấy, đối với mỗi độ tuổi HS tương ứng với các khối lớp khác nhau lại có một sự đánh giá riêng biệt về sự hứng thú mà các loại hình hoạt động mang lại. Do đó, trong quá trình tổ chức HĐTN các nhà trường cần phối hợp và đan xen các loại hình này lại với nhau nhằm mang lại hiệu quả cao nhất khi thực hiện.

2.3.5. Thực trạng các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.13. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các lực lượng tham gia trong giáo dục HĐTN cho học sinh tiểu học

TT	Lực lượng	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Ban giám hiệu	0	6,5	60,5	22,6	10,5	3,37	0,759
2	Tổng phụ trách	0	0	44,4	40,3	15,3	3,71	0,719
3	Giáo viên chủ nhiệm	0	0	4,8	44,4	50,8	4,46	0,590
4	Giáo viên bộ môn	0	0	0	51,6	48,4	4,48	0,502
5	Cán bộ tư vấn học đường	0	15,3	35,5	37,9	11,3	3,45	0,887
6	Các lực lượng xã hội khác (hội phụ huynh, hội phụ nữ...)	0	8,1	62,9	21,0	8,1	3,29	0,730

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Không bao giờ; 2: Hiếm khi; 3: Tỉnh thoảng; 4: Thường xuyên; 5: Rất thường xuyên

Qua kết quả của bảng 2.13. Đánh giá của CBQL, GV về các lực lượng tham gia trong HĐTN cho HS TH cho thấy các nhà trường đã làm tốt trong công tác phối hợp và kêu gọi các lực lượng khác nhau cùng tham gia vào việc tổ chức HĐTN cho HS. Cụ thể mức độ tham gia của các lực lượng trên được đánh giá ở mức độ tỉnh thoảng và thường xuyên. Trong đó, lực lượng “*Giáo viên chủ nhiệm và Giáo viên bộ môn*” là 2 lực lượng chính tham gia vào công tác tổ chức HĐTN cho HS và được đánh giá có mức độ thực hiện là rất thường xuyên với mức ĐTB lần lượt là 4,44 và 4,48. *Tiếp theo đó* “*Cán bộ tư vấn học đường và Tổng phụ trách*” cũng được đánh giá là thường xuyên tham gia vào việc tổ chức HĐTN cho HS tuy nhiên có mức ĐTB thấp hơn với ĐTB lần lượt là 3,45 và 3,71.

Trong các lực lượng kê trên thì “*Các lực lượng xã hội khác (hội phụ huynh, hội phụ nữ...)*” và “*Ban giám hiệu*” là 2 lực lượng được đánh giá có mức độ tham gia thực hiện thấp nhất với ĐTB lần lượt là 3,29 và 3,37 tương ứng với mức thỉnh thoảng thực hiện. Thực tế cho thấy, HĐTN không thể thành công nếu không có sự tham gia phối hợp của các lực lượng giáo dục khác. Bên cạnh đó Ban giám hiệu là lực lượng tiên quyết trong việc điều hành, chỉ đạo thực hiện HĐTN cho HS. Tuy nhiên 2 lực lượng này lại có mức độ tham gia thực hiện khá thấp. Vì vậy, các CBQL nhà trường cần xem xét lại vấn đề này để đề ra các biện pháp hợp lý nhằm tận dụng được vai trò của các lực lượng khác trong việc cùng hỗ trợ tổ chức HĐTN cho HS TH.

2.3.6. Thực trạng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học của các giáo viên

Bảng 2.14. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về năng lực tổ chức HĐTN cho học sinh của giáo viên

TT	Năng lực	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Hiểu biết về bản thân và môi trường sống	0	0	36,3	44,4	19,4	3,83	0,729
2	Nhận biết sự thay đổi của cơ thể, cảm xúc suy nghĩ của bản thân	0	0	34,7	50,8	14,5	3,80	0,675
3	Hình thành được một số thói quen nếp sống sinh hoạt và kỹ năng tự phục vụ.	0	0	37,1	50,0	12,9	3,76	0,667
4	Nhận ra được nhu cầu phù hợp và nhu cầu không phù hợp.	0	0	37,9	45,2	16,9	3,79	0,713
5	Nhận ra được một số nguy hiểm từ môi trường sống xung quanh	0	0	42,7	30,6	26,6	3,84	0,820
6	Điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi	0	0	43,5	40,3	16,1	3,73	0,725
7	Đề xuất được cách giải quyết cho cùng một vấn đề.	0	0	26,6	62,9	10,5	3,84	0,590
8	Tham gia xác định nội dung và cách thức thực hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm ..	0	2,4	44,4	36,3	16,9	3,68	0,781
9	Thực hiện được kế hoạch hoạt động cá nhân, biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết	0	3,2	39,5	47,6	9,7	3,64	0,702
10	Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm	0	0	32,3	49,2	18,5	3,86	0,702
11	Chỉ ra được sự tiến bộ của bản thân sau hoạt động.	0	0	40,3	38,7	21,0	3,81	0,762
12	Nêu được ý nghĩa của hoạt động của bản thân và tập thể.	0	0	35,5	42,7	21,8	3,86	0,747

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

GV là một trong những lực lượng chủ yếu và đóng vai trò trực tiếp vào việc tổ chức HĐTN cho HS, vì vậy, để HĐTN được diễn ra thuận lợi và đạt kết quả cao thì năng lực tổ chức HĐTN của GV là một điều rất cần thiết. Tác giả đã thực hiện lấy ý kiến đánh giá của đội ngũ CBQL, GV về năng lực tổ chức HĐTN cho HS của GV ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Kết quả cho thấy, tất cả các năng lực tổ chức HĐTN của GV đều được CBQL, GV đánh giá là đang ở mức khá với ĐTB từ 3,64 đến 3,86.

Trong đó các năng lực “*Nhận ra được một số nguy hiểm từ môi trường sống xung quanh; Đề xuất được cách giải quyết cho cùng một vấn đề; Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm; Nêu được ý nghĩa của hoạt động của bản thân và tập thể*” là những năng lực nhận được sự đánh giá có ĐTB cao hơn các năng lực còn lại với ĐTB từ 3,84 đến 3,86. Như vậy có thể thấy, đối với các GV ở các trường TH huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông các năng lực liên quan đến giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân là những năng lực được đánh giá cao nhất.

Các năng lực còn lại cũng được đánh giá ở mức khá với ĐTB từ 3,64 đến 3,83. Tuy nhiên trong các năng lực kể trên thì “*Thực hiện được kế hoạch hoạt động cá nhân, biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết*” lại là năng lực được đánh giá có mức độ thấp hơn so với các năng lực còn lại và có đến hơn 40% ý kiến cho rằng năng lực này chỉ đang dừng lại ở mức yếu và trung bình. Do đó, từ kết quả trên các nhà trường cần xem xét những năng lực nào của GV còn chưa tốt để có hướng bồi dưỡng hợp lý.

2.3.7. Thực trạng thực hiện các điều kiện hỗ trợ hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.15. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các điều kiện tổ chức HĐTN cho học sinh tiểu học

TT	Điều kiện	Phần trăm					ĐTB	DLC
		1	2	3	4	5		
1	Kinh phí hỗ trợ HĐTN cho học sinh	0	7,3	31,5	42,7	18,5	3,73	0,849
2	Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ HĐTN cho học sinh	0	1,6	36,3	44,4	17,7	3,78	0,750
3	Sự phối kết hợp với chính quyền và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN cho học sinh	0	3,2	45,2	48,4	3,2	3,52	0,618
4	Các tài liệu về HĐTN trong thư viện	0	1,6	39,5	54,8	4,0	3,61	0,594

5	Các chế độ, chính sách cho những cán bộ, giáo viên tổ phụ trách HDTN	0	6,5	50,8	37,9	4,8	3,41	0,687
---	--	---	-----	------	------	-----	------	-------

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Từ kết quả của bảng 2.15. về đánh giá lấy ý kiến của CBQL, GV đối với các điều kiện tổ chức HDTN cho HS TH cho thấy, các điều kiện hỗ trợ tổ chức HDTN ở các trường TH trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông chỉ ở mức khá với ĐTB từ 3,41 đến 3,78. Cụ thể trong các điều kiện trên thì “*Kinh phí hỗ trợ HDTN cho học sinh và Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ HDTN cho học sinh*” là 2 điều kiện nhận được đánh giá có mức độ đáp ứng cao nhất với ĐTB lần lượt là 3,73 và 3,78 tuy kết quả đạt được ở mức khá nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số bộ phận CBQL, GV cho rằng các điều kiện này chỉ đang ở mức yếu và trung bình. Thực tế hiện nay ở các trường TH cho thấy, kinh phí hỗ trợ cho môn học hay cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ HDTN cho HS tuy đã có đầu tư và tạo điều kiện cho quá trình thực hiện HDTN nhưng bên cạnh đó vẫn đang còn gặp một số hạn chế, và đây cũng là tình hình chung của giáo dục hiện tại.

Các điều kiện còn lại như “*Các tài liệu về HDTN trong thư viện*”, “*Sự phối kết hợp với chính quyền và các lực lượng xã hội trong tổ chức HDTN cho học sinh*” “*Các chế độ, chính sách cho những cán bộ, giáo viên tổ phụ trách HDTN*” có ĐTB chỉ ở mức từ 3,41 đến 3,61. Tuy các điều kiện này được đánh giá ở mức khá nhưng ĐTB đánh giá vẫn là khá thấp, trong đó, các chế độ, chính sách cho những cán bộ, GV tổ phụ trách HDTN vẫn chưa được quan tâm thực hiện tốt cụ thể ở điều kiện này có ĐTB=3,41 (xấp xỉ mức trung bình). Do đó, các nhà trường cần xem xét lại những điều kiện chưa được thực hiện tốt nhằm cải thiện và góp phần nâng cao việc hỗ trợ cho quá trình thực hiện tổ chức HDTN cho HS.

2.4. Thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2.4.1. Quản lý việc thực hiện mục tiêu hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.16. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý thực hiện mục tiêu HDTN cho học sinh

TT	Nội dung	Phần trăm					ĐTB	DLC
		1	2	3	4	5		
1	Xác định mục tiêu tổ chức HDTN cho học sinh trong chương trình giáo dục cấp tiểu học.	0	0	8,9	56,5	34,7	4,26	0,610

2	Phổ biến mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh đến đội ngũ thực hiện.	0	0	11,3	55,6	33,1	4,22	0,632
3	Hướng dẫn đội ngũ thực hiện cách thực hiện mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	0	0	17,7	61,3	21,0	4,03	0,624

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq ĐTB \leq 5$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Từ kết quả bảng trên về đánh giá của CBQL, GV đối với việc quản lý thực hiện mục tiêu HĐTN cho HS TH huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cho chúng ta thấy CBQL, GV đều đánh giá việc quản lý thực hiện mục tiêu HĐTN cho HS TH đa phần ở mức tốt với ĐTB từ 4,03 đến 4,26.

Trong đó 2 nội dung quản lý là “*Phổ biến mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh đến đội ngũ thực hiện*”; “*Xác định mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh trong chương trình giáo dục cấp tiểu học*” được đánh giá là thực hiện ở mức tốt với ĐTB lần lượt là 4,22 và 4,26. Để làm tốt công tác quản lý thì người quản lý biết được tầm quan trọng của môn học trong chương trình giáo dục phổ thông, qua đó phải biết các các mục tiêu hay kế hoạch và phổ biến cho các đội ngũ thực hiện một cách thông suốt và hiệu quả, xác định mục tiêu tổ chức xem đã phù hợp chưa để thay đổi cách nhìn cũng như xây dựng tầm chiến lược, kế hoạch hay phương pháp tối ưu để tổ chức môn học một cách hiệu quả hơn.

Tuy nhiên đối với nội dung quản lý “*Hướng dẫn đội ngũ thực hiện cách thực hiện mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*” lại nhận được mức độ đánh giá thấp hơn và ở mức khá với ĐTB=4,03. Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đã chỉ rõ HĐTN là “hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho HS tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học khác nhau để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, kỹ năng mới góp phần phát huy tiềm năng sáng tạo và khả năng thích ứng với cuộc sống, môi trường và nghề nghiệp tương lai. Vì vậy trong quá trình triển khai các nhà trường cần hướng dẫn đội ngũ thực hiện cách thức thực hiện mục tiêu tổ chức này nhằm giúp đội ngũ thực hiện nắm rõ mà triển khai HĐTN một cách suôn sẻ và đạt được kết quả cao.

2.4.2. Quản lý việc thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở

trường tiểu học

Bảng 2.17. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý thực hiện nội dung HĐTN cho học sinh

TT	Nội dung	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Tổ chức cho giáo viên tìm hiểu về các mạch nội dung của HĐTN cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	0	0	33,1	38,7	28,2	3,95	0,785
2	Hướng dẫn giáo viên thực hiện các mạch nội dung để đạt được yêu cầu cần đạt của HĐTN theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	0	0	39,5	39,5	21,0	3,81	0,758
3	Hướng dẫn giáo viên lựa chọn, sử dụng các chủ đề HĐTN trong các bộ sách giáo khoa/tài liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt và các mạch nội dung.	0	0	30,6	46,0	23,4	3,93	0,734
4	Ban giám hiệu kết hợp với tổ trưởng chuyên môn rà soát, phê duyệt các nội dung HĐTN cho học sinh.	0	0	40,3	37,1	22,6	3,82	0,776

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Kết quả sau khi lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về kết quả thực hiện quản lý thực hiện nội dung HĐTN cho HS TH cho thấy, các CBQL, GV đều đánh giá việc thực hiện quản lý nội dung HĐTN cho HS ở các trường TH trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông ở mức khá. Trong đó, “*Hướng dẫn giáo viên lựa chọn, sử dụng các chủ đề HĐTN trong các bộ sách giáo khoa/ tài liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt và các mạch nội dung*” và “*Tổ chức cho giáo viên tìm hiểu về các mạch nội dung của HĐTN cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018*” là 2 nội dung nhận được mức độ đánh giá cao nhất trong số các nội dung quản lý kể trên với ĐTB lần lượt là 3,93 và 3,95. Kết quả này cho thấy, các nhà quản lý ở các trường TH trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã làm khá tốt nhiệm vụ của mình trong việc triển khai hướng dẫn GV lựa chọn, sử dụng các chủ đề HĐTN phù hợp cũng như có GV tìm hiểu về mạch nội dung của HĐTN cho HS theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Đây là một trong những nội dung rất quan trọng và cần được các nhà trường triển khai thường xuyên.

Cùng với đó 2 nội dung quản lý còn lại là “*Hướng dẫn giáo viên thực hiện các mạch nội dung để đạt được yêu cầu cần đạt của HĐTN theo Chương trình Giáo*

dục phổ thông 2018” và “Ban giám hiệu kết hợp với tổ trưởng chuyên môn rà soát, phê duyệt các nội dung HĐTN cho học sinh” cũng được đánh giá có mức thực hiện khá tuy nhiên có ĐTB thấp hơn so với 2 nội dung trên với ĐTB lần lượt là 3,81 và 3,82.

2.4.3. Quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.18. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh

TT	Nội dung	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Tổ chức cho giáo viên tìm hiểu, thảo luận về việc thực hiện các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh.	0	0	21,0	66,1	12,9	3,92	0,579
2	Tạo điều kiện cho các giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về phương thức và loại hình tổ chức HĐTN.	0	0	36,3	51,6	12,1	3,76	0,655
3	Chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ, giáo viên phối hợp các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	0	0	21,8	63,7	14,5	3,93	0,600
4	Chỉ đạo đội ngũ thực hiện tăng cường phương thức tổ chức HĐTN cho học sinh khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn.	0	0	27,4	50,0	22,6	3,95	0,708
5	Tổ chức các buổi chuyên đề về việc triển khai các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	0	4,0	38,7	46,0	11,3	3,65	0,735
6	Thường xuyên lấy ý kiến giáo viên, phụ huynh về hiệu quả của các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	0	7,3	33,9	41,9	16,9	3,69	0,840

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Tác giả đã thực hiện lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về việc quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS ở các trường TH trên địa bàn huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, kết quả cho thấy, các nhà trường đã làm khá tốt công tác quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS. Cụ thể, các nội dung quản lý đều được đánh giá là có mức độ thực hiện khá với ĐTB từ 3,65 đến 3,95. Trong đó “*Tổ chức cho giáo viên tìm hiểu, thảo luận về việc thực hiện các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh; Chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ, giáo viên phối hợp các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh; Chỉ đạo đội ngũ thực hiện tăng cường phương thức tổ chức HĐTN cho học sinh khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn*” là những nội dung nhận được mức đánh giá với ĐTB cao nhất lần lượt là 3,92; 3,93 và 3,95. Cụ thể, nhà trường đã làm tốt nhất trong công tác thường xuyên chỉ đạo đội ngũ thực hiện tăng cường phương thức tổ chức HĐTN cho HS khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn. Đây là một trong những nội dung quản lý quan trọng và đáng chú trọng bởi việc *đạo đội ngũ thực hiện tăng cường phương thức tổ chức HĐTN cho HS khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn đáp ứng được các yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông hiện nay.*

Các nội dung quản lý còn lại là “*Tổ chức các buổi chuyên đề về việc triển khai các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh; Thường xuyên lấy ý kiến giáo viên, phụ huynh về hiệu quả của các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh; Tạo điều kiện cho các giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về phương thức và loại hình tổ chức HĐTN*” là những nội dung nhận được ĐTB đánh giá thấp hơn với ĐTB lần lượt là 3,65; 3,69 và 3,76. Trong đó, 2 nội dung quản lý là tổ chức các buổi chuyên đề về việc triển khai các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS và thường xuyên lấy ý kiến GV, phụ huynh về hiệu quả của các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho HS vẫn chưa đạt được kết quả thực sự cao cùng với đó ở các nội dung quản lý này vẫn được đánh giá là chỉ đạt được ở mức trung bình.

2.4.4. Quản lý các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.19. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý các lực lượng tham gia HĐTN cho học sinh

TT	Nội dung	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Xác định các lực lượng thực hiện các HĐTN cho học sinh TH tương ứng với các hình thức tổ	0	0	30,6	53,2	16,1	3,85	0,671

	chức HĐTN.							
2	Xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức hoạt động HĐTN cho học sinh TH.	0	0	25,8	49,2	25,0	3,99	0,716
3	Phân công cán bộ quản lý trong Ban giám hiệu phụ trách trực tiếp các HĐTN	0	0	34,7	37,1	28,2	3,94	0,794
4	Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong tổ chức HĐTN cho học sinh.	0	0	31,5	50,0	18,5	3,87	0,698
5	Chỉ đạo giáo viên phối hợp với các lực lượng xã hội và các đơn vị, cơ sở sản xuất trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	1,6	32,3	59,7	6,5	3,71	0,609
6	Huy động các nguồn lực (vật lực, tài lực, nhân lực...) từ gia đình và các lực lượng xã hội trong HĐTN cho học sinh TH.	0	0,8	37,9	52,4	8,9	3,69	0,640

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Như đã phân tích ở trên thì có khá nhiều lực lượng tham gia vào việc tổ chức HĐTN cho HS, vì vậy công tác quản lý các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS ở trường tiểu học cũng cần được chú trọng. Tác giả đã thực hiện lấy ý kiến đánh giá của các CBQL, GV về việc quản lý các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS ở trường TH trên địa bàn huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, kết quả cho thấy, công tác quản lý lực lượng tham gia HĐTN cho HS đang dừng ở mức khá với ĐTB từ 3,69 đến 3,99.

Trong đó các nhà trường đã làm tốt việc xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS TH và phân công CBQL trong Ban giám hiệu phụ trách trực tiếp các HĐTN. Cụ thể ở 2 nội dung “Phân công cán bộ quản lý trong Ban giám hiệu phụ trách trực tiếp các HĐTN” và “Xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho học sinh TH” đều nhận được ĐTB đánh giá ở mức khá với ĐTB lần lượt là 3,94 và 3,99. Việc phân công CBQL phụ trách trực

tiếp các HĐTN là một việc làm hết sức cần thiết trong công tác quản lý. Bởi lẽ thông qua việc phân công công việc, mỗi CBQL sẽ biết nhiệm vụ của mình là gì để từ đó có hướng thực hiện phù hợp và giám sát hết được cả quá trình thực hiện.

Các nội dung quản lý còn lại cũng nhận được ĐTB đánh giá ở mức khá với ĐTB dao động từ 3,69 đến 3,87. Trong đó nội dung quản lý “*Huy động các nguồn lực (vật lực, tài lực, nhân lực...)* từ gia đình và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH” là nội dung nhận được ĐTB đánh giá thấp nhất với ĐTB=3,69 là có 37,9% ý kiến đánh giá cho rằng nội dung quản lý này đang chỉ dừng ở mức trung bình. Qua đó từ thực trạng này Ban giám hiệu các nhà trường cần đưa ra các biện pháp hợp lý nhằm nâng cao hiệu quả của nội dung quản lý này.

2.4.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.20. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý các điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN cho học sinh

TT	Nội dung	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Đảm bảo kinh phí tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	25,8	71,8	2,4	3,77	0,479
2	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	33,9	60,5	5,6	3,72	0,564
3	Nâng cao ý thức trách nhiệm của giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	32,3	49,2	18,5	3,86	0,702
4	Bố trí thời gian hợp lý tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	24,2	59,7	16,1	3,92	0,632
5	Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn HĐTN cho học sinh TH.	0	0	23,4	62,1	14,5	3,91	0,612

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Bảng 2.20 thể hiện kết quả sau khi lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về kết quả thực hiện quản lý các điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN cho HS ở trường TH trên địa bàn huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Kết quả cho thấy, các nội dung quản lý

điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN cho HS đều được CBQL, GV đánh giá có mức thực hiện là khá với ĐTB từ 3,72 đến 3,92.

Các nội dung quản lý như “*Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn HĐTN cho học sinh TH*” và “*Bố trí thời gian hợp lý tổ chức HĐTN cho học sinh TH*” được đánh giá là 2 nội dung quản lý có ĐTB cao nhất lần lượt là 3,91 và 3,92. Kết quả trên cho thấy các nhà trường đã làm khá tốt việc cung cấp đủ các tài liệu hướng dẫn HĐTN cho HS cũng như Bố trí thời gian hợp lý để thực hiện các hoạt động này. Theo Công văn 3535/BGDĐT-GDTH năm 2019 quy định về thời lượng tổ chức HĐTN cấp tiểu học thì HĐTN được quy định 105 tiết/năm học, trong đó có 35 tiết sinh hoạt dưới cờ (nhóm lớn, quy mô trường); 35 tiết sinh hoạt lớp (nhóm lớn, quy mô lớp học); 35 tiết hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động câu lạc bộ (quy mô lớp học, nhóm lớp học). Như vậy các nhà trường đã làm khá tốt nhiệm vụ bố trí thời gian hợp lý cho việc tổ chức HĐTN này.

Cùng với đó các nội dung quản lý như “*Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất tổ chức HĐTN cho học sinh TH*”; “*Đảm bảo kinh phí tổ chức HĐTN cho học sinh TH*” và “*Nâng cao ý thức trách nhiệm của giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh TH*” là những nội dung cũng được đánh giá có mức độ đánh giá là khá với ĐTB lần lượt là 3,72; 3,77 và 3,86. Tuy nhiên nội dung quản lý “*Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất tổ chức HĐTN cho học sinh TH*” vẫn còn có 33,9% ý kiến đánh giá là đang chỉ ở mức trung bình. Do đó, các nhà trường cần xem xét lại công tác quản lý, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất nhằm hỗ trợ cho HĐTN được thực hiện tốt hơn và mang lại kết quả cao hơn.

2.4.6. Quản lý kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở trường tiểu học

Bảng 2.21. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về kết quả thực hiện quản lý kiểm tra, đánh giá HĐTN cho học sinh

TT	Nội dung	Phần trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Kiểm tra việc thực hiện các nội dung HĐTN cho học sinh THCS.	0	0	26,6	51,6	21,8	3,95	0,697
2	Kiểm tra việc thực hiện các phương pháp, hình thức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	29,8	46,0	24,2	3,94	0,736
3	Kiểm tra sự phối kết hợp các lực lượng trong tổ chức HĐTN cho học	0	0	28,2	46,8	25,0	3,97	0,732

	sinh TH.							
4	Đánh giá, rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau kiểm tra.	0	0	37,1	56,5	6,5	3,69	0,587
5	Nhà trường khen thưởng, biểu dương các cán bộ, GV tích cực trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	30,6	61,3	8,1	3,77	0,582
6	Nhà trường có hình thức nhắc nhở, đôn đốc các cán bộ, GV chưa tích cực trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	0	0	31,5	54,8	13,7	3,82	0,651

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq ĐTB \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Kém; 2: Yếu; 3: Trung bình; 4: Khá; 5: Tốt

Kiểm tra, đánh giá là khâu cuối cùng trong công tác quản lý, trong đề tài này tác giả thực hiện lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về kết quả thực hiện quản lý kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS ở trường TH trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Kết quả cho thấy, tất cả các nội dung quản lý ở trên đều được CBQL, GV đánh giá có mức độ thực hiện ở mức khá với ĐTB dao động từ 3,69 đến 3,97.

Đứng đầu là các nội dung quản lý “*Kiểm tra việc thực hiện các phương pháp, hình thức HĐTN cho học sinh TH; Kiểm tra việc thực hiện các nội dung HĐTN cho học sinh TH; Kiểm tra sự phối kết hợp các lực lượng trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH*” với ĐTB đánh giá lần lượt là 3,94; 3,95 và 3,97. Như vậy thông qua kết quả này có thể thấy, trong công tác quản lý kiểm tra, đánh giá bước đầu các nhà trường tiểu học đã làm khá tốt công tác quản lý của mình.

Cùng với đó ở các nội dung quản lý còn lại như “*Đánh giá, rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau kiểm tra; Nhà trường khen thưởng, biểu dương các cán bộ, GV tích cực trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH; Nhà trường có hình thức nhắc nhở, đôn đốc các cán bộ, GV chưa tích cực trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH*” tuy được nhận xét là có mức độ thực hiện khá nhưng bên cạnh đó vẫn còn nhiều ý kiến cho rằng công tác đánh giá, rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau kiểm tra vẫn chỉ dừng lại ở mức trung bình cũng như trong công tác khen thưởng, biểu dương các cán bộ, GV tích cực trong tổ chức HĐTN vẫn còn chưa thực sự được làm tốt.

2.5. Thực trạng các yếu tố tác động đến quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

Bảng 2.22. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN cho học sinh tiểu học

TT	Các yếu tố	Phân trăm					ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4	5		
1	Chương trình HĐTN cấp tiểu học	0	0	3,2	57,3	39,5	4,36	0,546
2	Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý	0	0	7,3	61,3	31,5	4,24	0,576
3	Năng lực của đội ngũ giáo viên	0	0	6,5	58,1	35,5	4,29	0,581
4	Nhận thức của cha mẹ học sinh	0	0	5,6	76,6	17,7	4,12	0,470
5	Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính	0	0	4,0	77,4	18,5	4,15	0,454
6	Khả năng khai thác các điều kiện hiện có ở địa phương	0	0	15,3	65,3	19,4	4,04	0,590

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: Không tác động; 2: Tác động ít; 3: Tác động trung bình; 4: Tác động khá nhiều; 5: Tác động rất nhiều

Có rất nhiều yếu tố khác nhau có ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN cho HS tiểu học như các yếu tố về đội ngũ CBQL, GV, nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở vật chất hay các chính sách,... Dựa trên các yếu tố đó, tác giả thực hiện lấy ý kiến đánh giá về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN cho HS tiểu học. Kết quả sau khi thực hiện lấy ý kiến đánh giá của CBQL, GV về các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý HĐTN cho HS tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông cho thấy, hầu hết các yếu tố kể trên đều được các CBQL, GV đánh giá là có tác động khá nhiều và tác động rất nhiều đến công tác quản lý HĐTN cho HS TH. Cụ thể:

Các yếu tố “*Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý; Năng lực của đội ngũ giáo viên và Chương trình HĐTN cấp tiểu học*” là ba yếu tố được đánh giá là có mức độ tác động cao nhất đến công tác quản lý HĐTN cho HS tiểu học với ĐTB lần lượt là 4,24; 4,29 và 4,36 (tương ứng với mức tác động nhiều). Như đã phân tích ở phần cơ sở lý luận thì đội ngũ CBQL, GV là đội ngũ trực tiếp tham gia và việc tổ chức HĐTN cho HS. Vì vậy để HĐTN đạt được kết quả cao cũng như diễn ra thuận lợi thì năng lực của GV và CBQL rất cần thiết và có tác động rất lớn.

Các yếu tố tiếp theo là “*Khả năng khai thác các điều kiện hiện có ở địa phương; Nhận thức của cha mẹ học sinh; Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính*” là những yếu tố được đánh giá là có sự tác động khá nhiều đối với công tác quản lý HĐTN cho HS.

Như vậy qua các kết quả trên có thể thấy, hầu hết các yếu tố kể trên đều được đánh giá là có tác động đến công tác quản lý HĐTN cho HS tiểu học huyện Đắk

Song, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Ban giám hiệu nhà trường cần xem xét các vấn đề này để nhằm hạn chế những điểm chưa tốt mà các yếu tố này mang lại. Từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý HĐTN cho HS tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông hiện nay.

2.6. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động trải nghiệm của học sinh ở các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

2.6.1. Ưu điểm

- Hầu hết các CBQL, giáo viên và học sinh có nhận thức đúng đắn về vai trò, mục tiêu, ý nghĩa của HĐTN đối với việc giáo dục toàn diện học sinh. Các giáo viên trẻ nhiệt tình là nòng cốt trong tổ chức HĐTN.

- Học sinh có nguyện vọng, hứng thú và tích cực tham gia các HĐTN đáp ứng nhu cầu và phù hợp với tâm lý học sinh.

- HĐTN làm không khí trường sôi nổi, vui vẻ, mọi người gần gũi, gắn bó nhau hơn, tạo nên không khí thoải mái, đoàn kết trong tập thể.

- Đội ngũ Ban giám hiệu, CBQL có năng lực, nhiệt tình, quan tâm chỉ đạo sát sao các HĐTN cho học sinh.

- CBQL triển khai thực hiện đầy đủ các HĐTN chương trình của Bộ GD&ĐT, các chỉ đạo của Sở GD&ĐT và Phòng Giáo dục và Đào tạo trong đó lồng ghép các hoạt động cho học sinh.

- Trường đã xây dựng kế hoạch HĐTN trong năm học và chỉ đạo GVCN xây dựng kế hoạch chủ nhiệm với các hoạt động cụ thể trong học kỳ, trong từng tháng, từng tuần cụ thể.

2.6.2. Hạn chế

- Một số CBQL và giáo viên vẫn chưa nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của HĐTN đối với học sinh TH. Một số giáo viên vẫn chỉ chú trọng đến truyền thụ kiến thức khoa học và bỏ qua việc tổ chức HĐTN cho các học sinh. Một số khác lại ngại khó nên không đầu tư tổ chức HĐTN, chưa kích thích được hứng thú của học sinh khi tham gia HĐTN, chỉ đối phó khi được kiểm tra.

- Một số cha mẹ học sinh do áp lực phát triển kinh tế gia đình nên không muốn cho con tham gia các HĐTN vì sợ tốn thời gian.

- Quá trình xây dựng kế hoạch HĐTN đã tiến hành đầy đủ nhưng chưa bài bản, chất lượng và thực tiễn chưa cao.

- Việc quản lý nội dung chương trình của CBQL còn nhiều yếu kém, nên giáo viên chỉ soạn giáo án mang tính đối phó, các câu lạc bộ, múa hát sân trường ... chưa được đầu tư có chiều sâu.

- Hình thức và nội dung thực hiện chưa đa dạng, lôi cuốn nên hiệu quả còn hạn chế và chưa tập hợp đông đảo học sinh tham gia hưởng ứng. Do chương trình giáo dục trong năm học có rất nhiều nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện nên việc sắp xếp thời gian tổ chức hoạt động TN chưa phù hợp; hiệu quả, chất lượng cũng chưa cao.

- Công tác bồi dưỡng năng lực tổ chức, khả năng thực hiện của giáo viên và học sinh còn ít, chưa được quan tâm. Chính vì vậy kỹ năng tổ chức của giáo viên bị hạn chế, họ thường chỉ bám sát nội dung hướng dẫn của sách mà không sáng tạo thêm các ý tưởng cho các hoạt động. Học sinh thì bị động không có khả năng tự thiết kế, điều chỉnh theo ý bản thân.

- Sự phối hợp giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường còn thấp, chưa phát huy được sức mạnh của cha mẹ học sinh, nhà trường chưa mở rộng phạm vi hoạt động giao lưu với các lực lượng bên ngoài cộng đồng.

- Nguồn tài chính và cơ sở vật chất phục vụ cho HĐTN còn hạn hẹp tạo ra những cản trở nhất định cho công tác này.

2.6.3. Nguyên nhân của hạn chế

- Cơ chế tài chính không đi đôi với yêu cầu giáo dục như hiện nay, gây khó khăn rất nhiều cho Hiệu trưởng trong quá trình quản lý điều hành nhà trường, đặc biệt là tổ chức các hoạt động HĐTN.

- Giáo viên thiếu năng lực, kỹ năng tổ chức, hướng dẫn sinh hoạt tập thể; một số còn có nhận thức coi nhẹ vai trò, tầm quan trọng của HĐTN.

- Do tác động mặt trái của nền kinh tế thị trường, xu thế hội nhập cạnh tranh khu vực và toàn cầu hóa trong bối cảnh công cuộc đổi mới đất nước hiện nay; do cách đánh giá của CBQL, GV, đánh giá học sinh của ngành GD và xã hội chủ yếu dựa vào kết quả hoạt động dạy - học văn hóa trên lớp, khiến các nhà trường chỉ tập trung kết quả dạy học, ít quan tâm đến đánh giá HĐTN. Mặt khác, xã hội, đặc biệt là học sinh và cha mẹ học sinh quan tâm đầu tư hoạt động dạy - học kiến thức văn hóa trên lớp, các hoạt động giáo dục tập thể-cộng đồng; trong đó có HĐTN.

Tiểu kết chương 2

Kết quả nghiên cứu thực trạng HĐTN và quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông cho thấy:

Phần lớn các CBQL, GV có đã đánh giá đúng về tầm quan trọng của HĐTN trong việc mang lại nhiều lợi ích và ý nghĩa cho HS như: HĐTN hình thành tâm lí xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày; HĐTN có ý nghĩa và sân chơi bổ ích cho học sinh qua đây hình thành phẩm chất, nhân cách. Mức độ thực hiện về phẩm chất và năng lực trong HĐTN của HS tiểu học cũng được CBQL, GV đánh giá ở các mức khá và tốt. Nội dung tổ chức HĐTN cũng được đa phần HS bày tỏ thái độ thích thú. Bên cạnh đó, các nhà trường cũng đã bước đầu huy động sự tham gia của các lực lượng khác nhau trong việc tổ chức HĐTN cho HS. Các phương thức loại hình tổ chức HĐTN cũng khá đa dạng. Tuy nhiên cùng với đó các điều kiện hỗ trợ HĐTN vẫn chưa được đánh giá cao nên các nhà trường cần chú ý hơn đến những vấn đề này.

Việc quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông đa phần đã được chú trọng thực hiện. Mức độ kết quả đạt được khi thực hiện các mục tiêu, nội dung quản lý được đánh giá đa phần ở mức độ khá tốt. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số nội dung quản lý vẫn được đánh giá chưa cao. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có rất nhiều yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng đến việc quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Cụ thể là các yếu tố liên quan đến Chương trình HĐTN cấp tiểu học; Năng lực của đội ngũ CBQL, GV,...

Kết quả nghiên cứu thực trạng ở trên là cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn, đã làm sáng tỏ thêm các vấn đề lý luận, thực tiễn, đồng thời là căn cứ quan trọng để tác giả đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông hiện nay.

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM CHO HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TIỂU HỌC HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

3.1. Những định hướng đề xuất biện pháp

Trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 ở cấp Tiểu học, chương trình HĐTN dành cho HS tiểu học bao gồm những nội dung sau: Hoạt động hướng vào bản thân, hoạt động hướng đến xã hội, hoạt động hướng đến tự nhiên (lớp 1, 2, 3, 4, 5) và hoạt động hướng nghiệp (lớp 2, 3, 4, 5). Quy định về nội dung GD của đại phương được tích hợp trong HĐTN bao gồm: những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hóa, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp... Thông qua đó, biện pháp quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông cần có những định hướng chính về phương pháp giáo dục như sau:

Định hướng chung

- Các biện pháp đề xuất phải chỉ rõ được nội dung quản lý các HĐTN nhằm Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, GV, phụ huynh HS về HĐTN của HS

- Các biện pháp phải thể hiện rõ chương trình HĐTN theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương giúp các em tham gia đầy đủ vào tất cả các khâu của quá trình học tập, từ khâu nhận đề tài, chuẩn bị, thực hành và đánh giá kết quả. Các em cũng tự rút ra thêm những kinh nghiệm cho bản thân, có thêm động lực để học hỏi, phát triển bản thân mình.

- Các biện pháp phải thiết lập được phương thức và liệt kê được các loại hình trải nghiệm đa dạng để bồi dưỡng cho GV. Thông qua các hoạt động thực hành trải nghiệm, những việc làm cụ thể, học sinh sẽ phát huy vai trò cụ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. Tìm ra những giải pháp mới để giải quyết vấn đề của mình, của bạn và vấn đề của môi trường xung quanh.

- Bên cạnh đó, các biện pháp được đề xuất phải khả thi và góp phần đổi mới cho công tác quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Đắc Song tỉnh Đắc Nông.

Định hướng phương thức phát triển năng lực, phẩm chất của HS

- Hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học ở HS thông qua việc giao nhiệm vụ của GV, giúp HS tích cực, tự lực chiếm lĩnh kiến thức, biết cách học độc lập.

- Hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác ở HS thông qua các hoạt động học tập theo nhóm hoặc cả lớp.

- Hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo ở HS thông qua các tình huống, câu hỏi, tạo điều kiện cho HS vận dụng phối hợp kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế cuộc sống.

- Hình thành phẩm chất yêu nước: yêu thiên nhiên, yêu truyền thống dân tộc, yêu cộng đồng và biết làm ra các việc làm thiết thực để thể hiện tình yêu đó.

- Hình thành phẩm chất nhân ái: tôn trọng sự khác biệt của những người xung quanh, không phân biệt đối xử, sẵn sàng tha thứ, tôn trọng về văn hóa, tôn trọng cộng đồng.

- Hình thành phẩm chất chăm chỉ: thể hiện ở những kỹ năng học tập hàng ngày của HS, học mọi lúc, mọi nơi, luôn dám nghĩ, dám làm, dám đặt vấn đề.

- Hình thành phẩm chất trung thực: là ngay thẳng, mạnh dạn nói lên ý kiến của mình, biết nhận lỗi, sửa lỗi, bảo vệ cái đúng, cái tốt.

- Hình thành phẩm chất trách nhiệm: tuân thủ mọi quy định lớp học, môn học, trường học, tự kiểm soát đánh giá những quy định đã được đề ra.

Các định hướng trên là những định hướng cụ thể cho việc đề ra các biện pháp quản lý HĐTN cho HS tiểu học của nhà trường với GV. Tuy nhiên, cũng cần chú ý đến phạm vi nghiên cứu của luận văn để đưa ra một số các biện pháp sát thực với mục đích nghiên cứu.

3.2. Các nguyên tắc đề xuất biện pháp

3.2.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục tiêu

Tổ chức HĐTN cho HS cần có mục tiêu nhất định, người lãnh đạo phải đưa ra được mục đích, yêu cầu của từng HĐTN trong từng học kì và cả năm học để đạt tới mục tiêu GD là dạy những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại, kết hợp hài hòa giữa đức, trí, thể, mỹ và chú trọng thực hành, để HS biết vận dụng những điều đã học vào thực tế.

Nhà trường xây dựng hệ thống các mục tiêu, xác định nội dung, quy trình tổ chức quản lý HĐTN phải hướng tới việc hình thành và phát triển nhân cách của HS theo qui chuẩn giáo dục của từng cấp học. Nguyên tắc này đòi hỏi mục tiêu quản lý HĐTN của nhà trường phải là “ thước đo”, là chuẩn để đánh giá hiệu quả của các giải pháp. Vì mục tiêu được phân thành nhiều cấp độ khác nhau (mục tiêu tổng quát, mục tiêu bộ phận) cho nên các biện pháp đề ra phải phân thành nhiều cấp theo tính chất quy mô của các hoạt động và theo từng giai đoạn cụ thể thì hiệu quả sẽ cao hơn.

3.2.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Tính hiệu quả chính là kết quả cuối cùng trong quá trình quản lý sẽ đạt được mà các giải pháp quản lý cần phải đưa ra. Tính hiệu quả thể hiện ở sự gắn kết thống nhất giữa các giải pháp trong từng khâu của quá trình quản lý HĐTN cho HS tiểu học.

Nguyên tắc này đòi hỏi các giải pháp đề xuất phải đảm bảo được các điều kiện cần thiết như: nguồn nhân lực, vật lực, tài chính, thời gian... Đảm bảo cho việc quản lý HĐTN được diễn ra có tính quy trình, tính hệ thống; đảm bảo tính đa dạng và phong phú của nội dung, hình thức tổ chức. Bên cạnh đó, nguyên tắc này cần phải đảm bảo giải pháp đưa ra phù hợp với điều kiện chi phí cho phép mà không phát sinh quá nhiều chi phí gây ra lãng phí.

Giải pháp được đề xuất phải phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Hiệu trưởng các trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Để việc tổ chức các HĐTN theo cấp học, theo chủ đề, qua thực tế của nhà trường đưa các em từng bước chiếm lĩnh văn hóa, xã hội của dân tộc và tiếp cận lĩnh hội nền văn hóa văn minh nhân loại. Qua đó, các em hình thành ý thức giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, hình thành cách tiếp cận tiếp thu học tập những cái hay, cái đẹp nền văn minh thế giới, tiếp thu cái tinh hoa trở thành những công dân có ích cho đất nước.

3.2.3. Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện là hệ thống các quy tắc cần được thực hiện trong quá trình đánh giá thành quả học tập của HS tiểu học nhằm bảo đảm kết quả HS đạt được qua kiểm tra phản ánh được đạt các mặt đức – trí – thể - mỹ của các em cũng như nhiều mức độ nhận thức khác nhau trong hoạt động học tập HS nói chung và trong HĐTN nói riêng.

Các giải pháp đưa ra để quản lý HĐTN cho HS tiểu học phải tạo được kết quả cao nhất trên phương diện, giúp Hiệu trưởng nhận thức rõ nhất về tầm quan trọng của HĐTN đối với HS tiểu học; luôn phải đổi mới trong cách nghĩ cách làm, trong công tác quản lý giúp HS phát triển, rèn luyện cả về mặt tư duy và đạo đức.

Nguyên tắc đảm bảo tính toàn diện đồng thời hướng đến việc nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, thực hiện các nội dung, chương trình HĐTN đạt hiệu quả cao nhất, chất lượng giáo dục đi lên. Và, giúp các em HS nắm vững tri thức, hình thành kỹ năng, kỹ xảo, phẩm chất năng lực cho bản thân. Góp phần hình thành động cơ, thái độ học tập đúng đắn cho HS. Giúp các em phát triển toàn diện về nhân cách. Trên cơ sở đó, giúp nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục một cách toàn diện.

3.2.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi là nguyên tắc đòi hỏi các biện pháp đề xuất phải có khả năng thực thi. Có thể áp dụng vào thực tiễn một cách thuận lợi, trở thành hiện thực và phải đem lại hiệu quả cao.

Vì các biện pháp quản lý HĐTN cho HS trường tiểu học nói chung và trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông nói riêng phụ thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi địa phương, điều kiện trang thiết bị, cơ sở vật

chất hạ tầng hiện có ở trường phục vụ cho công tác tổ chức HĐTN, điều kiện hoàn cảnh của từng đối tượng cụ thể nên việc đề xuất biện pháp quản lý HĐTN cho HS ở đây cần phải đảm bảo tính khả thi. Khi đó, công tác quản lý HĐTN mới mang lại hiệu quả cao, nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học nói chung và giáo dục HĐTN nói riêng.

3.2.5. Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn

Nguyên tắc đảm bảo tính thực tiễn yêu cầu các biện pháp đề xuất phải xuất phát từ thực tiễn đất nước, thực tiễn của ngành, thực tiễn từng lứa tuổi và thực tiễn của từng trường riêng biệt. Các biện pháp phải phải xác định hướng chiến lược phát triển HĐTN cho HS hiện nay, các biện pháp cụ thể để tổ chức thực hiện HĐTN cho HS. Trong đó, việc nâng cao chất lượng tổ chức HĐTN trong nhà trường là một yếu tố cấp bách cần phải tập trung giải quyết. Mặt khác, các biện pháp đề xuất cần thể hiện đầy đủ và cụ thể hóa đường lối phương châm giáo dục của Đảng và Nhà nước phù hợp với định hướng của ngành trong quá trình quản lý HĐTN cho HS.

Trong tất cả lý thuyết phải đi đôi với thực hành, nếu không có thực hành thì tất cả lý thuyết trở thành lý thuyết suông, xa rời với thực tế đời sống hiện tại. Tất cả mục tiêu trong giáo dục, khi đặt ra những yêu cầu cần đạt được đều gắn với thực tiễn, hay nói cách khác là đảm bảo tính thực tiễn. Từ yêu cầu thực tiễn đề ra các biện pháp nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTN cho HS tiểu học nói riêng.

3.3. Các biện pháp đề xuất

3.3.1. Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh học sinh về hoạt động trải nghiệm cho học sinh

3.3.1.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

- Nhận thức là nền tảng của thái độ và hành vi của con người. Nhận thức đúng đắn sẽ có tác động đến kết quả thái độ và hành vi đúng đắn. Khi tổ chức một hoạt động bất kỳ, vị trí và vai trò cũng như trách nhiệm của các lực lượng tham gia có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của công tác quản lý của hoạt động đó. Cho nên, việc quán triệt và nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, tính tích cực chủ động, tự giác trong công việc cho đội ngũ GV, gia đình HS, các lực lượng ở cộng đồng xã hội là điều kiện hết sức quan trọng.

- Biện pháp này hướng tới nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL và GV về HĐTN. Giúp CBQL, GV hiểu đúng và đầy đủ về tầm quan trọng của việc giáo dục HĐTN cho HS tiểu học để từ đó xác định được nhiệm vụ trách nhiệm của bản thân trong công tác tổ chức HĐTN cho HS.

- Nâng cao nhận thức của phụ huynh HS về khái niệm, vị trí, vai trò của HĐTN trong sự phát triển của con em để phụ huynh đồng ý phối kết hợp nhịp

nhàng cùng với nhà trường trong công tác tổ chức HĐTN cho HS tiểu học các trường huyện Đăk Song tỉnh Đăk nông.

- Giúp các em HS hiểu được HĐTN là gì và lợi ích của việc tham gia HĐTN mang lại để các em nghiêm túc, tích cực tham gia các HĐTN do nhà trường tổ chức. Tăng hứng thú, đam mê với các môn học, phát huy được tính tự giác, tích cực và sự sáng tạo trong học tập.

3.3.1.2. Nội dung của biện pháp

- CBQL, GV phải nhận thức sâu sắc nhiệm vụ của mình và tổ chức thực hiện những chủ trương, chính sách, đường lối giáo dục thông qua nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN phù hợp, nghiêm túc và đạt hiệu quả. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm quản lý các hoạt động của nhà trường do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, công nhận.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho đội ngũ GV, phụ huynh HS và HS về ý nghĩa, vai trò của HĐTN đối với QLGD toàn diện. Khơi dậy ý thức trách nhiệm của đội ngũ GV và sự tích cực tham gia hưởng ứng của các em HS. Trang bị kiến thức và kỹ năng tổ chức HĐTN cho CB, GV.

- CBQL, GV chủ động phối hợp với phụ huynh HS trong tổ chức HĐTN cho HS, nhận xét, đánh giá và xếp loại HS. Xây dựng tập thể lớp thành một tập thể phát triển toàn diện, tự quản để trở thành phương tiện giáo dục HĐTN cho HS. GV giáo dục cho các em động cơ học tập đúng đắn, chăm chỉ, say mê học tập, biết trân trọng những kiến thức tiếp thu, không ỉ lại, có nghị lực vượt qua mọi khó khăn, thái độ trung thực. Rèn luyện cho HS sự tự tin, sự năng động, chủ động sáng tạo, khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

- Tuyên truyền qua nhiều hình thức khác nhau: như thông qua họp hội đồng sư phạm nhà trường, họp phụ huynh HS, sinh hoạt tập thể HS, sinh hoạt lớp, tham gia các cuộc hội họp ở địa phương lên tiếng kêu gọi các lực lượng ngoài xã hội nhận thức đúng, đầy đủ về HĐTN cho HS.

3.3.1.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho CBQL, GV về HĐTN cho HS

- Hiệu trưởng nhà trường lên kế hoạch tổ chức học tập nghiên cứu một cách nghiêm túc các văn kiện của Đảng, Nhà nước về GD&ĐT quán triệt một cách sâu sắc yêu cầu về đổi mới nâng cao chất lượng GD trong thời đại ngày nay tới toàn thể CB-GV-NV trong đơn vị.

- Hiệu trưởng lên kế hoạch tuyên truyền, giáo dục để GV và các bậc phụ huynh nhận thức được trách nhiệm của mình trong công tác tổ chức HĐTN cho HS. HĐTN không chỉ là tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí, khám phá, tìm hiểu mà còn là hoạt

động cung cấp cho các em những kiến thức, hình thành tình cảm và giúp các em hình thành thói quen đúng đắn thông qua các buổi HĐTN cùng thầy cô, bạn bè.

- Tổ chức các buổi hội thảo, hội nghị, các chương trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho GV, qua các buổi sinh hoạt hội đồng để giúp GV nhận thức rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong tổ chức HĐTN cho HS, có thái độ đúng đắn trong việc phối hợp nhà trường cùng tham gia HĐTN cho HS.

- Tổ chức các buổi họp hội thảo, báo cáo chuyên đề về quản lý HĐTN cho HS để GV chủ nhiệm, GV bộ môn và các đoàn thể trong nhà trường trao đổi, thảo luận nhận thức rõ tầm quan trọng của HĐTN đối với HS tiểu học.

- Tổ chức tập huấn cho đội ngũ GV về HĐTN như mục đích, ý nghĩa, phương pháp, hình thức trải nghiệm, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của HS trong HĐTN.

- Tổ chức các chương trình tham quan cho GV được tham gia trải nghiệm thực tế trước để nâng cao chất lượng tổ chức HĐTN cho HS.

- Cử GV tham gia các lớp tập huấn theo các chuyên đề do Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và Phòng GD và ĐT tổ chức.

- Thông qua các hoạt động sinh hoạt bồi dưỡng chuyên đề, thảo luận về việc tổ chức HĐTN, tạo điều kiện để GV được trao đổi, học tập lẫn nhau về kinh nghiệm công tác tổ chức HĐTN trong nhà trường

- Suu tầm, cung cấp tài liệu cho GV nghiên cứu nhằm mục đích nâng cao năng lực tổ chức.

- Hiệu trưởng ghi nhận, đánh giá động viên khích lệ, đặc biệt là “tạo cơ chế mở” để GV tự chủ động, tự ý thức, tự thấy mình phải có trách nhiệm.

- Nhắc nhở GV phải luôn tự học, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của cá nhân mỗi GV

- Nhân dịp các lễ lớn, nhà trường lồng ghép các nội dung HĐTN với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của CBQL, GV tổ chức HĐTN cho HS tiểu học.

- Tổ chức thi đua giữa các GV trong công tác tổ chức HĐTN cho HS để thúc đẩy tinh thần tự giác, tự nguyện, sự hăng say cho các HĐTN ở trường, khối, lớp.

Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho phụ huynh HS về HĐTN cho con em

- Tổ chức các buổi họp phụ huynh để tuyên truyền về tầm quan trọng của HĐTN đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của HS tiểu học

- Gián tiếp kêu gọi phụ huynh tham gia vào các HĐTN được nhà trường tổ chức từ HS để phụ huynh tự rút ra được ý nghĩa của HĐTN trong giáo dục HS bằng

cách tổ chức các cuộc thi cho cả HS và phụ huynh như: văn nghệ, cắm hoa, các hoạt động chơi trò chơi toàn trường...

- Truyền tải các hình ảnh, video về các HĐTN đã được nhà trường tổ chức trước đó thông qua các trang mạng xã hội như facebook để tiếp cận gần hơn với phụ huynh, giúp phụ huynh hiểu được HĐTN là gì, các em HS sẽ làm gì trong các buổi HĐTN. Từ đó phụ huynh tự ý thức được việc tổ chức HĐTN đã và đang được thực hiện và phát triển tại các trường.

Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho HS về HĐTN được nhà trường tổ chức cho chính mình

- Thông qua các buổi sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp, sinh hoạt Đội, truyền tải cho HS biết được ý nghĩa của việc tham gia HĐTN, vai trò của HĐTN mang lại đối với sự phát triển của bản thân

- Trong các buổi HĐTN, GV cần cho HS thấy được lợi ích của việc tham gia để hình thành cho các em ý thức tự giác, lòng hăng hái và sự say mê cho các hoạt động. Từ đó tích cực tham gia đầy đủ các HĐTN mà nhà trường tổ chức. Thúc đẩy suy nghĩ về trách nhiệm của bản thân mỗi em HS trong HĐTN do nhà trường tổ chức

- Sau các buổi HĐTN, GV cùng HS trao đổi và nhận xét về hoạt động đó để mỗi em có thể nêu lên cảm nhận cá nhân về hoạt động, để các em có thể cùng bạn rút ra được những bài học quý giá, từ đó nâng cao nhận thức về ý nghĩa và vai trò của các buổi HĐTN

3.3.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Có sự sát sao trong chỉ đạo, quản lý HĐTN của Hiệu trưởng nhà trường

- Có sự ủng hộ của các tổ chức Đoàn thể, toàn thể CBQL, GV trong nhà trường và phụ huynh HS

- Bộ máy tổ chức nhà trường phải ổn định, đảm bảo tập trung dân chủ, tập thể phải thực sự đoàn kết, đảm bảo sự đồng bộ thực hiện được kế hoạch nâng cao nhận thức trách nhiệm cho CBQL, GV, phụ huynh HS về HĐTN

- Phải có tiêu chí chấm điểm về công tác tổ chức HĐTN của GV và sự tham gia HĐTN của học sinh. Trong phiếu đánh giá giờ dạy nên bổ sung tiêu chí tích hợp nội dung HĐTN cho học sinh trong bài học (nếu môn học, bài học có nội dung tích hợp HĐTN mà chưa thực hiện thì không xếp loại tốt).

- Thông tư số: 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông. Khi xây dựng kế hoạch BDTX từng GV phải có yêu cầu mỗi GV một năm phải đăng kí một mô đun tự bồi dưỡng về phương pháp, kỹ năng tổ chức HĐTN cho HS và tháng 5 hàng năm phải có kiểm tra đánh giá.

3.3.2. Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình hoạt động trải nghiệm theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương

3.3.2.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Mục đích của biện pháp chỉ đạo GV thực hiện chương trình HĐTN nhằm giám sát việc thực hiện nội dung chương trình môn học của đội ngũ GV có linh hoạt và phù hợp với thực tiễn địa phương hay không. Kịp thời điều chỉnh những thiếu sót, lệch lạc của GV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ dạy học, qua đó giúp CBQL, GV nhà trường đánh giá được kết quả giờ dạy và xếp loại giờ dạy một cách toàn diện khách quan và chính xác. Giúp GV cập nhật kiến thức mới của HĐTN, thích ứng với thực hiện đổi mới nội dung chương trình tổ chức HĐTN cho HS tiểu học. Phát triển ở HS năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động; đồng thời góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu cho con người.

3.3.2.2. Nội dung của biện pháp

- BLĐ trường TH huyện Đăk Song lên kế hoạch chỉ đạo GV xây dựng và phát triển chương trình HĐTN đảm bảo mục tiêu GD nói chung và mục tiêu của HĐTN nói riêng, theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương tại trường TH.

- Căn cứ vào thực trạng HĐTN của HS, công tác tổ chức HĐTN cho HS, đánh giá các điều kiện thực tế trong và ngoài nhà trường để xác định mục tiêu và đề ra các giải pháp cụ thể thì khi thực hiện.

- Nghiên cứu thật kỹ các hình thức tổ chức HĐTN để thiết kế hoạt động phù hợp. Hoạt động nào nên tổ chức ở quy mô nhỏ tại lớp học, nội dung nào cần tổ chức chung trong toàn trường hay nội dung nào phù hợp theo nhóm sở thích

3.3.2.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- Thành lập Ban tổ chức HĐTN, trưởng ban phải là thành viên của BGH có hiểu biết về HĐTN, về QLHĐTN; các thành viên là trưởng các tổ chức đoàn thể, tổ trưởng các tổ chuyên môn.

- Thường xuyên cập nhật thông tin, quán triệt các quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng và các cấp chính quyền tới toàn bộ cơ quan. Họp giao ban hàng tuần, họp định kỳ hàng tháng để đề ra chủ trương cụ thể, giao trách nhiệm cho các tổ chức và thành viên trong ban lãnh đạo thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sửa chữa những tư tưởng lệch lạc với đường lối chủ trương của Đảng và pháp luật của nhà nước, của ngành GD.

- Dự trù chi phí vật chất phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đối với nhà trường, phân công cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện. Từ đó xác định nguồn

kinh phí cần huy động.

- Giao nhiệm vụ cho các tổ, nhóm chuyên môn đảm nhận từng nội dung phù hợp với từng lĩnh vực công tác như: Đời sống-Xã hội; Khoa học-Kĩ thuật-Công nghệ; Văn hóa-Nghệ thuật; Thể thao-Vui chơi-Giải trí; Lao động- câu lạc bộ. Căn cứ vào khung tài liệu Bộ GD&ĐT ban hành và chương trình kế hoạch công tác năm học của nhà trường, tự xây dựng dự thảo nội dung chương trình.

- Thiết kế chương trình HDTN theo tuần, tháng, học kỳ và cả năm học. Đảm bảo tính khoa học, có hiệu quả, không đối phó và phải có sự kiểm duyệt của BLĐ.

- Dự hội thảo nội dung chương trình tổ chức HDTN cần được thông qua trước hội đồng sư phạm để khảo sát lấy ý kiến đánh giá của GV và ý kiến của HS. Trên cơ sở đó BLĐ phối hợp với người xây dựng kế hoạch điều chỉnh, bổ sung để hoàn thành nội dung chương trình HDTN để đưa vào thực hiện trong suốt năm học.

- CBQL xây dựng biện pháp quản lý chặt chẽ việc thực hiện có hệ thống các nội dung chương trình HDTN.

- Động viên mọi thành viên trong Hội đồng tham gia vào HDTN. Hướng dẫn, tập huấn, tổ chức cho GV chủ nhiệm chỉ đạo hoạt động này ở lớp chủ nhiệm.

- Sử dụng GV có năng lực, kinh nghiệm làm nòng cốt, tập huấn những nội dung yêu cầu về vấn đề tổ chức HDTN cho học sinh trong giai đoạn hiện nay.

- Phối kết hợp với gia đình HS, các lực lượng giáo dục ngoài xã hội để phát huy thế mạnh của họ.

3.3.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Cần phải có đầy đủ cơ sở pháp lý, cơ sở lý luận về HDTN để xây dựng được các chương trình tổ chức HDTN có chất lượng, đúng với chủ trương đường lối, chỉ thị của Ngành giáo dục.

- Ban lãnh đạo nhà trường phải nhận thức đúng vị trí, vai trò của HDTN đối với việc giáo dục toàn diện cho HS hướng tới mục tiêu GD của nhà trường phổ thông.

- Phải tiến hành thay đổi nội dung, phương pháp hoạt động TN cho phù hợp với tâm lý và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của học sinh. Đổi mới cách thức hoạt động, tránh lặp lại rời rạc đơn điệu, thu hút sự tham gia đông đủ của HS.

- Xây dựng và bồi dưỡng cho đội ngũ tự quản của HS hàng năm về kỹ năng và nghiệp vụ tổ chức HDTN

- Sử dụng GV có năng lực, kinh nghiệm làm nòng cốt, tập huấn những nội dung yêu cầu về quy trình tổ chức HDTN cho HS trong giai đoạn hiện nay.

- Có sự phối kết hợp chặt chẽ với gia đình HS, các lực lượng giáo dục ngoài xã hội để phát huy thế mạnh của họ.

- Chuẩn bị tốt cơ sở vật chất để tiến hành hoạt động: Sân bãi, dụng cụ văn nghệ-

thể thao, sách, báo, các thiết bị loa đài... để hoạt động này được tổ chức thuận lợi.

- Xây dựng quỹ HĐTN để phục vụ tốt cho công tác tổ chức HĐTN cho HS.

3.3.3. Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên

3.3.3.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Biện pháp này hướng đến mục tiêu là nâng cao trình độ nghiệp vụ tổ chức HĐTN cho GV để các HĐTN được tổ chức bằng nhiều hình thức và phương pháp đa dạng, phong phú, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi tiểu học, phù hợp với tình hình thực tế địa phương huyện Đăk Song tỉnh Đăk Nông, lôi cuốn được sự tham gia tích cực, háo hức của HS và mang lại hiệu quả cao trong công tác tổ chức HĐTN cho HS.

3.3.3.2. Nội dung của biện pháp

Bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTN cho GV là bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng xây dựng một kịch bản chi tiết có cả nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN cho HS tiểu học trên nhiều lĩnh vực khác nhau: xã hội, học tập, lao động, vui chơi giải trí, hướng nghiệp, nghiên cứu khoa học... Từ đó, GV thay đổi cách nhìn, thái độ về công tác tổ chức HĐTN, cho phép họ thực hiện việc thiết kế HĐTN một cách hiệu quả trong các hoạt động khác nhau.

3.3.3.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- Bồi dưỡng kiến thức về thiết kế HĐTN cho GV: kiến thức tổ chức hoạt động giáo dục nói chung, kiến thức lí luận về HĐTN nói riêng bao gồm khái niệm, đặc điểm, nội dung, phân loại, phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN và đặc điểm tâm sinh lí của HS...

- Bồi dưỡng kỹ năng tổ chức HĐTN cho HS: lựa chọn nội dung, sử dụng phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN, tổ chức hoạt động, đánh giá kết quả HĐTN...

- Thay đổi thái độ, giá trị cho GV bằng cách giao nhiệm vụ thiết kế tổ chức HĐTN cho GV.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng cho CBQL, GV trong trường về kiến thức và năng lực thiết kế HĐTN để nâng cao trình độ nghiệp vụ tổ chức HĐTN. Cụ thể:

+ Năng lực xác định mục tiêu của HĐTN: GV nhận thức được GD&ĐT phải tạo ra những con người có phẩm chất, năng lực cần thiết như trung thực, nhân văn, tự do sáng tạo, có hoài bão và lí tưởng, cộng đồng. Mỗi HS tự phát huy được tiềm năng, khả năng sáng tạo, làm chủ bản thân, làm chủ đất nước và làm chủ xã hội.

+ Năng lực xác định nội dung HĐTN: GV biết căn cứ vào khung tài liệu Bộ GD&ĐT ban hành và chương trình kế hoạch công tác năm học của nhà trường để

xây dựng dự thảo nội dung chương trình, theo các lĩnh vực: Chính trị - xã hội; Khoa học - kỹ thuật; Văn hóa - nghệ thuật; Vui chơi - giải trí; Lao động công ích; Thể dục thể thao; câu lạc bộ...

+ Năng lực xác định và huy động các nguồn lực: CBQL cần tranh thủ sự hỗ trợ về tinh thần và vật chất của các nguồn lực vào HĐTN, chỉ đạo tốt các lực lượng trong nhà trường tham gia tích cực vào các hoạt động văn hóa, chính trị, xã hội của địa phương. Phối hợp được với Ban đại diện phụ huynh HS tham gia vào tổ chức HĐTN. Giao lưu, kết nghĩa với các trường bạn, các cơ quan, đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn, huy động nguồn lực của các đơn vị kinh tế và các tổ chức chính trị xã hội.

+ Năng lực lựa chọn và sử dụng các hình thức và phương pháp tổ chức HĐTN: Xác định nội dung chủ đề, phân loại thành từng hình thức cụ thể, từ đó lựa chọn phương pháp tổ chức HĐTN phù hợp. Ví dụ như:

Hình thức Y tế: Có thể sử dụng *phương pháp sắm vai* nhằm giúp học sinh thực hành những cách ứng xử, bày tỏ thái độ trong những tình huống giả định hoặc trên cơ sở óc tưởng tượng và ý nghĩ sáng tạo của các em; hoặc *phương pháp diễn đàn* tạo cơ hội để các em trực tiếp, chủ động bày tỏ ý kiến của mình với đồng đạo bạn bè, nhà trường, thầy cô giáo, cha mẹ và những người lớn khác có liên quan;

Hình thức Thể dục thể thao: Áp dụng *phương pháp trò chơi* để tổ chức các hoạt động vui chơi với nội dung kiến thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, có tác dụng giáo dục “chơi mà học, học mà chơi”, đây là một loại hình HĐTN phổ biến và có ý nghĩa tích cực.

+ Năng lực kiểm tra đánh giá kết quả HĐTN: Hiểu rõ về hình thức - quy trình - tiêu chí đánh giá, kế hoạch kiểm tra, đánh giá, công tác khen thưởng, kỷ luật.

+ Năng lực thiết kế từng chủ đề HĐTN: Để có thể xây dựng và thiết kế được một chủ đề HĐTN, người GV phải có kiến thức và kỹ năng về tổ chức hoạt động. Tùy thuộc vào mục tiêu hoạt động, GV có thể lựa chọn các nội dung hoạt động cũng như các phương pháp tiến hành phù hợp. Không nên quan niệm một cách cứng nhắc chỉ có HĐTN thực tiễn, hoạt động ngoài trời mới là trải nghiệm, khi thiết kế hoạt động, GV có thể lựa chọn các hình thức trải nghiệm trong lớp học như: hỏi tưởng, suy ngẫm, thảo luận, thực hành, động não... vẫn có thể đảm bảo học sinh được TN mà không tốn kém. Dù lựa chọn hình thức trải nghiệm nào, trong lớp hay trải nghiệm ngoài trời - thực tiễn cuộc sống, người thiết kế cần đảm bảo thực hiện đầy đủ các yêu cầu về trải nghiệm và sáng tạo đã nêu trên.

3.3.4. Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho học sinh

3.3.4.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Tổ chức HĐTN ở tiểu học được áp dụng ngày càng phổ biến và mang lại nhiều lợi ích cho HS. Thay vì chỉ tập trung vào lý thuyết, HĐTN cho phép HS được trải nghiệm và thực hành trực tiếp, giúp tăng cường khả năng nhận thức, sáng tạo và thực hành. Qua đó, HS có thể hiểu sâu sắc hơn về kiến thức và đặc biệt là phát triển kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp và tư duy logic. Với phương pháp này, HS không chỉ học mà còn trải nghiệm và đánh giá bản thân, giúp định hướng sự nghiệp và phát triển bản thân một cách toàn diện.

Chỉ đạo đa dạng hóa phương thức và loại hình trải nghiệm cho HS hướng đến việc hướng dẫn GV điều chỉnh phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN đảm bảo khung chương trình tiểu học, tuân thủ đúng quy định về chuyên môn nhưng phải có tính hệ thống, đảm bảo về mặt cấu trúc, sự nhất quán. Đặc biệt phải có sự thống nhất giữa các phương pháp và hình thức tổ chức HĐTN nhằm tạo sức hấp dẫn cho HS, tạo môi trường để học sinh thực sự được trải nghiệm về kiến thức, kỹ năng đã học; hải nghiệm về xúc cảm trong mọi mối quan hệ, kỹ năng hành vi ứng xử trong quan hệ đạo đức và quan hệ xã hội... Học sinh được trình bày và lựa chọn ý tưởng, tham gia chuẩn bị, thiết kế hoạt động, trải nghiệm, bày tỏ quan điểm, tự đánh giá, tự khẳng định. Đa dạng hóa các phương thức tổ chức HĐTN cho HS nhưng không trùng lặp, không gây nhàm chán đối với HS. Hướng tới mục tiêu GD phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học, vừa dạy chữ, dạy người, vừa dạy các kỹ năng; đào tạo ra những công dân có phẩm chất, năng lực như trung thực, nhân văn, sáng tạo, có hoài bão và lí tưởng phục vụ Tổ quốc, dân tộc; đồng thời phải phát huy tốt nhất tiềm năng sáng tạo của mỗi cá nhân, làm chủ bản thân, làm chủ đất nước và làm chủ xã hội

3.3.4.2. Nội dung của biện pháp

- BLĐ trường TH huyện Đăk Song lên kế hoạch chỉ đạo GV xây dựng và phát triển chương trình HĐTN đảm bảo mục tiêu GD nói chung và mục tiêu của HĐTN nói riêng, phù hợp với điều kiện của từng trường TH.

- Giáo nhiệm vụ cho các tổ, nhóm chuyên môn đảm nhận từng nội dung phù hợp với từng lĩnh vực công tác như: Đời sống-Xã hội; Khoa học-Kĩ thuật-Công nghệ; Văn hóa-Nghệ thuật; Thể thao-Vui chơi-Giải trí; Lao động- thực tiễn. Căn cứ vào khung tài liệu Bộ GD&ĐT ban hành chương trình giáo dục PT 2018 và kế hoạch công tác năm học của nhà trường, tự xây dựng dự thảo nội dung chương trình.

- Nghiên cứu thật kỹ các hình thức tổ chức HĐTN để thiết kế hoạt động phù hợp, ví dụ: Có những nội dung phù hợp tổ chức ở quy mô tại lớp học, nhưng có những nội dung lại thích hợp tổ chức chung toàn trường; có những nội dung phù hợp theo nhóm sở thích, Cần thiết kế HĐTN theo tuần, tháng, học kỳ và cả năm học. Đảm bảo tính khoa

học, có hiệu quả, thực chất, không đối phó và phải có sự kiểm duyệt của BLĐ.

- Dự thảo nội dung chương trình tổ chức HĐTN cần được thông qua trước hội đồng sư phạm để khảo sát lấy ý kiến đánh giá của GV và ý kiến của HS. Trên cơ sở đó BLĐ phối hợp với người xây dựng kế hoạch điều chỉnh, bổ sung để hoàn thành nội dung, đưa vào thực hiện trong suốt năm học.

- CBQL cần xây dựng biện pháp quản lý chặt chẽ và có hệ thống về nội dung chương trình HĐTN.

3.3.4.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- Thành lập Ban tổ chức HĐTN, trong đó thành viên Ban giám hiệu có hiểu biết về HĐTN là trưởng ban, về quản lý HĐTN các thành viên là trưởng các tổ chức đoàn thể, tổ trưởng các tổ chuyên môn.

- Chi bộ Đảng tập hợp lãnh đạo các lực lượng quần chúng để thực hiện tốt các chủ trương của đảng, đường lối, chính sách của nhà nước về tổ chức HĐTN cho HS.

- Xây dựng chi bộ Đảng nhà trường trong sạch vững mạnh, thực hiện tốt vai trò lãnh đạo, luôn thực hiện theo phương châm "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý". Mỗi một đảng viên phải là đầu tàu gương mẫu trong mọi hoạt động, đặc biệt là trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sửa chữa những tư tưởng lệch lạc với đường lối chủ trương của Đảng và Pháp luật của Nhà nước, của ngành GD về HĐTN cho HS.

- Căn cứ thực trạng HĐTN của HS, công tác tổ chức HĐTN cho HS để xây dựng kế hoạch, đánh giá các điều kiện thực tế trong và ngoài nhà trường để xác định mục tiêu và đề ra các giải pháp cụ thể thì khi thực hiện mới đem lại hiệu quả cao.

- Dự trù chi phí vật chất phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch chỉ đạo đa dạng hóa phương thức và loại hình trải nghiệm đối với nhà trường, phân công cá nhân chịu trách nhiệm thực hiện. Từ đó xác định nguồn kinh phí huy động.

- Công khai bàn bạc và thảo luận kế hoạch tổ chức HĐTN để nhận được sự đóng góp ý kiến của các thành viên hội đồng và được hiệu trưởng phê duyệt trước khi thực thi.

- Làm mới các phương thức tổ chức HĐTN bằng cách tổ chức hoạt động ở môi trường, môn học phải đa dạng và có sự thay đổi cho phù hợp với mục đích, yêu cầu của môn học; phù hợp với khả năng, tâm lý lứa tuổi HS; không để tình trạng HĐTN của các năm giống hệt nhau.

- Ban Giám hiệu yêu cầu GV tiến hành khảo sát nhu cầu HS, gợi ý các chủ đề, chủ điểm để HS cùng lựa chọn nội dung, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch

HĐTN phù hợp nhu cầu, thu hút đông đảo HS tham gia

- Việc đổi mới đa dạng hóa phương thức và loại hình trải nghiệm cho HS để thực hiện tốt hơn các HĐTN, như: hoạt động xã hội, học tập, văn hóa thể thao, vui chơi giải trí, định hướng nghề nghiệp,... Các hoạt động này có thể tổ chức thành một hoạt động lớn như: hội thi, trải nghiệm thực tế, câu lạc bộ

- Ví dụ về các loại hình trải nghiệm có thể áp dụng như:

+ Điều khiển học đường: Đây là một hoạt động ngoài trời giúp các em HS tìm hiểu về môi trường xung quanh mình. Các em có thể đi thăm quan một công viên hoặc vườn thú để học về các loài động vật, thực vật và môi trường sống của chúng.

+ Thử nghiệm và khám phá: Các em HS có thể được yêu cầu thực hiện các thí nghiệm hoặc hoạt động thực tế để học các khái niệm khoa học hay toán học. Các em có thể được yêu cầu thử nghiệm tính năng của các vật dụng đơn giản như bong bóng nước.

+ Trò chơi giáo dục: Các trò chơi giáo dục có thể giúp các em HS rèn luyện các kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy logic và kỹ năng xã hội. Những trò chơi này có thể giúp các em HS tăng cường khả năng học tập thông qua việc tương tác và học hỏi từ nhau.

+ Tạo thử thách: Các hoạt động thử thách được thiết kế để giúp các em HS đối mặt với các thử thách và khó khăn, từ đó rèn luyện sự kiên trì và sự cố gắng. Các em có thể được yêu cầu tìm hiểu về một chủ đề được đưa ra và sau đó trình bày về nó trước lớp trong vòng 5 phút.

+ Làm việc theo nhóm: Các hoạt động nhóm giúp các em HS học hỏi từ nhau và phát triển các kỹ năng xã hội. Các em có thể được yêu cầu làm việc thành nhóm để hoàn thành một bài tập hoặc thảo luận về một chủ đề cụ thể.

3.3.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Ban Giám hiệu chỉ đạo GV chủ nhiệm cùng các đơn vị, tổ chức trong nhà trường tìm hiểu nhu cầu của HS để tổ chức đa dạng các hoạt động trải nghiệm

- Xây dựng được kế hoạch hoạt động trải nghiệm cụ thể, triển khai tới sâu rộng GV và HS

- Phải có sự thống nhất từ Ban giám hiệu đến GV và HS trong việc tổ chức các HĐTN.

- Đảm bảo thời gian cho GV chuẩn bị kế hoạch HĐTN và tài liệu liên quan

- Đảm bảo nguồn kinh phí cho các HĐTN được tổ chức hiệu quả

3.3.5. Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh

3.3.5.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Huy động được nguồn vốn từ hội phụ huynh, các cá nhân, doanh nghiệp hay các nhà hảo tâm để đảm bảo nguồn kinh phí cho công tác tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất. Khai thác phù hợp sân chơi, bãi tập, các nhà thể chất, bể bơi, khuôn viên, khu vui chơi, khu chăm sóc hoa, phòng bộ môn để phục vụ tốt cho việc tổ chức HĐTN cho HS

Không hoang phí các nguồn kinh phí cho việc mua sắm các thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho HS. Chỉ mua những thiết bị thực sự cần thiết và sử dụng được cho nhiều HĐTN đã, đang và sẽ tổ chức tại nhà trường.

3.3.5.2. Nội dung của biện pháp

Hiệu trưởng căn cứ vào nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp hay kinh phí của của nhà trường để xây dựng kế hoạch đầu tư mua sắm thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho việc tổ chức HĐTN, cải tạo cảnh quan nhà trường.

Hiệu trưởng tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục, tranh thủ sự ủng hộ về cơ sở vật chất tinh thần của cá nhân, tổ chức, các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm để có được cơ sở vật chất đầy đủ, đáp ứng yêu cầu tổ chức HĐTN cho HS.

Quản lý và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị hạ tầng của nhà trường đã có sẵn, phục vụ cho công tác tổ chức HĐTN cho HS

Bảo quản tốt phương tiện kỹ thuật, cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường phục vụ cho tổ chức HĐTN

3.3.5.3. Cách thức thực hiện biện pháp

Căn cứ vào hệ thống cơ sở vật chất hiện có và những yêu cầu của HĐTN, lập kế hoạch tổng thể về xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị phục vụ HĐTN, tổ chức HĐTN theo từng giai đoạn và theo từng năm học.

Tranh thủ sự ủng hộ của cấp trên, huy động mọi nguồn lực đầu tư kinh phí từ ngân sách nhà nước, từ nguồn thu sự nghiệp, từ nguồn xã hội hóa giáo dục để mua sắm trang thiết bị kỹ thuật hiện đại, hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhằm phục vụ HĐTN như hệ thống máy tính, máy chiếu, đường truyền internet, phòng thí nghiệm, mô hình phù hợp hoạt động...

Hiệu trưởng chỉ đạo GV triển khai kế hoạch tổ chức HĐTN cho con em mình đến cha mẹ HS để nhận được sự đồng thuận và đóng góp về kinh phí từ cha mẹ để HS được tham gia HĐTN.

Thành lập ban vận động để triển khai và xin tài trợ cho các chương trình, cuộc thi do nhà trường tổ chức từ các doanh nghiệp trên địa bàn địa phương

Hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ Đoàn – Đội, GV chủ nhiệm các lớp phát động các phong trào nhằm gây quỹ đội, quỹ lớp phục vụ cho các hoạt động của đội, của

lớp nằm trong nội dung HĐTN như: tổ chức làm kế hoạch nhỏ, Tết vui cho em, các hoạt động tham quan những di tích lịch sử địa phương...

Hiệu trưởng nhà trường cần xây dựng và triển khai đến CBQL, GV và HS toàn trường những quy định về việc sử dụng các đồ dùng, thiết bị hiệu quả, an toàn, tránh lãng phí, sử dụng sai mục đích trong các hoạt động giáo dục

Hiệu trưởng tăng cường theo dõi, đánh giá việc sử dụng trang thiết bị kỹ thuật trong trường để có kế hoạch bảo dưỡng, nâng cấp, sửa chữa kịp thời.

Quản lý thiết bị kỹ thuật, đảm bảo về số lượng, hạn chế sự xuống cấp, hư hỏng, đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho việc tổ chức HĐTN.

Xây dựng quy trình sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng từng loại tài sản trang thiết bị nhà trường theo định kỳ hàng tuần, tháng, học kì, năm.

Xây dựng quy định khen thưởng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ tài sản, thiết bị bồi dưỡng

Khuyến khích, động viên GV tự làm đồ dùng học tập để đáp ứng tổ chức HĐTN được thân thiện, gần gũi hơn.

3.3.5.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

Hiệu trưởng nhà trường xác định được các yêu cầu về kinh phí dành cho trang thiết bị, cơ sở vật chất để tổ chức HĐTN cho học sinh.

Lập kế hoạch ngay từ đầu năm học cho việc chi kinh phí phục vụ cho HĐTN để báo cáo trước hội đồng sư phạm, hội nghị công nhân viên chức đầu năm.

Đảm bảo việc quản lý và bảo quản tốt cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho HĐTN

CBQL, GV trong trường, các tổ chức ngoài xã hội và cha mẹ HS nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân trong việc phát huy nguồn lực để tổ chức HĐTN cho HS.

Có được sự quan tâm của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Đắk Nông, Phòng GD & ĐT huyện Đắk Song, của các cấp ủy Đảng chính quyền, các tổ chức, các ban ngành đoàn thể ở địa phương và cha mẹ học sinh về tổ chức HĐTN cho học sinh.

3.3.6. Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh

3.3.6.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

Kết quả giáo dục là sự phối hợp của các lực lượng giáo dục: gia đình- nhà trường- xã hội. Vì vậy, mục tiêu biện pháp này hướng tới là huy động sự tham gia của các lực lượng vào tổ chức HĐTN cho HS. Mỗi lực lượng đảm nhận một vai trò, không làm thay nhau và không có lực lượng đơn lẻ nào có thể tổ chức tốt HĐTN.

Liên kết các lực lượng giáo dục là tất yếu, nhằm huy động, phát huy tiềm năng to lớn về tinh thần, vật chất của cộng đồng xã hội. Tăng cường sự phối hợp

chặt chẽ, thống nhất để xây dựng môi trường lành mạnh giữa Gia đình – Nhà trường – Xã hội, đảm bảo tính tích cực phục vụ tốt cho HĐTN, nâng cao hiệu quả HĐTN trong nhà trường.

Thống nhất xây dựng kế hoạch, triển khai và tổ chức các HĐTN cho HS giữa các lực lượng như Hiệu trưởng, GV chủ nhiệm, GV bộ môn, BCH Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh... Giúp các lực lượng tham gia có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm về tổ chức HĐTN cho HS.

3.3.6.2. Nội dung của biện pháp

- Hiệu trưởng xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng cá nhân, đơn vị tham gia vào công tác tổ chức HĐTN cho HS để phân công, chỉ đạo công việc cụ thể cho từng cá nhân, đơn vị.

- Hiệu trưởng kết nối các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS để xây dựng kế hoạch cụ thể cho sự phối kết hợp giữa các lực lượng.

- Hiệu trưởng đưa ra quy định phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội, xác định đối tượng cần phối hợp, cách thức phối hợp, phạm vi phối hợp và phân công người phối hợp.

- Hiệu trưởng giám sát quá trình phối kết hợp của các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho HS để đánh giá, đưa ra nhận xét, góp ý, thay đổi kế hoạch nếu cần.

3.3.6.3. Cách thức thực hiện, điều kiện thực giải pháp

- Thường xuyên tổ chức giáo dục nâng cao nhận thức tư tưởng, vận động, thuyết phục tuyên truyền cho CBQL, GV và phụ huynh HS.

- Tạo điều kiện cho Bí thư Đoàn Thanh niên, GV chủ nhiệm, Tổ trưởng tổ bộ môn đi dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng tổ chức HĐTN cho HS.

- Ban chỉ huy Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh phối hợp để theo dõi đánh giá, đề xuất thi đua khen thưởng. Thống nhất cách thức chỉ đạo và phối hợp làm việc giữa Hiệu trưởng với BCH Đội, giữa GVCN lớp với BCH Đội thiếu niên.

- Nhà trường liên kết, phối hợp với các lực lượng xã hội, đặc biệt là hội cha mẹ học sinh. Thông qua sự liên kết đó tạo sự thống nhất đồng thuận giữa các lực lượng xã hội, cộng đồng, huy động hỗ trợ nhà trường về nguồn lực, phương tiện, cơ sở vật chất.

- Hiệu trưởng cũng đưa ra quy định phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội, xác định đối tượng cần phối hợp, cách thức phối hợp, phạm vi phối hợp và phân công người phối hợp trong công tác tổ chức HĐTN cho HS

- Chủ động tổ chức các phong trào, hoạt động lớn; các HĐTN tự chọn, các hoạt động giao lưu kết nghĩa, hoạt động nhân đạo từ thiện, phòng chống ma túy, thực hiện an toàn giao thông, an toàn trường học, giáo dục trẻ và các câu lạc bộ...

- Nâng cấp, mở rộng trang Website nhà trường, sưu tầm, truy cập, tìm kiếm tài nguyên cung cấp tài liệu cho các lực lượng tham gia HĐTĐN cho HS.

- Lãnh đạo nhà trường kêu gọi sự giúp đỡ và tham gia từ hội cha mẹ HS cho các hoạt động như tham quan, hội trại, công tác tình nguyện lao động công ích, giáo dục an toàn giao thông, phòng chống ma túy, các tệ nạn xã hội...

3.3.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Đảm bảo nguồn kinh phí hỗ trợ cho hoạt động phối hợp giữa các lực lượng khi tham gia phối hợp tổ chức HĐTĐN cho HS ở các trường tiểu học.

- Các lực lượng tham gia phải tích cực, nhiệt tình tham gia và phối hợp nhịp nhàng, đồng bộ khi tổ chức các HĐTĐN cho HS ở các trường tiểu học. Bên cạnh đó, cần phải có ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm trong việc tổ chức HĐTĐN cho HS

- Hiệu trưởng chủ động thu thập các thông tin phản hồi từ GV, nhân viên thư viện, HS, cha mẹ HS để có sự điều chỉnh kế hoạch, các hoạt động thư viện kịp thời, phù hợp, hiệu quả trong tổ chức HĐTĐN

- Các hoạt động cần được tiến hành, đánh giá thường xuyên để thay đổi, chỉnh sửa bổ sung đối với các HĐTĐN chưa mang lại hiệu quả cao.

3.3.7. Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh

3.3.7.1. Mục đích, ý nghĩa của biện pháp

- Kiểm tra, đánh giá là một bộ phận quan trọng hợp thành trong các hoạt động giáo dục nói chung, đây là khâu cuối cùng của chức năng QL. Trên cơ sở đó giúp phản hồi kết quả của cả hệ thống triển khai HĐTĐN cho HS ở trường TH, có vai trò tích cực trong điều chỉnh hệ thống nếu có sai lệch. Là cơ sở quan trọng của quá trình đổi mới công tác quản lý HĐTĐN ở trường tiểu học.

- Biện pháp này hướng tới mục tiêu xác định được kết quả đạt được qua triển khai HĐTĐN cho HS ở trường tiểu học. Qua kết quả kiểm tra sẽ giúp chủ thể quản lý hiểu rõ đối tượng, khách thể quản lý để có biện pháp giúp đỡ, tạo điều kiện để các đối tượng thực thi nhiệm vụ hoàn thành tốt công việc được CBQL phân công. Giúp CBQL thu thập và xử lý kịp thời những thông tin từ thực tiễn, làm cơ sở cho những chủ trương, giải pháp và phương hướng chỉ đạo tiếp theo trong quản lý HĐTĐN cho HS.

- Đưa ra các quyết định đúng đắn, khoa học, sát hợp thực tiễn để thực hiện hiệu quả HĐTĐN cho HS ở trường TH như quyết định về nguồn lực, quyết định về đội ngũ GV, quyết định về chương trình và phương pháp GD và tổ chức HĐTĐN cho HS

- Kiểm tra, đánh giá HĐTĐN của HS làm cho hoạt động giảng dạy, học tập ở trường TH gắn với thực tế, gây hứng thú học tập cho HS, thúc đẩy HS học tập năng

động hơn. Tăng cường khả năng tự đánh giá của HS nói chung và tự đánh giá HĐTN của bản thân. Nâng cao chất lượng tất cả các khâu của HĐTN cho HS trường tiểu học.

3.3.7.2. Nội dung của biện pháp

Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả tổ chức HĐTN như: số lượng các hoạt động trải nghiệm, tính hiệu quả của hoạt động, mức độ tham gia của HS trong hoạt động...

Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kì thường xuyên đồng thời kết hợp kiểm tra đột xuất để đánh giá kết quả công tác tổ chức HĐTN cho HS

Thực hiện các nội dung đánh giá cụ thể công tác quản lý tổ chức HĐTN cho HS như:

- Đánh giá điều kiện triển khai thực hiện HĐTN của nhà trường.
- Đánh giá năng lực tổ chức HĐTN của đội ngũ CBQL, GV.
- Đánh giá quá trình GD, rèn luyện HĐTN của học sinh.
- Đánh giá kết quả HĐTN của HS sau khi đã được GD, rèn luyện.

Thu thập kết quả đánh giá của HS tham gia về công tác tổ chức HĐTN của GV để Hiệu trưởng đưa ra kết quả đánh giá chung nhất, xét trên nhiều khía cạnh

3.3.7.3. Cách thức thực hiện biện pháp

- Xây dựng kế hoạch, tiến hành định kỳ thường xuyên đồng thời kết hợp cả kiểm tra đột xuất để đánh giá kết quả một cách khách quan, trung thực, phản ánh thông tin chính xác cho Hiệu trưởng nhà trường

+ Kiểm tra định kỳ: kiểm tra định kỳ theo kế hoạch của năm học đã được xác định trong kế hoạch chủ yếu là kiểm tra vào các dịp đầu năm, cuối học kỳ I, đầu học kỳ II và chuẩn bị tổng kết năm học.

+ Kiểm tra, đánh giá đột xuất: đây là hình thức kiểm tra không thông báo trước, hình thức này hết sức quan trọng vì nó hạn chế được sự đối phó của các GV khi tổ chức HĐTN cho HS, kết quả kiểm tra khá chính xác, mang tính khách quan và phản ánh đúng thực chất HĐTN.

- Kiểm tra gắn liền với đôn đốc quá trình thực hiện kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch đã đề ra.

- Khi kiểm tra, đánh giá cần dựa trên căn cứ là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của HS được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông tổng thể. Cần tính đến sự phù hợp của nội dung và phương pháp, hình thức tổ chức HĐTN. Nhấn mạnh đến tính đa dạng, sáng tạo về phương pháp, hình thức tổ chức.

- Nhà trường phân công trách nhiệm, nghĩa vụ cho mỗi lực lượng tham gia vào công tác kiểm tra đánh giá GV thực hiện kế hoạch tổ chức HĐTN cho HS.

- Biểu dương khen thưởng cho các GV tích cực tham gia tổ chức HĐTN cho HS và đạt hiệu quả tốt như cộng điểm thi đua cho riêng GV, cộng điểm thi đua cho lớp chủ nhiệm của GV, tặng giấy khen hoặc, khen thưởng vật chất...

- Có khen thưởng, sẽ có phê bình, trách phạt. Đối với các GV chưa tích cực trong công tác tổ chức HĐTN cho HS, nhà trường đưa ra những hình thức phê bình trách phạt như trừ điểm thi đua, phạt lao động công ích.... để nhắc nhở GV cần phải thực hiện công tác HĐTN thường xuyên, nghiêm túc và chính chu hơn.

- Hiệu trưởng tư vấn, can thiệp và hỗ trợ thường xuyên trong quá trình tổ chức thực hiện kiểm tra đánh giá quá trình tổ chức HĐTN của GV nhằm thu được những dữ kiện quan trọng, trung thực và đáng tin cậy.

- Việc đánh giá cần được thực hiện trực tiếp trên chủ thể được giáo dục chính là HS. Bằng các hình thức như: hỏi trực tiếp, phát phiếu đánh giá hay làm bài kiểm tra chất lượng tổ chức HĐTN của GV... để Hiệu trưởng đánh giá chung nhất cho kết quả đạt được của HĐTN mà GV đã tổ chức

- Tổ chức các buổi họp trao đổi, nhận xét giữa các GV và đưa ra đánh giá cho các HĐTN GV tổ chức. GV lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, Hiệu trưởng thu thập tất cả các ý kiến đánh giá từ đó đưa ra kết quả đánh giá cho cả quá trình tổ chức HĐTN của GV.

3.3.7.4. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Để hoạt động kiểm tra đạt hiệu quả, CBQL cần tiếp thu thông tin chính xác và tổ chức xác minh, xử lý nhanh chóng.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể trước khi thực hiện hoạt động kiểm tra đánh giá công tác tổ chức HĐTN cho HS.

- Cán bộ thực hiện kiểm tra, đánh giá phải được tập huấn và nắm chắc các phương pháp, cách thức kiểm tra, đánh giá, nắm vững các tiêu chí đánh giá được giáo dục và rèn luyện trong nhà trường.

- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia quá trình kiểm tra, đánh giá HĐTN

- Tạo không khí thoải mái trong quá trình kiểm tra, đánh giá chất lượng tổ chức HĐTN cho HS để kết quả thu được sát với thực tế.

3.4. Mối quan hệ giữa các biện pháp

Mỗi biện pháp quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học Huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông đều có vai trò nhất định, tác động vào từng khâu trong quá trình xây dựng kế hoạch quản lý HĐTN cho HS của CBQL, GV. Các biện pháp không thể thực hiện riêng rẽ, rời rạc mà cần thực hiện một cách đồng bộ và có sự phối hợp chặt chẽ để phát huy tác dụng tổng hợp của chúng. Mỗi biện pháp đều cần

tiền đề để thực hiện, biện pháp này sẽ tạo điều kiện để thực hiện biện pháp kia, hoặc bổ sung để khắc phục những nhược điểm của nó.

Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm của CBQL, GV và phụ huynh về HĐTN cho HS là việc cần làm đầu tiên nếu muốn tác động vào sự phát triển của HĐTN cho HS, nhưng nếu chỉ dừng lại ở nhận thức thì vẫn chưa tạo ra được hiệu quả cao. Biện pháp này là cơ sở để thực hiện các biện pháp tiếp sau đó.

Các biện pháp “*Chỉ đạo GV thực hiện chương trình HĐTN cho HS theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương*”; “*Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTN của HS cho GV*” và “*Chỉ đạo đa dạng hóa phương thức và loại hình trải nghiệm cho HS*” là các biện pháp quản lý cơ bản. Các biện pháp này giúp nhà trường quản lý chất lượng trong quá trình tổ chức HĐTN cho HS.

Các biện pháp mang tính điều kiện là “*Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho HS*”; “*Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTN cho HS*”. Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ từ bên ngoài cho công tác quản lý HĐTN cho HS sẽ góp phần giúp công tác quản lý trở nên thuận lợi hơn.

Sau cùng của các biện pháp luôn đi kèm việc kiểm tra đánh giá chất lượng quản lý, chất lượng tổ chức HĐTN của đội ngũ CBQL, GV trong nhà trường để phát huy những HĐTN mang lại hiệu quả cao và thay đổi chỉnh sửa bổ sung cho các HĐTN chưa mang lại hiệu quả. Vì vậy biện pháp “*Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HĐTN của HS*” tác giả đề xuất để tổng kết lại tất cả quá trình thực hiện quản lý HĐTN cho HS.

Bảy biện pháp trên đều quan trọng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, mỗi biện pháp là một mắt xích quan trọng không thể coi nhẹ biện pháp nào. Mỗi biện pháp có thể mạnh riêng nhưng tùy thuộc vào từng điều kiện hoàn cảnh tùy từng môi trường, nhà trường mà có biện pháp thích ứng, hiệu quả cần thiết hơn, và cũng có biện pháp thì ở vị trí thứ yếu hơn. Muốn đạt được hiệu quả cao trong quá trình tổ chức HĐTN thì không được coi nhẹ biện pháp nào, mà cần thực hiện một cách đồng bộ tất cả các biện pháp vì các biện pháp đó gắn kết chặt chẽ với nhau, quan hệ ràng buộc chi phối lẫn nhau, tạo điều kiện hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý của người hiệu trưởng.

3.5. Khảo sát tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp

3.5.1. Mục đích khảo nghiệm

Khảo nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý HĐTN cho HS tiểu học huyện Đăk Song và tiến đến khẳng định tính thực thi của các biện pháp.

3.5.2. Đối tượng khảo thí khảo nghiệm

Để đánh giá được tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp trên, chúng tôi đã tiến hành khảo sát trên đội ngũ CBQL, GV của 05 trường trên địa bàn huyện Đắk Song với số lượng 124 người.

3.5.3. Nội dung khảo nghiệm

Để có cơ sở đánh giá bước đầu về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất trong luận văn, thông qua thực trạng công tác quản lý HĐTN cho HS TH huyện Đắk Song, chúng tôi đã tiến hành khảo nghiệm mức độ cấp thiết và mức độ khả thi của các biện pháp. Quá trình khảo sát được tiến hành theo các bước sau đây:

Bước 1: Lập phiếu điều tra. Với các biện pháp đã nêu, chúng tôi tiến hành điều tra trên 2 nội dung:

+ Điều tra về tính cần thiết của các biện pháp quản lý theo 4 mức: Rất cấp thiết, Khá cấp thiết, Ít cấp thiết, Không cấp thiết.

+ Điều tra về tính khả thi của các biện pháp quản lý theo 4 mức: Rất khả thi, Khá khả thi, Ít khả thi; Không khả thi.

Bước 2: Chọn đối tượng điều tra

Chúng tôi tiến hành lấy ý kiến khảo sát trên 124 người bao gồm CBQL và GV đang quản lý và giảng dạy ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song.

Bước 3: Phát phiếu điều tra

Phát phiếu gồm CBQL và GV đang quản lý và giảng dạy ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song.

Bước 4: Thu phiếu điều tra và xử lý số liệu

Thu phiếu từ các CBQL và GV đang quản lý và giảng dạy ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Kết quả khảo nghiệm tính cần thiết các biện pháp quản lý HĐTN cho HS TH huyện Đắk Song, chúng tôi thu được kết quả ở bảng dưới.

3.5.4. Kết quả khảo nghiệm

3.5.4.1. Kết quả đánh giá tính cấp thiết của các biện pháp

Bảng 3.1. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về tính cấp thiết của các biện pháp đề xuất

TT	Biện pháp	Phần trăm				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ	0	0	49,2	50,8	3,51	0,502

	huynh học sinh về HĐTN của học sinh.						
2	Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình HĐTN theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương.	0	0	46,0	54,0	3,54	0,500
3	Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTN của học sinh cho giáo viên.	0	0	60,5	39,5	3,40	0,491
4	Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho học sinh	0	0	57,3	42,7	3,43	0,497
5	Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh.	0	0	62,9	37,1	3,37	0,485
6	Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTN cho học sinh.	0	0	65,3	34,7	3,35	0,478
7	Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HĐTN của học sinh.	0	0	62,1	37,9	3,38	0,487

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$), DLC: Độ lệch chuẩn; 1: không cấp thiết; 2: ít cấp thiết; 3: khá cấp thiết; 4: rất cấp thiết

Kết quả khảo sát ở bảng 3.1 về tính cấp thiết của biện pháp quản lý HĐTN cho HS tiểu học cho thấy, đa phần CBQL, GV tham gia khảo sát đều đánh giá các biện pháp đã được đề xuất ở mức độ khá cấp thiết cho đến cấp thiết với ĐTB dao động từ 3,35 đến 3,54. Nhận được đánh giá cấp thiết nhất trong các biện pháp được đề xuất là biện pháp “*Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình HĐTN theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương*” (ĐTB = 3,54). Tiếp đến là biện pháp “*Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh học sinh về HĐTN của học sinh*” với ĐTB = 3,51 điểm. Theo đánh giá của CBQL, GV việc thực hiện chương trình HĐTN linh hoạt, phù hợp với thực tiễn mỗi trường theo từng địa phương là rất cấp thiết. Vì khi chương trình được tổ chức linh hoạt sẽ xử lý được các tình huống xảy đến bất ngờ, người tổ chức HĐTN có khả năng quan sát đánh giá và phản ứng lại các vấn đề một cách nhanh chóng, phù hợp với tình hình thực tiễn mỗi trường tại địa phương sẽ đem lại hiệu quả cao trong tổ chức HĐTN cho các em HS. Bên cạnh đó, nhận thức, trách nhiệm của CBQL, GV về HĐTN cho HS cũng là một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng tổ chức HĐTN cho HS, vì thế cho nên CBQL, GV tham gia khảo sát đã đánh giá nội dung của biện pháp này là rất cấp thiết.

“*Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTN cho học sinh*” là biện pháp nhận được đánh giá ở mức độ cấp thiết thấp hơn trong các biện pháp được đề xuất với ĐTB = 3,35.

3.5.4.2. Kết quả đánh giá tính khả thi của các biện pháp

Bảng 3.2. Đánh giá của cán bộ quản lý, giáo viên về tính khả thi của các biện pháp đề xuất

TT	Biện pháp	Phần trăm				ĐTB	ĐLC
		1	2	3	4		
1	Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh học sinh về HĐTĐ của học sinh.	0	0	58,1	41,9	3,42	0,495
2	Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình HĐTĐ theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương.	0	0	57,3	42,7	3,43	0,497
3	Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTĐ của học sinh cho giáo viên.	0	0	63,7	36,3	3,36	0,483
4	Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho học sinh	0	0	70,2	29,8	3,30	0,459
5	Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTĐ cho học sinh.	0	0	71,0	29,0	3,29	0,456
6	Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTĐ cho học sinh.	0	0	66,1	33,9	3,34	0,475
7	Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HĐTĐ của học sinh.	0	0	62,9	37,1	3,37	0,485

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình ($1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$), ĐLC: Độ lệch chuẩn; 1: không khả thi; 2: ít khả thi; 3: khá khả thi; 4: rất khả thi

Số liệu ở bảng 3.2 thể hiện mức độ khả thi của các biện pháp quản lý HĐTĐ cho HS trường tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông. Kết quả cho thấy, các biện pháp tác giả đề xuất được CBQL, GV đánh giá ở mức độ rất khả thi với ĐTB dao động từ 3,29 đến 3,43. Hai biện pháp được đánh giá khả thi nhất trong các biện pháp đề xuất là “Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình HĐTĐ theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương” và “Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh học sinh về HĐTĐ của học sinh” cũng là hai biện pháp được đánh giá có tính khả thi cao nhất (ĐTB lần lượt là 3,43 và 3,42). Qua phân tích ở các phần trên có thể thấy, đa phần các CBQL, GV đều có nhận thức đúng về ý nghĩa mà HĐTĐ mang lại do đó khi thực hiện các biện pháp liên quan đến những vấn đề này thì sẽ mang lại tính khả thi cao.

Ở biện pháp “Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho học sinh” nhận được đánh giá khả thi thấp hơn so với các biện pháp còn lại với

ĐTB = 3,30. Vì ở trường tiểu học, các phương thức, loại hình trải nghiệm đều được thực hiện khá đa dạng nhưng mức độ thực hiện chưa thực sự thường xuyên nên cũng sẽ có ảnh hưởng đến tính khả thi khi thực hiện.

Tóm lại, với kết quả đánh giá về tính cấp thiết và tính khả thi trên, các biện pháp mà luận văn đề xuất có thể áp dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, nhà trường cần xem xét tình hình thực tế về nguồn nhân lực, vật lực, thời gian, không gian và hình thức tổ chức, tùy từng giai đoạn, thời điểm để nhà trường cần lựa chọn biện pháp nào cần được thực hiện trước tiên và biện pháp nào nên thực hiện sau cùng để mang lại hiệu quả cao trong tổ chức HĐTN cho HS.

Tiểu kết chương 3

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, trong chương 3 tác giả luận văn đã đề xuất các biện pháp như sau:

Biện pháp 1: Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ GV, CBQL, phụ huynh HS về HĐTN của HS.

Biện pháp 2: Chỉ đạo GV thực hiện chương trình HĐTN theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Biện pháp 3: Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTN của HS cho GV.

Biện pháp 4: Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho HS.

Biện pháp 5: Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho HS.

Biện pháp 6: Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTN cho HS.

Biện pháp 7: Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HĐTN của HS.

Bảy biện pháp trên đều quan trọng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, mỗi biện pháp là một mắt xích quan trọng không thể coi nhẹ biện pháp nào. Mỗi biện pháp có thể mạnh riêng nhưng tùy thuộc vào từng điều kiện hoàn cảnh tùy từng môi trường, nhà trường mà có biện pháp thích ứng, hiệu quả cần thiết hơn, và cũng có biện pháp thì ở vị trí thứ yếu hơn. Muốn đạt được hiệu quả cao trong quá trình tổ chức HĐTN thì không được coi nhẹ biện pháp nào, mà cần thực hiện một cách đồng bộ tất cả các biện pháp vì các biện pháp đó gắn kết chặt chẽ với nhau, quan hệ ràng buộc chi phối lẫn nhau, tạo điều kiện hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý của người hiệu trưởng.

Bên cạnh đó, kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và tính

khả thi của các biện pháp cũng cho thấy, các biện pháp mà tác giả đề xuất đều được CBQL, GV đánh giá là có tính khả thi cũng như tính cấp thiết khi đưa vào sử dụng ở trong các nhà trường tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông hiện nay.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về lý luận

HĐTN là hoạt động giáo dục, trong đó nội dung và cách thức tổ chức tạo điều kiện cho từng HS được tham gia trực tiếp và làm chủ thể của hoạt động, tự lên kế hoạch, chủ động xây dựng chiến lược hành động cho bản thân và cho nhóm để hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực cần có của công dân trong xã hội hiện đại. Qua hoạt động, HS phát huy khả năng sáng tạo để thích ứng và tạo ra cái mới, giá trị cho cá nhân và cộng đồng.

Ở chương 1, luận văn cũng đã làm rõ các khái niệm chung về HĐTN, quản lý, quản lý giáo dục, quản lý HĐTN ở trường tiểu học. Qua đó chương 1 cũng đã phân tích một số vấn đề liên quan đến HĐTN và quản lý HĐTN. Cụ thể là các lý luận về HĐTN ở các trường tiểu học như ý nghĩa của việc tổ chức HĐTN trong nhà trường hiện nay; các nội dung HĐTN; phương thức, hình thức điều kiện hỗ trợ HĐTN; lực lượng tham gia tổ chức HĐTN; các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong HĐTN của HS ở trường tiểu học hay năng lực tổ chức HĐTN của GV.

Bên cạnh đó, luận văn của tác giả cũng phân tích về cơ sở lý luận của việc quản lý HĐTN ở các nhà trường tiểu học trong đó có thể kể đến công tác quản lý như quản lý mục tiêu, nội dung, lực lượng tham gia, điều kiện hỗ trợ hay quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cũng như kiểm tra, đánh giá HĐTN cho HS. Cùng với đó, việc quản lý HĐTN cho HS cũng bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác nhau như Chương trình HĐTN cấp tiểu học; Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý; Năng lực của đội ngũ GV; Nhận thức của cha mẹ HS; Cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính; Khả năng khai thác các điều kiện hiện có ở địa phương.

Trên đây là những cơ sở khoa học để giúp tác giả đánh giá thực trạng quản lý ở chương 2 và lựa chọn các biện pháp quản lý HĐTN ở trường tiểu học trong Chương 3.

1.2. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu thực trạng HĐTN và quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông cho thấy:

Phần lớn các CBQL, GV có đã đánh giá đúng về tầm quan trọng của HĐTN trong việc mang lại nhiều lợi ích và ý nghĩa cho HS như: HĐTN hình thành tâm lý xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày; HĐTN có ý nghĩa và sân chơi bổ ích cho học sinh qua đây hình thành

phẩm chất, nhân cách. Mức độ thực hiện về phẩm chất và năng lực trong HĐTN của HS tiểu học cũng được CBQL, GV đánh giá ở các mức khá và tốt. Nội dung tổ chức HĐTN cũng được đa phần HS bày tỏ thái độ thích thú. Bên cạnh đó, các nhà trường cũng đã bước đầu huy động sự tham gia của các lực lượng khác nhau trong việc tổ chức HĐTN cho HS. Các phương thức loại hình tổ chức HĐTN cũng khá đa dạng. Tuy nhiên cùng với đó các điều kiện hỗ trợ HĐTN vẫn chưa được đánh giá cao nên các nhà trường cần chú ý hơn đến những vấn đề này.

Việc quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông đa phần đã được chú trọng thực hiện. Mức độ kết quả đạt được khi thực hiện các mục tiêu, nội dung quản lý được đánh giá đa phần ở mức độ khá tốt. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì vẫn còn một số nội dung quản lý vẫn được đánh giá chưa cao. Kết quả khảo sát cũng cho thấy có rất nhiều yếu tố được đánh giá là ảnh hưởng đến việc quản lý HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn huyện huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Cụ thể là các yếu tố liên quan đến Chương trình HĐTN cấp tiểu học; Năng lực của đội ngũ CBQL, GV,...

Từ kết quả nghiên cứu thực trạng, trong chương 3 tác giả luận văn đã đề xuất các biện pháp như sau:

Biện pháp 1: Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ GV, CBQL, phụ huynh HS về HĐTN của HS.

Biện pháp 2: Chỉ đạo GV thực hiện chương trình HĐTN theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Biện pháp 3: Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTN của HS cho GV.

Biện pháp 4: Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho HS.

Biện pháp 5: Đảm bảo kinh phí, cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho HS.

Biện pháp 6: Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTN cho HS.

Biện pháp 7: Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HĐTN của HS.

Bảy biện pháp trên đều quan trọng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, mỗi biện pháp là một mắt xích quan trọng không thể coi nhẹ biện pháp nào. Mỗi biện pháp có thể mạnh riêng nhưng tùy thuộc vào từng điều kiện hoàn cảnh tùy từng môi trường, nhà trường mà có biện pháp thích ứng, hiệu quả cần thiết hơn và cũng có biện pháp thì ở vị trí thứ yếu hơn. Muốn đạt được hiệu quả cao trong quá trình tổ chức HĐTN thì không được coi nhẹ biện pháp nào, mà cần thực hiện một cách đồng

bộ tất cả các biện pháp vì các biện pháp đó gắn kết chặt chẽ với nhau, quan hệ ràng buộc chi phối lẫn nhau, tạo điều kiện hỗ trợ và bổ sung cho nhau trong quá trình quản lý của người hiệu trưởng.

Bên cạnh đó, kết quả khảo nghiệm tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp cũng cho thấy, các biện pháp mà tác giả đề xuất đều được CBQL, GV đánh giá là có tính khả thi cũng như tính cấp thiết khi đưa vào sử dụng ở trong các nhà trường tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông hiện nay.

2. Khuyến nghị

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài ***“Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường Tiểu học huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông”*** tác giả có một số kiến nghị sau:

2.1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ về tổ chức HĐTN cho cán bộ quản lý và giáo viên.

- Tổ chức cho cán bộ quản lý các cấp được tham quan học tập các điển hình về tổ chức và quản lý tổ chức HĐTN ở các tỉnh bạn và các nước trong khu vực.

2.2. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Nông

- Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ tổ chức HĐTN, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về tầm quan trọng của tổ chức HĐTN cho học sinh trong bối cảnh mới.

- Chỉ đạo các Phòng Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo các trường tích cực chia sẻ thông tin, khai thác nguồn tài nguyên từ website, mạng internet, mạng trường học kết nối.

2.3. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Song tỉnh Đắk Nông

- Xây dựng tiêu chí đánh giá về kết quả thực hiện tổ chức HĐTN cho học sinh của các nhà trường.

- Tạo điều kiện cho CBQL, giáo viên cốt cán được học tập, trao đổi về tổ chức các hoạt động ngoại khóa, HĐTN ở các đơn vị trong tỉnh và ngoài tỉnh.

- Cử giáo viên có năng khiếu đi đào tạo kỹ năng về tham gia giảng dạy HĐTN.

2.4. Đối với các trường Tiểu học trên địa bàn huyện Đắk Song

- Bám sát văn bản hướng dẫn chỉ đạo của các cấp chủ động xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nội dung HĐTN cho học sinh.

- Tạo điều kiện thuận lợi để CBQL, GV tham dự các lớp bồi dưỡng, chuyên

đề, tham quan, chia sẻ kinh nghiệm về tổ chức HĐTN.

- Xây dựng tiêu chí đánh giá về mức độ thực hiện HĐTN cho học sinh của các lực lượng giáo dục, là một trong các căn cứ đánh giá Thi đua - Khen thưởng trong các đợt thi đua của năm học.

- Tổ chức hiệu quả các hoạt động tập thể trong nhà trường, tăng cường hoạt động ngoài giờ, tham vấn, dã ngoại, trải nghiệm cho học sinh.

- Tranh thủ điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên dạy các môn Anh văn, Mỹ thuật, Thể chất, Nhạc, Giáo viên Tổng phụ trách Đội... nhằm thực hiện tốt việc tích hợp tổ chức HĐTN thông qua giảng dạy các môn học, phối hợp với Đoàn thanh niên và các lực lượng giáo dục khác trong và ngoài nhà trường trong giáo dục HĐTN cho học sinh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu Tiếng Việt

1. Trần Văn Anh (2011). Một số biện pháp dạy học lịch sử địa phương ở nước Anh. *Tạp chí Giáo dục*, số 269, tr 39-45.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT)*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Công văn số: 3535/BGDĐT-GDTH V/v: Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 từ năm học 2020-2021*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019). *Công văn số 3892/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2019-2020*.
5. Hoàng Hòa Bình (2015). Năng lực và đánh giá năng lực. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, số 71 (6), tr 21-32.
6. Đặng Quốc Bảo (1977), *Một số khái niệm về quản lý giáo dục*, Trường Cán bộ Quản lý Giáo dục, Hà Nội.
7. Bùi Minh Hiền (chủ biên), Vũ Ngọc Hải, Đặng Quốc Bảo (2006). *Quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
8. Phạm Thị Thu Hương (chủ biên, 2017). *Giáo trình Thực hành dạy học Ngữ văn ở trường phổ thông*. NXB Đại học Sư phạm.
9. Trần Kiểm (1990), *Quản lý giáo dục và quản lý nhà trường*. Viện Khoa học Giáo dục, Hà Nội.
10. John Dewey (2012). *Kinh nghiệm và giáo dục*. Người dịch: Phạm Anh Tuấn. Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh.
11. Đoàn Thị Mỹ Linh (2020), Vận dụng mô hình học tập trải nghiệm và phong cách học tập của David A. Kolb trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, Số 475 (Kì 1 - 4/2020), tr 17-21.
12. Nguyễn Thị Liên (chủ biên) - Nguyễn Thị Hằng - Tưởng Duy Hải - Đào Thị Ngọc Minh (2016). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong nhà trường phổ thông*. NXB Giáo dục Việt Nam.
13. Đào Thị Ngọc Minh, Nguyễn Thị Hằng (2018), Học tập trải nghiệm - lý thuyết và vận dụng vào thiết kế, tổ chức hoạt động trải nghiệm trong môn học ở trường phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*.
14. Nguyễn Thị Hồng Nam (chủ biên) - Trịnh Thị Hương - Trần Minh Hoàng (2019). *Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh lớp 10 môn Ngữ văn*. NXB Giáo dục Việt Nam.
15. Hoàng Phê (chủ biên, 2008). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
16. Nguyễn Thị Ngọc Phúc (2018). Quan điểm, chu trình và đặc điểm của dạy học trải nghiệm. *Tạp chí Dạy và học ngày nay*. Số tháng 4/2018: 7-9.
17. Trần Hoài Phương (2018). Role-playing as an experiential activity in teaching literature for high school students. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 63(5A), 132-136.
18. Nguyễn Thị Kim Phương (2021), *Quản lý hoạt động trải nghiệm trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở các trường Tiểu học thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương*. Luận văn thạc sĩ quản lý giáo dục, Trường ĐH Sư phạm, ĐH Huế.
19. Trần Thị Mai Phương (2015). *Quản lý hoạt động trải nghiệm sáng tạo cho học sinh trong các trường Tiểu học huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng*. Luận văn Thạc sĩ Quản lý Giáo dục, Học viện quản lý giáo dục.
20. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận quản lý giáo dục*. Giáo

- trình, Trường Cán bộ quản lý Giáo dục và Đào tạo Trung ương I, Hà Nội
21. Reginald D. Archambault (2012). *John Dewey về giáo dục*. Người dịch: Phạm Toàn. Nxb Trẻ, Hà Nội.
 22. Phạm Minh Thảo (2021), *Quản lý hoạt động trải nghiệm cho học sinh các trường tiểu học Quận Ba Đình, Hà Nội theo hướng phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường*. Luận văn Thạc sỹ Quản lý Giáo dục, Học viện quản lý giáo dục, Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học Xã hội.
 23. Phạm Quang Tiệp (2017), *Đạy học khoa học cho học sinh tiểu học theo hướng trải nghiệm*, *Tạp chí Giáo dục. Số Đặc biệt T8/2017*, Trang 201-205
 24. Phạm Quang Tiệp (2015). *Thiết kế bài học tích hợp trong dạy học ở tiểu học*. Kĩ yếu Hội thảo Quốc gia về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực giáo dục tiểu học. NXB Hồng Đức.
 25. Đỗ Hoàng Toàn (1995), *Lý thuyết quản lý*, Nxb Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.
 26. Nguyễn Hữu Tuyên (2017), *Tổ chức dạy học khái niệm, định lý trong môn Toán cho học sinh trung học cơ sở qua hoạt động trải nghiệm*. *Tạp chí Giáo dục số đặc biệt, kì 1 tháng 10/2017*, tr72 – 76; 39.
 27. Huỳnh Mộng Tuyên (2019). *Giáo dục lịch sử địa phương qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học tỉnh Kiên Giang*. *Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 5, tr 208-210*.
 28. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2018). *Phát triển năng lực ngôn ngữ cho học sinh trung học cơ sở qua tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học Ngữ văn*. *Tạp chí Giáo dục, số 437, tr 28-32; 22*.

Tài liệu Tiếng Anh

29. Atherton, J. S. (2009). *Learning and Teaching External Learning*. Available from: <http://www.learningandteaching.info/learning/experience.html>.
30. Katrin, K. R., & Urve, L. (2012). *Teaching Literature In and Outside of the Classroom. Social and Behavioral Sciences*, 45, 216-226.
31. Kolb, A. D. (2015). *Experiential learning, Experience as the Source of Learning and Development*. Pearson Education, Inc, Second Edition.
32. Joplin L., (1995). "On defined experiential education". In Warren Karen (Eds.). *Theory of experiential education*. Asociasion Experiential Educaiton, 469 pages.
33. Passarelli, A. M., & Kolb, D. A. (2012). Using experiential learning theory to promote student learning and development in programs of education abroad. *Student learning abroad: What our students are learning, what they're not, and what we can do about it*, 137-161.
34. Scott D. Wurdinger (2005). *Using Experiential Learning in the Classroom*. Published by Rowman & Littlefield Education, America
35. Thomas Howard Morris (2019). *Experiential learning - a systematic review and revision of Kolb's model*. *Interactive Learning Environments*. DOI: <https://doi.org/10.1080/10494820.2019.1570279>.
36. Viera Boumová (2008), *Traditional vs. Modern Teaching Methods: Advantages and Disadvantages of Each*. <https://is.muni.cz/th/f62v8/MgrDiplomkaBoumova.pdf>

PHỤ LỤC

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên các trường Tiểu học)

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Chúng tôi đang thực hiện một nghiên cứu khoa học về công tác quản lý hoạt động trải nghiệm (HĐTN) của học sinh ở các trường tiểu học huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Chúng tôi rất mong Quý Thầy/Cô dành chút thời gian cho biết ý kiến của mình thông qua việc trả lời các câu hỏi sau bằng cách khoanh tròn vào con số tương ứng với phương án phù hợp nhất hoặc vui lòng ghi ý kiến vào phần còn trống.

Chúng tôi cam kết rằng, những ý kiến của Quý thầy/cô chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu khoa học, không nhằm vào mục đích nào khác. Rất mong nhận được sự hưởng ứng, hỗ trợ và xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của Quý thầy/cô!

PHẦN 1. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

Độ tuổi:

1. Dưới 30 tuổi
2. Từ 30 – 40 tuổi
3. Trên 40 tuổi

Cơ cấu:

1. Ban giám hiệu
2. Tổng phụ trách
3. Giáo viên lớp 1, 2, 3

Trình độ:

1. Trên đại học
2. Đại học
3. Cao đẳng

Thâm niên công tác:

1. < 10 năm
2. 10 – 20 năm
3. Trên 20 năm

Thầy/Cô đang công tác ở trường:.....

PHẦN 2. NỘI DUNG CÂU HỎI

Để đảm bảo sự thống nhất khi trả lời câu hỏi, trong đề tài này, hoạt động trải nghiệm (HĐTN) được hiểu là hoạt động giáo dục do nhà giáo dục định hướng, thiết kế và hướng dẫn thực hiện, tạo cơ hội cho học sinh tiếp cận thực tế, thể nghiệm các cảm xúc tích cực, khai thác những kinh nghiệm đã có và huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng của các môn học để thực hiện những nhiệm vụ được giao hoặc giải quyết những vấn đề của thực tiễn đời sống nhà trường, gia đình, xã hội phù hợp với lứa tuổi; thông qua đó, chuyển hoá những kinh nghiệm đã trải qua thành tri thức mới, hiểu biết mới, kỹ năng mới góp phần phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh, chuẩn bị cho học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, với môi trường.

Câu 1: Theo Thầy/Cô, các HĐTN có ý nghĩa như thế nào đối với học sinh?

TT	Ý nghĩa	Hoàn toàn không đồng ý	Phần lớn không đồng ý	Phân vân	Phần lớn đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
1	Hoạt động trải nghiệm có ý nghĩa rất quan trọng đối với học sinh tiểu học	1	2	3	4	5
2	HĐTN có ý nghĩa và sân chơi bổ ích cho học sinh qua đây hình thành phẩm chất, nhân cách	1	2	3	4	5
3	HĐTN hình thành tâm lí xã hội, tích lũy các kinh nghiệm phát huy tính sáng tạo để vận dụng trong cuộc sống hằng ngày	1	2	3	4	5
4	HĐTN luôn đam mê, hào hứng với tiết học	1	2	3	4	5
5	Học sinh luôn kích thích sáng tạo, sở thích khám phá thế giới xung quanh.	1	2	3	4	5
6	Chương trình học sẽ được giúp các em trải nghiệm thiên nhiên, trải nghiệm văn hóa.	1	2	3	4	5
7	Thông qua trải nghiệm thực tế các em còn được học các giá trị của bản thân, biết tôn trọng lắng nghe, có tinh thần trách nhiệm, dũng cảm và cầu thị.	1	2	3	4	5

Câu 2: Những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực trong HĐTN của HS lớp 1, 2 và 3 đã được thực hiện như thế nào ở trường Thầy/Cô đang công tác?

TT	Yêu cầu cần đạt	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
I	Phẩm chất chủ yếu					
1	Yêu nước	1	2	3	4	5
2	Nhân ái	1	2	3	4	5
3	Chăm chỉ	1	2	3	4	5
4	Trung thực	1	2	3	4	5
5	Trách nhiệm	1	2	3	4	5
II	Năng lực chung					
1	Năng lực tự chủ và tự học	1	2	3	4	5
2	Năng lực giao tiếp và hợp tác	1	2	3	4	5
3	Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo	1	2	3	4	5
III	Năng lực đặc thù					
1	Năng lực thích ứng với cuộc sống	1	2	3	4	5
2	Năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động	1	2	3	4	5
3	Năng lực định hướng nghề nghiệp	1	2	3	4	5

Câu 3: Thầy/Cô đã thực hiện các nội dung giáo dục của HĐTN cho học sinh lớp 1, 2 và 3 như thế nào?

TT	Nội dung	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
I	Hoạt động hướng vào bản thân					
1	Hoạt động khám phá bản thân	1	2	3	4	5
2	Hoạt động rèn luyện bản thân	1	2	3	4	5
II	Hoạt động hướng đến xã hội					
1	Hoạt động chăm sóc gia đình	1	2	3	4	5
2	Hoạt động xây dựng nhà trường	1	2	3	4	5

3	Hoạt động xây dựng cộng đồng	1	2	3	4	5
III Hoạt động hướng đến tự nhiên						
1	Hoạt động tìm hiểu và bảo tồn cảnh quan thiên nhiên	1	2	3	4	5
2	Hoạt động tìm hiểu và bảo vệ môi trường	1	2	3	4	5

Câu 4: HĐTN của học sinh thực được tiến hành ở trường Thầy/Cô thông qua những phương thức nào dưới đây?

TT	Phương thức	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Trò chơi	1	2	3	4	5
2	Ngoại khóa	1	2	3	4	5
3	Diễn đàn thảo luận	1	2	3	4	5
4	Sân khấu hóa	1	2	3	4	5
5	Thực hành lao động	1	2	3	4	5
6	Hoạt động tình nguyện	1	2	3	4	5
7	Hoạt động nhân đạo	1	2	3	4	5
8	Hoạt động gtheo nhóm sở thích	1	2	3	4	5
9	Phương pháp giải quyết vấn đề	1	2	3	4	5
10	Phương pháp đóng vai	1	2	3	4	5
11	Tham gia dã ngoại	1	2	3	4	5
12	Đi thăm hỏi các đơn vị quân đội, các gia đình có công.	1	2	3	4	5
13	Đi tìm hiểu các di tích lịch sử, văn hóa địa phương.	1	2	3	4	5

Câu 5: Trường Thầy/Cô thường tổ chức các HĐTN cho học sinh thông qua loại hình hoạt động nào?

TT	Loại hình hoạt động	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Sinh hoạt dưới cờ	1	2	3	4	5
2	Sinh hoạt lớp	1	2	3	4	5
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề	1	2	3	4	5
4	Câu lạc bộ	1	2	3	4	5

Câu 6: Ở trường Thầy/Cô, ai là người tổ chức HĐTN cho học sinh?

TT	Lực lượng	Không bao giờ	Hiếm khi	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1	Ban giám hiệu	1	2	3	4	5
2	Tổng phụ trách	1	2	3	4	5
3	Giáo viên chủ nhiệm	1	2	3	4	5
4	Giáo viên bộ môn	1	2	3	4	5
5	Cán bộ tư vấn học đường	1	2	3	4	5
6	Các lực lượng xã hội khác (hội phụ huynh, hội phụ nữ...)	1	2	3	4	5

Câu 7: Theo Thầy/cô, năng lực tổ chức HĐTN cho học sinh của giáo viên trường Thầy/Cô như thế nào?

TT	Năng lực	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Hiểu biết về bản thân và môi trường sống	1	2	3	4	5
2	Nhận biết sự thay đổi của cơ thể, cảm xúc suy nghĩ của bản thân	1	2	3	4	5
3	Hình thành được một số thói quen nếp sống sinh hoạt và kỹ năng tự phục vụ.	1	2	3	4	5
4	Nhận ra được nhu cầu phù hợp và nhu cầu không phù hợp.	1	2	3	4	5

5	Nhận ra được một số nguy hiểm từ môi trường sống xung quanh	1	2	3	4	5
6	Điều chỉnh bản thân và đáp ứng với sự thay đổi	1	2	3	4	5
7	Đề xuất được cách giải quyết cho cùng một vấn đề.	1	2	3	4	5
8	Tham gia xác định nội dung và cách thức thực hiện hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm	1	2	3	4	5
9	Thực hiện được kế hoạch hoạt động cá nhân, biết tìm sự hỗ trợ khi cần thiết	1	2	3	4	5
10	Tham gia tích cực vào hoạt động nhóm	1	2	3	4	5
11	Chỉ ra được sự tiến bộ của bản thân sau hoạt động.	1	2	3	4	5
12	Nêu được ý nghĩa của hoạt động của bản thân và tập thể.	1	2	3	4	5

Câu 8: Thầy/cô đánh giá như thế nào về các điều kiện tổ chức HĐTN cho học sinh của trường Thầy/Cô đang công tác?

TT	Điều kiện	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Kinh phí hỗ trợ HĐTN cho học sinh	1	2	3	4	5
2	Cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục hỗ trợ HĐTN cho học sinh	1	2	3	4	5
3	Sự phối kết hợp với chính quyền và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN cho học sinh	1	2	3	4	5
4	Các tài liệu về HĐTN trong thư viện	1	2	3	4	5
5	Các chế độ, chính sách cho những cán bộ, giáo viên tổ phụ trách HĐTN	1	2	3	4	5

Câu 9: Thầy/Cô đánh giá như thế nào về công tác quản lý HĐTN của học sinh ở đơn vị mình?

9.1. Quản lý thực hiện mục tiêu HĐTN cho học sinh

TT	Nội dung	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Xác định mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh trong chương trình giáo dục cấp tiểu học.	1	2	3	4	5
2	Phổ biến mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh đến đội ngũ thực hiện.	1	2	3	4	5
3	Hướng dẫn đội ngũ thực hiện cách thực hiện mục tiêu tổ chức HĐTN cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	1	2	3	4	5

9.2. Quản lý thực hiện nội dung HĐTN

TT	Nội dung	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Tổ chức cho giáo viên tìm hiểu về các mạch nội dung của HĐTN cho học sinh theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	1	2	3	4	5
2	Hướng dẫn giáo viên thực hiện các mạch nội dung để đạt được yêu cầu cần đạt của HĐTN theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.	1	2	3	4	5
3	Hướng dẫn giáo viên lựa chọn, sử dụng các chủ đề HĐTN trong các bộ sách giáo khoa/tài liệu phù hợp với yêu cầu cần đạt và các mạch nội dung.	1	2	3	4	5
4	Ban giám hiệu kết hợp với tổ trưởng chuyên môn rà soát, phê duyệt các nội dung HĐTN cho học sinh.	1	2	3	4	5

9.2. Quản lý thực hiện phương thức và loại hình tổ chức HĐTN

TT	Nội dung	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Tổ chức cho giáo viên tìm hiểu, thảo luận về việc thực hiện các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh.	1	2	3	4	5
2	Tạo điều kiện cho các giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng về phương thức và loại hình tổ chức HĐTN.	1	2	3	4	5
3	Chỉ đạo cho đội ngũ cán bộ, giáo viên phối hợp các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	1	2	3	4	5
4	Chỉ đạo đội ngũ thực hiện tăng cường phương thức tổ chức HĐTN cho học sinh khám phá, giải quyết các vấn đề thực tiễn.	1	2	3	4	5
5	Tổ chức các buổi chuyên đề về việc triển khai các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	1	2	3	4	5
6	Thường xuyên lấy ý kiến giáo viên, phụ huynh về hiệu quả của các phương thức và loại hình tổ chức HĐTN cho học sinh	1	2	3	4	5

9.3. Quản lý các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN

TT	Nội dung	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Xác định các lực lượng thực hiện các HĐTN cho học sinh TH tương ứng với các hình thức tổ chức HĐTN.	1	2	3	4	5
2	Xác định chức năng, nhiệm vụ, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng lực lượng tham gia tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
3	Phân công cán bộ quản lý trong Ban	1	2	3	4	5

	giám hiệu phụ trách trực tiếp các HĐTN					
4	Phát huy vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong tổ chức HĐTN cho học sinh.	1	2	3	4	5
5	Chỉ đạo giáo viên phối hợp với các lực lượng xã hội và các đơn vị, cơ sở sản xuất trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
6	Huy động các nguồn lực (vật lực, tài lực, nhân lực...) từ gia đình và các lực lượng xã hội trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5

9.4. Quản lý các điều kiện phục vụ tổ chức HĐTN

TT	Nội dung	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Đảm bảo kinh phí tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
2	Đảm bảo điều kiện cơ sở vật chất tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
3	Nâng cao ý thức trách nhiệm của giáo viên, nhân viên trong việc sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị hỗ trợ HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
4	Bố trí thời gian hợp lý cho tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
5	Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5

9.5. Quản lý kiểm tra, đánh giá HĐTN

TT	Nội dung	Kém	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
1	Kiểm tra việc thực hiện các nội dung HĐTN cho học sinh THCS.	1	2	3	4	5

2	Kiểm tra việc thực hiện các phương pháp, hình thức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
3	Kiểm tra sự phối kết hợp các lực lượng trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5
4	Đánh giá, rút kinh nghiệm, thực hiện các điều chỉnh kịp thời sau kiểm tra.	1	2	3	4	5
5	Nhà trường khen thưởng, biểu dương các cán bộ, GV tích cực trong tổ chức HĐTN cho học sinh THCS.	1	2	3	4	5
6	Nhà trường có hình thức nhắc nhở, đôn đốc các cán bộ, GV chưa tích cực trong tổ chức HĐTN cho học sinh TH.	1	2	3	4	5

Câu 10: Thầy/Cô hãy đánh giá mức độ tác động của các yếu tố sau đây đến công tác quản lý HĐTN cho học sinh ở trường của Thầy/Cô?

TT	Yếu tố	Không tác động	Tác động ít	Tác động vừa	Tác động nhiều	Tác động rất nhiều
1	Chương trình HĐTN cấp tiểu học	1	2	3	4	5
2	Năng lực của đội ngũ cán bộ quản	1	2	3	4	5
3	Năng lực của đội ngũ giáo viên	1	2	3	4	5
4	Nhận thức của cha mẹ học sinh	1	2	3	4	5
5	Cơ sở vật chất và nguồn lực tài	1	2	3	4	5
6	Khả năng khai thác các điều kiện	1	2	3	4	5

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và hợp tác của Thầy/Cô!

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh lớp 1)

Chào em,

Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài về hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Chúng tôi rất mong muốn được biết ý kiến của em về những vấn đề dưới đây bằng cách khoanh tròn vào con số tương ứng với câu trả lời hoặc vui lòng ghi ý kiến vào phần bỏ trống.

Rất mong nhận được sự hưởng ứng, hỗ trợ và xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của em.

Câu 1. Trong các nội dung của hoạt động trải nghiệm lớp 1, em thích những nội dung nào?

TT	Chủ đề	Không thích	Thích	Rất thích
1	<i>Chủ đề 1: Em và những người bạn</i>	1	2	3
2	<i>Chủ đề 2: Một ngày của em</i>	1	2	3
3	<i>Chủ đề 3: Trường lớp thân yêu</i>	1	2	3
4	<i>Chủ đề 4: Em tự chăm sóc và phục vụ bản thân</i>	1	2	3
5	<i>Chủ đề 5: Gia đình yêu thương</i>	1	2	3
6	<i>Chủ đề 6: Cảm xúc của em</i>	1	2	3
7	<i>Chủ đề 7: Em và những người xung quanh</i>	1	2	3
8	<i>Chủ đề 8: Quê hương của em</i>	1	2	3

Câu 2. Em hãy cho biết mức độ hứng thú của em về những hoạt động sau:

TT	Hoạt động	Không hứng thú	Hứng thú	Rất hứng thú
1	Sinh hoạt dưới cờ	1	2	3
2	Sinh hoạt lớp	1	2	3
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm	1	2	3
4	Câu lạc bộ	1	2	3

Cảm ơn sự giúp đỡ của các em!

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh lớp 2)

Chào em,

Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài về hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Chúng tôi rất mong muốn được biết ý kiến của em về những vấn đề dưới đây bằng cách khoanh tròn vào con số tương ứng với câu trả lời hoặc vui lòng ghi ý kiến vào phần bỏ trống.

Rất mong nhận được sự hưởng ứng, hỗ trợ và xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của em.

Câu 1. Trong các nội dung của hoạt động trải nghiệm lớp 2, em thích những nội dung nào?

TT	Chủ đề	Không thích	Thích	Rất thích
1	Em và mái trường mến yêu	1	2	3
2	Vì một cuộc sống an toàn	1	2	3
3	Kính yêu thầy cô thân thiện với bạn bè	1	2	3
4	Truyền thống quê em	1	2	3
5	Chào năm mới	1	2	3
6	Chăm sóc và phục vụ bản thân	1	2	3
7	Yêu thương gia đình quý trọng phụ nữ	1	2	3
8	Môi trường xanh cuộc sống xanh	1	2	3
9	Những người sống quanh em	1	2	3

Câu 2. Em hãy cho biết mức độ hứng thú của em về những hoạt động sau:

TT	Hoạt động	Không hứng thú	Hứng thu	Rất hứng thú
1	Sinh hoạt dưới cờ	1	2	3
2	Sinh hoạt lớp	1	2	3
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm	1	2	3
4	Câu lạc bộ	1	2	3

Cảm ơn sự giúp đỡ của các em!

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN

(Dành cho học sinh lớp 3)

Chào em,

Chúng tôi đang thực hiện nghiên cứu đề tài về hoạt động trải nghiệm (HĐTN) cho học sinh ở các trường tiểu học huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông. Chúng tôi rất mong muốn được biết ý kiến của em về những vấn đề dưới đây bằng cách khoanh tròn vào con số tương ứng với câu trả lời hoặc vui lòng ghi ý kiến vào phần bỏ trống.

Rất mong nhận được sự hưởng ứng, hỗ trợ và xin trân trọng cảm ơn sự cộng tác, giúp đỡ của em.

Câu 1. Trong các nội dung của hoạt động trải nghiệm lớp 3, em thích những nội dung nào?

TT	Chủ đề	Không thích	Thích	Rất thích
1	Em và trường tiểu học thân yêu	1	2	3
2	An toàn trong cuộc sống	1	2	3
3	Kính yêu thầy cô Thân thiện với bạn bè	1	2	3
4	Tự hào truyền thống quê em	1	2	3
5	Năm mới và tiêu dùng thông minh	1	2	3
6	Chăm sóc và phát triển bản thân	1	2	3
7	Yêu thương gia đình quý trọng phụ nữ	1	2	3
8	Cuộc sống xanh	1	2	3
9	Những người sống quanh em và nghề em yêu thích.	1	2	3

Câu 2. Em hãy cho biết mức độ hứng thú của em về những hoạt động sau:

TT	Hoạt động	Không hứng thú	Hứng thú	Rất hứng thú
1	Sinh hoạt dưới cờ	1	2	3
2	Sinh hoạt lớp	1	2	3
3	Hoạt động giáo dục theo chủ đề được tiến hành trong giờ Hoạt động trải nghiệm	1	2	3
4	Câu lạc bộ	1	2	3

Cảm ơn sự giúp đỡ của các em!

PHIẾU KHẢO NGHIỆM

(Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên các trường Tiểu học)

Để có cơ sở cho việc nghiên cứu thực tiễn nội dung “**Quản lý HĐTN cho học sinh ở các trường Tiểu học**”, kính mong Thầy/Cô giúp đỡ, cho biết ý kiến về các biện pháp đề xuất mà chúng tôi nêu ra dưới đây bằng cách khoanh tròn vào lựa chọn phù hợp nhất.

Xin trân trọng cảm ơn!

STT	Biện pháp	Tính cấp thiết				Tính khả thi			
		Không cấp thiết	Ít cấp thiết	Cấp thiết	Rất cấp thiết	Không khả thi	Ít khả thi	Khả thi	Rất khả thi
1	Tổ chức nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phụ huynh học sinh về HĐTN.	1	2	3	4	1	2	3	4
2	Chỉ đạo giáo viên thực hiện chương trình HĐTN theo hướng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn địa phương.	1	2	3	4	1	2	3	4
3	Tổ chức bồi dưỡng phương thức tổ chức HĐTN của học sinh cho giáo viên.	1	2	3	4	1	2	3	4
4	Chỉ đạo đa dạng hoá phương thức và loại hình trải nghiệm cho học sinh	1	2	3	4	1	2	3	4
5	Đảm bảo kinh phí,		2	3	4		2	3	4

	cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ tổ chức HĐTN cho học sinh.	1				1			
6	Chỉ đạo phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các lực lượng tham gia vào tổ chức HĐTN cho học sinh.	1	2	3	4	1	2	3	4
7	Đổi mới công tác quản lý hoạt động kiểm tra, đánh giá việc tổ chức HĐTN cho học sinh.	1	2	3	4	1	2	3	4

***Xin trân trọng cảm ơn sự giúp đỡ của Quý Thầy, Cô!
Kính chúc Thầy/Cô sức khỏe, công tác tốt và có nhiều niềm vui trong cuộc sống.***